

06 79
5
118
7
1968

Văn HỌC

TẠP CHÍ VĂN HÓA XÃ HỘI NGHỆ THUẬT



hàng năm
1968

NỘI DUNG SỐ NÀY

- | | |
|---|-------------------|
| 1— Đây là thực chất dân chủ | NGUYỄN CAO HÁCH |
| 3— Hoa nhà ai | DƯƠNG KIẾN |
| 12— Giấc mơ khoa học | HƯ TRÚC |
| 16— Nguyên nhân đau khổ trong truyện Thủy Kiêu | BỮU DƯƠNG |
| 17— Văn chương làm tình | NGUYỄN TRỌNG VĂN |
| 24— Cảnh xuân xanh | HÀ NGUYỄN THẠCH |
| 40— Thử lửa | TRANG CHÂU |
| 52— Mùa thu Gió-Linh | THẾ HOÀI |
| 70— Xin lỗi về những
nhầm lẫn dĩ vãng | NGUYỄN-SA |
| 73— Những chiếc nút | TẠ TRUNG SƠN |
| 80— Thư về thành phố | PHÙNG KIM CHÚ |
| 82— Con mắt đá đen | DƯƠNG NGHIỆM MẬU |
| 91— Trên thân thề đó | TRANG CHÂU |
| 92— Niềm đau hiện đại | NGHIÊM VŨ |
| 94— Gõ cửa đời | THÁNH TÔN |
| 96— Từ KBC 4100 | LUÂN HOÀN |
| 113— Quê hương | LÊ THỊ HẸN |
| 101— Đọc : Mạch nước ngầm
của Nguyễn Ngọc (Hà nội) | SÔNG THAI |
| 110— Buổi sáng... | LÊ VĨNH THỌ |
| 114— Chân Trời văn học | PHƯƠNG KHẢN |
| 136— Lời tình cho mùa
xuân yêu dấu | PHAN NHƯ-THỨC |
| 137— Nhận mặt mùa xuân tới | TỔ ĐÌNH SỰ |
| 138— Thơ anh bây giờ | HOÀNG LỘC |
| 139— Phấn đấu | HUY GIANG |
| 140— Ngựa xưa | NGUYỄN KIM-PHƯỢNG |
| 141— Tình khúc | TRẦN DẪ LỮ |
| 142— Mùa xuân sắp đến | NGUYỄN NHO-NHUỘNG |
| 143— Đêm 30 trên đời Lâm Lộc | LUÂN HOÀN |

Thư từ, bài vở, giao dịch xin đề

PHAN KIM-THỊNH

449B Hai Bà Trưng — SAIGON

Lá thư đầu năm

Thông lệ cuối năm người ta thường tính lại những việc đã làm trong năm với thành công hay thất bại. Nhân dịp này Văn Học cũng xin gửi đến quý bạn đọc thân hữu ít dòng để tính sổ một năm qua và định cho tương lai sắp đến.

Đã năm năm Văn Học được hân hạnh gửi đến tay bạn đọc bằng sự đóng góp tinh thần lẫn vật chất của các văn hữu mọi nơi. Thành công này chúng tôi trước hết xin gửi đến anh em biên tập cộng tác viên và bạn đọc lời cảm tạ và hy vọng sang năm mới, Văn Học còn được thêm nhiều thân hữu cộng tác và nhiều bạn đọc ủng hộ. Trong lá thư đầu năm này, chúng tôi cũng không quên gửi riêng đến các chiến hữu đang thu huấn tại các quân trường hoặc đang cầm súng nơi tiền đồn đã dấn nhiều thì giờ viết thư và bài gửi về Văn học hoặc trực tiếp dành những ngày nghỉ phép tới thăm tòa soạn cũng khích lệ chúng tôi tiếp tục xuất bản Văn Học.

3. Tất cả sự quý mến trên tòa soạn xin cố gắng và năm mới đã đến, những trở ngại ngoài ý muốn trong năm cũ Văn Học đã gặp phải sẽ qua đi. Bước sang năm thứ sáu dự định của chúng tôi quyết thực hiện chương trình dưới đây:

— Mời thêm các văn hữu cộng tác, cùng đón nhận những bạn trẻ nhiệt tâm xây dựng văn hóa dân tộc.

— Bằng mọi cách dù hy sinh những gì còn lại để Văn Học xuất bản thường xuyên 1 và 15 mỗi tháng. *

— Thực hiện chương trình xuất bản sách của anh chị em đã biên tập cho Văn Học hoặc thân hữu bốn phương.

— Như tòa soạn đã loan tin và trình bày trong Văn Học số 27 tháng 11-64 chúng tôi sẽ xuất bản một nhật báo mang tên là CẤP TIẾN. Nhật báo CẤP TIẾN sau 5 năm đệ đơn xin xuất bản nay mới được phép. CẤP TIẾN sẽ là tiếng nói của thể hệ mới quyết chống chủ nghĩa cộng sản. Không tư bản. Việt Nam của Việt Nam.

Nếu những dự định trên đầu năm chúng tôi thực hiện được và không gặp trở ngại Văn Học sẽ là nơi họp mặt của những người nhiệt tâm làm văn học nghệ thuật không vì lợi và, tham gia những hoạt động chính trị không vì danh. Tin tưởng ở chủ trương độc lập VĂN HỌC và CẤP TIẾN sẽ được nhiều thân hữu tiếp tục cộng tác và bạn đọc ủng hộ.

Trở về nội dung số đặc biệt Xuân Mậu Thân tòa soạn xin giới thiệu những biên khảo giá trị về chánh trị và văn hóa của các giáo sư Nguyễn cao Hách, Bửu Dưỡng, Hư Trúc, Nguyễn Trọng Văn cùng những sáng tác thơ văn của các nhà văn Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Sa, Cung Tích Biền, Luân Hoán, Trang Châu, Lê Vĩnh Thọ v.v... gửi đến bạn đọc những ngày đầu xuân trong gia đình hạnh phúc và tiền đôn thắng lợi, hy vọng cuối của Văn Học là cầu nguyện năm Mậu Thân sẽ là năm Hòa Bình đến với dân tộc Việt Nam.

VĂN-HỌC

W 263493
101

MS

hoa nhà ai

Tôi nhớ mong như em nhớ mong
Má em tôi tưởng có xuân hồng
Bỗng dưng trời đất mềm thương nhớ
Mộng bốn phương nào em biết không ?

Tôi bước mơ hồ trên cát bỏng
Ai đem lửa đỏ đốt bàn chân ?
Tưởng chừng như có ngàn con én,
Cũng chẳng mang về một chút xuân,

Chênh vênh mái đỏ ngóng trời xanh
Hầu dãy xuân ca, sông dãy tình
Thiêm thiếp ngả yên trời mặt nguyệt
Sầu tuy không khỏi cũng xây thành

Gác xuân trơ trọi
Hương lửa chưa thành
Nào say một mình ! Nao uống một mình !
Lòng riêng dựng một triều đình
Nó đem hư ảnh gợi tình cổ hương

Này đây bài ca thêm một lần hương.
Đem cổ mùa xuân nổi lửa đêm trường
Chết nhà màu xanh trong mắt biển
Bánh gập ghềnh nghiêng lạc phố phường

Tay ấn tường song ngói bát cứng
Giấy đen, mực vấy rêu mai sau
Chừng nào em mới về, em hỡi ?
Nhạc trời hoàng hôn, xe ruồi mau

Tôi vẫn hơi đây, hai mắt đỏ
Ngã hoang, trời hẹp, hoa nhà ai
Hình như có liếng sao băng vũ
Cũng tưởng mùa xuân chuyền gót hát.

Đầu là thực chất dân chủ

NGUYỄN CAO-HÁCH

I.— Lý tưởng và thể chế dân chủ đã nhiều lần thăng trầm:

— Có người coi lý tưởng dân chủ như một khẩu hiệu cách mạng để đả phá những chế độ độc tài chuyên chế và những quyền lợi cố hữu. Dân chủ thành khẩu hiệu liên lạc của những người bất mãn trong một chế độ thiếu tự do, muốn đả phá chế độ đó.

— Có người cho dân chủ là một sự tự nhiên, cũng như không khí mà ta hít thở, không ai để ý tới không khi mặc dầu rất cần thiết cho đời sống. Đó là những người đã may mắn sinh trưởng trong một chế độ dân chủ. Sự yên trí của họ nhiều khi đưa tới thái độ thủ cựu, vì cho là đã dân chủ rồi thì không cần thức mắc và đặt thêm vấn đề gì khác.

— Lý tưởng và định chế dân chủ đã nhiều lần thăng trầm trong lịch sử nhân loại : bắt nguồn từ vài một đô thị cổ Hy Lạp nó đã biến hẳn suốt thời trung cổ mãi tới giữa thế kỷ 9 mới tái hiện và giữa thế kỷ 20 phát triển mạnh mẽ vì các cường quốc phía dân chủ đã thắng toàn hai trận đại chiến trong đó phe bại trận đã theo chế độ độc tài:

¶ — Thể chế dân chủ đã phát sinh trong nhiều hoàn cảnh khác biệt trong xã hội nông nghiệp cũng như xã hội kỹ nghệ

xã hội cổ xưa cũng như xã hội cực kỳ tân tiến ngày nay, xã hội nghèo hay xã hội giàu. Nó đã phồn thịnh trong những xứ nhỏ bé như Na-Uy và Tân-Tây-Lan. Nó đã bành trướng tại Anh quốc quốc thời giữa thế kỷ 19, chính lúc Anh đô hộ một đế quốc rộng nhất trong lịch sử.

II.—Thế chế dân chủ không có một nội dung thuần nhất.

Dân chủ đã phồn thịnh trong nhiều xứ khác nhau, vậy không thể có hai chế độ dân chủ giống hệt nhau.

Dân chủ khác nhau về *định chế và thủ tục*: tổ chức chính quyền lệ lối làm việc của các chính đảng, nội dung tinh thần của chế độ trật tự, xã hội, cơ cấu chính trị... khác nhau rất xa mặc dầu vẫn mang danh là dân chủ.

Dân chủ khác nhau về *cơ cấu xã hội và kinh tế*: dân chủ Mỹ trên căn bản tự do kinh doanh; dân chủ Pháp tìm căn bản hoạch và điều khiển kinh tế hoạt động của tư nhân, dù chủ điều khiển gián tiếp; Dân chủ Anh vẫn nảy nở dưới sự cai trị của đảng Lao-Động chủ trương quốc hữu hóa các hoạt kinh tế, chính yếu.

Dân chủ khác nhau về *Chủ nghĩa*: Một chế độ có thể đặt nặng vấn đề tự do cá nhân, một chế độ khác nhấn mạnh hơn sự quan trọng của nguyên tắc bình đẳng. Mặc dầu cả hai đều dân chủ. Một cộng đồng có thể lấy sự tối đa hóa hạnh phúc và thỏa mãn cá nhân làm nền tảng cho chính thể, trái với một cộng đồng khác đặt sự cường phú của Quốc gia lên hàng đầu. Cả 2 cùng là dân chủ.

Tóm lại, thành ngữ «dân chủ» không có một ý nghĩa rõ ràng. Nó có thể được dùng theo những chiều hướng trái ngược. Rất có nhiều cuộc tranh luận hàng say về dân chủ, sẽ thành trống rỗng và vô ích nếu người ta định nghĩa trước và nói rõ muốn dùng thành ngữ «dân chủ» để chỉ thực thể hay lý tưởng gì.

III.— Phải có một thuyết chánh trị làm

căn bản cho thế chế dân chủ.

Có rất nhiều quan niệm về phương pháp tổ chức chủ quyền

quốc gia, mà Dân chủ chỉ là một. Trong lịch sử, nó chưa bao giờ liên hiệp được đại đa số nhân loại.

Nhưng quan niệm đó đặt trên căn bản triết lý nào ? Không thể phê phán dân chủ nếu không xác định rõ *triết lý đại cương* nó nằm sau chế độ đó, và có thể phân tách dưới ba khía cạnh Xã-hội, Chính-trị và Triết-lý.

Xã hội là khung cảnh và nguồn gốc của thể chế dân chủ. Nó bao gồm toàn thể tương quan, liên hiệp và định chế trong 1 cộng đồng. Các tương quan đó là phương tiện để thỏa mãn nhu cầu chung. Định chế cụ thể hóa tương quan và cũng là nơi gặp gỡ để dung hòa quyền lợi tương khắc hoặc củng cố quyền lợi tương đồng.

Chung quanh các định chế có những nhóm xã hội nó củng cố định chế, gây áp lực, hoặc tìm cơ hội thay đổi định chế. Nếu các cuộc tranh chấp đó duy trì được khung cảnh pháp lý, nó gây một thể thăng bằng tạm thời, thường gọi là «trật tự xã hội».

Bất kỳ trạng thái xã hội nào cũng có thể gây tranh chấp chính trị. Và biến thành một vấn đề chính trị trọng đại đến độ lôi cuốn toàn dân. Thí dụ cuốn «Hành trình của Gulliver» do văn hào Swift viết. Gulliver tới nước Lilliput (người chim chích) Dân Lilliput chia thành hai phe đối đầu vì không đồng ý cách bóc vỏ một quả trứng (hột gà). Một phe chủ trương đập đầu to của quả trứng, phe đối lập chủ trương đầu bé. Cả nhau đến nỗi xư đó lâm vào nội chiến, và phe thất trận phải bỏ nước để lưu vong.

Câu chuyện có vẻ châm biếm, nhưng nó là điển hình của một vấn đề chính trị.

Biến chuyển xã hội và nguyên do của chính trị, nhưng chính trị cũng nhào nặn xã hội.

Chính quyền lập định chế để thỏa mãn nhu cầu chung. Định chế đó sẽ gây nhiều nhu cầu khác, nhất là nhu cầu tổ chức và trật tự. Không ai có thể quan niệm một cộng đồng sống vô trật tự.

Chế độ dân chủ cần một căn bản thứ ba: Lý tưởng đó là những nguyên tắc đại cương, thường ghi vào phân đầu của các hiệp pháp hoặc, nếu không ghi trong hiến pháp, nó chưa đựng trong phong tục và đạo lý của dân.

IV. — Thể chế dân chủ sinh trong đổ vỡ và máu lửa.

Lý tưởng dân chủ Âu châu tràn lan ra khắp thế giới. Nhưng tại Âu Châu, nó đã phát sinh trong máu và lửa. Tại Pháp, nó đã ra đời sau những cuộc thanh trừng rừng rợn, sau hai chục năm phiêu lưu chiến tranh với Nã Phá Luân và sau cuộc thất bại với Đức năm 1870. Tại các nước khác ở Âu Châu, hai cuộc cách mạng 1830 và 1848 chỉ là những giai đoạn dọn đường.

Tại Hoa Kỳ, nó đòi hỏi một chiến tranh giải phóng đối với Anh quốc, một cuộc nội chiến cam khổ (1961-65), mà tới ngày nay dân chủ vẫn chưa hoàn toàn vì khoảng 10% dân số (người da màu) chưa được đối đãi bình đẳng.

Các nước chậm tiến lần lượt thôn hồi chủ quyền sau năm 1945. Nước nào cũng công bố áp dụng một thể chế dân chủ. Nhưng rất ít quốc gia đã tuân hành được dân chủ đúng mức.

Mến Điện bắt đầu dân chủ rồi đi dần đến tan vỡ và không kiểm soát nổi miền giáp giới Trung Cộng; Tích Lan bắt đầu dân chủ nhưng không thể tiếp tục vì hai nhóm (Tamil và Gingblose) xung khắc mạnh. Ghana bắt đầu dân chủ, nhưng rồi Nkrumah bỏ tù mọi người đối lập. Đại Hôli bắt đầu dân chủ rồi năm 1958 rơi vào tay Thống Chế Ayub Khan. Nam Hàn bắt đầu dân chủ rồi ngày nay tới độc tài.

Hay là lý tưởng dân chủ đến còn quá sớm với các dân tộc nghèo khổ vì vừa mới thoát vòng ngoại trị? Hay là định chế dân chủ đã bị áp dụng sai đường lối và chỉ có hư ảnh, không có thực chất? Hay là dân chủ không thể sinh nở quá mau chóng và dễ dàng và đòi hỏi một thời kỳ thử thách đau khổ?

V.— Thực chất dân chủ và hình thức dân chủ.

Hình thức dân chủ gồm mọi số thủ tục và phương pháp tổ chức. Nó có thể đi đôi với thực chất dân chủ, hoặc trái ngược với thực chất đó.

Văn hóa của một dân tộc bao giờ cũng phản ánh qua sinh hoạt chính trị. Một cộng đồng không thể dân chủ nếu tương quan văn hóa và khuynh hướng tư tưởng trong cộng đồng đó không có gì là dân chủ. Cái vỏ dân chủ sẽ bị nội dung phản dân chủ phá vỡ mau chóng.

Không thể thực sự dân chủ, một xã hội chỉ muốn dùng vũ lực bành trướng chủ nghĩa đế quốc như thời Nhật Bản Quam Phiệt, thời Đức Quốc xã hoặc thời Ý Phát Xít. Vũ lực và bạo tàn trong tương quan đối ngoại sẽ lần lần thay đổi tinh tinh và thái độ của các dân tộc đó khi cư xử ngay với người trong xứ, và xứ đó trọng bạo tàn sẽ có những tổ chức phản dân chủ. Lẽ dĩ nhiên người ta vẫn có thể thảo một hiến pháp tóm thâu một ý kiến tiến bộ nhất trong hiến pháp các quốc gia khác. Nhưng nó xa rời thực tại và sẽ mau chóng biến thành một văn kiện khô khan và không áp dụng.

Trái ngược với lý tưởng dân chủ hơn cả là tình trạng chia rẽ và mâu thuẫn nội bộ, chia rẽ và xung đột vì tín ngưỡng, bất đồng vì những thành kiến hay quyền lợi địa phương nhỏ hẹp, vì phong tục các nhóm xung khắc, vì tham vọng và xu hướng khác nhau.... Người ta có thể chia rẽ, và đổ kỵ, và tính bác cấn bản thù vì rất nhiều lý do khác nhau, to hay bé, cao hay thấp hèn. Một dân tộc như thế rất khó dân chủ, vì dân chủ hàm ngụ một tối thiểu thân ái và nhượng nhịn, ít ra cũng chịu đựng cho kẻ khác bất đồng quan điểm với mình.

Khi chia rẽ trầm trọng, chính trị chỉ là một phương tiện để thỏa mãn tham vọng riêng của cá nhân hay của một nhóm. Chính trị sẽ thành một môi trường dễ gây ảnh hưởng riêng và dả phá đối phương. Đánh rằng nếu

hiều « dân chủ » theo nghĩa « quyền trong tay một nghị viện dân cử » tại sự tranh chấp khó tránh. Nhưng đó là tranh chấp về phương pháp và chi tiết để thể hiện những mục tiêu chung mà mọi người tôn trọng.

Một chính đảng thường cố gắng nắm quyền điều khiển guồng máy quốc gia: đó là đối tượng của mọi hoạt động chính trị. Nhưng nếu một khi quyền hành trong tay nó biến guồng máy Nhà Nước thành một cách áp bức và tiêu diệt đối phương, nó sẽ phản dân chủ. Vậy dân chủ chỉ có thể tồn tại trong tinh thần *trong đối tượng*.

Hình thức dân chủ chỉ có thể tồn tại nếu *tinh thần* của công động thực có tính cách dân chủ, nghĩa là nêu cao những lý tưởng *bình đẳng và tự do*.

Đó là điều kiện chính yếu trong những xã hội chậm tiến, nghèo khổ và vừa mới thoát ách ngoại bang. Các xã hội đó hiện đang *biến chuyển* mau chóng, và chắc chắn sẽ còn biến chuyển nữa trong giai đoạn lâu dài, để vượt khỏi các khó khăn hiện nay. Thực lực và ảnh hưởng các nhóm sẽ lưu động, vậy rất khó tiên đoán chính thể sẽ tiến theo chiều hướng nào. Nhưng sự biến chuyển đó không thể đồng nhịp và đồng chiều đối tất cả mọi khả năng và tham vọng của các thực lực trong xã hội. Có nhóm sẽ mạnh hơn, có nhóm sẽ trụt dốc, có nhóm mới thành hình, có nhóm không đủ sức thích nghi vào hoàn cảnh và không điều khiển nổi hoàn cảnh.

Nếu may mắn qua các giai đoạn biến chuyển đó lý tưởng dân chủ tồn tại được, *nội dung các định chế cũng phải thay đổi*. Điều quan trọng là làm sao dùng được tinh thần dân chủ làm mục thước điều khiển những cuộc tranh chấp khó tránh trong xã hội loài người.

Nói cách khác dân chủ chỉ có thể tồn tại nếu các nhóm tranh chấp đã cam đảm không lạm dụng quyền thế của mình. Đó là một thái độ hiền biết, đó cũng là một điều kiện tồn vong. *Dân chủ không thể đứng vững nếu xã hội không sẵn có tinh thần*

dân chủ. Một Hiến pháp không thể tự nó tạo ra dân chủ. Nó chỉ có thể xác nhận và củng cố những nền nếp và thói quen dân chủ đã sẵn có. Nếu căn bản đó hiện chưa có, hoặc chưa đủ, hiến pháp dân chủ chỉ chỉ có thể thi hành nếu có những kế hoạch xây dựng và nuôi dưỡng tinh thần dân chủ.

Làm thế nào để nuôi dưỡng tinh thần dân chủ ?

Vấn đề phức tạp vượt khỏi khả năng của kẻ viết mấy hàng. Thiết tưởng nên nhấn mạnh vài điểm sau đây :

a) Nên xóa hết mọi mầm móng chia rẽ và kỳ thị dù vì địa phương sinh trưởng, tôn giáo bất đồng hoặc giọng nói không hoàn toàn phù hợp.

Đành rằng Hiến pháp có thể ghi nguyên tắc không phân biệt, nhưng hiến pháp chỉ là giấy lộn nếu không có những hiệp hội và những tổ chức để người dân từ bỏ những thành kiến còn vương vất. Các tổ chức này dĩ nhiên chỉ là khung ảnh để tìm hiểu một căn bản hợp tác và mầm móng dân chủ phải có sẵn trong lòng người dân — nhưng dù sao, có những tổ chức để tìm hiểu và thông cảm cũng vẫn hơn là không có gì cả.

Mầm móng phân dân chủ nhất là sự chia rẽ Trung — Nam — Bắc. Nó do thực dân sáng chế để chia mà trị. Đáng buồn là Việt-Nam Độc-lập mà tự mình không gạt rửa nỗi trong tâm khảm một vết nhơ của thời đế quốc để lại.

Sự chia rẽ về tôn giáo một độ đã rất bằng bệt, nhưng nay đã lắng dịu rất nhiều; nhưng phần có lẽ vì những kẻ muốn lợi dụng chiêu bài Tôn-giáo để thỏa mãn tham vọng cá nhân để thấy là sự lợi dụng không quá dễ. Nhưng, dù chia rẽ bất kỳ vì lý do gì, nó cũng gây một bầu không khí phân dân chủ vì chia rẽ rất dễ xúi bẩy người ta dùng những biện pháp mờ ám bề thỏa mãn dục vọng và hãm hại kẻ thù và lúc đó tinh thần dân chủ bị tiêu diệt.

b) Nên nhấn mạnh vai trò của yếu tố kinh tế. Một nước nghèo một phần dân ăn không đủ no, rất khó duy trì tinh thần dân

chủ. Không phải là dân chủ đòi hỏi phong phú, nhưng một người luôn luôn nghèo đói bệnh tật sẽ rất ít sức chịu đựng, can đảm phải nhẫn nhục, sức đề kháng không còn lấy gì chống lại những áp lực trực tiếp hay gián tiếp của kẻ nhiều tiền và nhiều thế lực? Một xã hội không thể dân chủ nếu bất bình đẳng thái quá về của cải và lợi tức. Đánh rằng một chế độ bình đẳng tuyệt đối chưa bao giờ có trong lịch sử loài người, nhưng sự chênh lệch càng giảm bớt bao nhiêu, không khí dân chủ càng dễ duy trì bấy nhiêu. Không những bất bình đẳng phải phát triển. Nếu mọi kế hoạch phát triển thi hành được đúng mức, nó sẽ là nơi gặp gỡ của mọi cố gắng hoan hỉ trong niềm hy vọng chung. Nó sẽ gây tình tương thân tương ái. Xung khắc được thay thế bằng hòa dịu, lý tưởng dân chủ thành một căn bản tự nhiên của đời sống.

Nếu không phát triển được, nếu cứ nghèo khổ mãi như hiện nay, dân chủ khó giữ dù bình đẳng hoàn toàn. Vì sao? Vì lúc chia rẽ không phải trong nội bộ phát sinh, thì nó sẽ từ ngoài đưa tới. Một dân nghèo không thể đủ phương tiện tự vệ, muốn duy trì, độc lập phải có một canh nông phát đạt, một kỹ nghệ thịnh vượng, một nguồn tin tưởng chung là quyết sống. Nếu nghèo khổ quá, đời sống quốc gia cũng hấp bênh nơi gì dân chủ?

G.S. NGUYỄN CAO HÁCH

những bông hồng cho văn nghệ

Như bạn đọc đã biết, vấn đề phê bình văn học nghệ thuật hiện nay đang là đề tài thảo luận sôi nổi trong các tạp chí và nó cũng đã chia ra làm nhiều khuynh hướng.

Nhưng nhiều người đã thất vọng, vì tìm đọc được một bài phê bình giá trị rất hiếm nhưng gặp những bài, sơ đẳng trên các tạp chí thì nhiều.

Thật ra những nhà phê bình có thực tài đã mỗi một hoặc im lặng không muốn kết bè nhóm phê bình, còn lớp vô tài thì thường xuyên xuất hiện, vì họ có triển vọng trở thành các nhà văn lớn.

Để tìm hiểu rõ thế nào là phê bình và phê bình như thế nào, kể từ nay, trong mỗi số báo, Văn học sẽ gửi đến bạn đọc những lá thư văn nghệ của Hu Trú viết về phê bình để bạn đọc nhìn rõ đâu là bài phê bình khoa học, và đâu là những sà-dịch phê bình văn nghệ.

giấc mơ khoa học

HU - TRÚC

Thế kỷ mười chín, đó là thời gian của tuổi vàng khoa học. Những ngón tay màu nhiệm tên là máy nổ, điện khí, toán học mới, làm cho thân thể của nhân loại, mượn một hình ảnh của Bergson, trở thành một thân thể không

lở. Kích thước thân thể con người võ trang bằng những màn nhiệm khoa học to lớn quá. Mắt nó bỗng nhiên mang ánh sáng hành tinh, tai nghe xa vạn dặm đôi chân đi chuyển được mau lẹ hơn cả những người khổng lồ mang hia bảy dặm trong chuyện hoang đường phương Tây. hơn cả những đại hán có thuật phi hành kỳ diệu của võ hiệp Trung hoa.

Khoa học làm thế nào mà mà tài thế? Câu thần chú của nó gồm những âm thanh bí mật nào? Chiếc đũa thần của những vị tu luyện trong những phòng thí nghiệm làm bằng chất gỗ quý nào mà có được cái năng lực bạt sơn cử đỉnh, có được cái sức khỏe thay đổi thiên nhiên, kinh động vũ trụ như thế? Khoa học đã áp dụng những phương pháp làm việc nào, đi theo những con đường thần thánh nào? Ta hãy mau mau khám phá ra cái bí quyết, nắm vững cái Khoa học vạn năng. Và một khi cầm chắc trong tay những chiếc đũa màu nhiệm đó, ta mang vào ngành sinh hoạt tinh thần của ta để làm cho chiếc áo cũ trở thành nhung lụa quý giá, dạ đài hiện ra dưới chân không vương miện lông lánh hào quang trên tóc.

Những khao khát đó được cất tiếng ở những giảng đường triết học ở nơi gặp gỡ của những nhà khảo cứu đang lao mình vào 1 tận thế giới, một môn học trẻ mang tên khoa học nhân văn.

Các anh còn lạ gì những thuyết nguyên tử tâm lý của ngành khảo cứu về con người đó, những chủ nghĩa thực nghiệm những định luật tam trạng của những Auguste Comte. Khoa học nó thành công là nhờ sự làm việc có phương pháp. Và cái phương pháp của nó, cốt yếu là sự quan sát kỹ lưỡng và khách quan là thí nghiệm kiểm chứng đúng đắn và nhất là phân tách đến nơi đến chốn. Hãy nhìn tay phù thủy mặc áo trắng kia đang làm việc những chất liệu là những hiện tượng thiên nhiên như ánh sáng, như hành tinh, như vật rơi ở trước mắt. Từ một khối lớn nó phân tách và khám phá được những yếu tố đơn giản hơn. Tiếp tục phân tách yếu tố đơn giản đó, nó tìm được cái đơn giản hơn nữa.

Cứ như thế mà đi chẳng mấy chốc nó tìm được cái yếu tố nhỏ li-ti gọi là nguyên tử. Chúng ta những người khảo cứu tâm lý học còn đợi gì mà không áp dụng cái phương pháp phân tách ấy vào trong tâm lý học. Còn đợi gì mà không tìm kiếm xem cái sự kiện tâm lý nào chính là nguyên tử của đời sống phân lý phức tạp. Những Condillac, những Taine đã nêu lên những thúc dục đó và đã tìm kiếm trong những chiều hướng đó.

Các nhà phê bình văn nghệ đứng trước cuộc chạy đua ào ạt đến cái kho tàng chân lý khám phá được bởi khoa học, cũng náo náo lắm. Triết lý, người đàn anh khả kính đó cũng chạy vào con đường mới mẻ của khoa học. Khoa học nhân văn, người bạn đồng hành cũng phát cao ngọn cờ thực nghiệm. Còn chờ đợi gì. Phê bình văn học còn chờ đợi gì nữa mà không khoa học. Phải phê bình khoa học, Phải đổi mới ngành phê bình. Cái lối nhìn ngắ « tác phẩm qua xúc động, qua cảm tưởng, qua ấn tượng chủ quan không được. Nó mơ hồ quá. Nó chưa đựng nhiều mâu thuẫn quá. Không được, chúng ta phải làm khác. Các anh muốn hỏi làm khác ra làm sao? Làm thế nào áp dụng được khoa học vào phê bình văn nghệ. Các anh muốn biết lối phê bình gọi là khoa học của chúng tôi như thế nào?

Chúng tôi nhìn ngắ tác phẩm như thế nào, yếu mẩn tác phẩm bằng cái lối yếu mẩn tác phẩm riêng biệt nào? Phải chăng chúng tôi cho bài thơ vào bình điện giải như Faraday phân tách nước? Phải chăng chúng tôi dùng những dụng cụ như kính hiển vi, kính viễn vọng, điện hay ampère kế để đo lường giá trị của tác phẩm văn chương? Phải chăng chúng tôi cho truyện dài, truyện ngắn vào những ống nghiệm để tìm xem đâu là acit khỏe, đâu là acit yếu? Các anh cứ việc mĩa mai cứ việc riếu cợt. Chúng tôi cứ làm việc. Chúng tôi tin lắm cái phương pháp phê bình khoa học của chúng tôi. Đó là một nhĩa quan mới cần lắm cho việc cứu định giá trị tác phẩm văn học nghệ thuật. Các anh hãy để cho chúng tôi nói. Đây là cuốn truyện, đây là tập thơ, chúng tôi bày biện ở trước

mặt. Những tác phẩm văn nghệ đó hay hay dở, có giá trị ghê gớm hay chỉ có một giá trị rất tương đối, đó là những câu hỏi mà chúng tôi phải trả lời.

Chúng tôi ý thức được rõ rệt lắm cái đích cần phải vươn tới, cái mục tiêu cần đạt tới, cái phần vụ phải làm. Các anh muốn chúng tôi trả lời ngay. Để đánh giá cái lối phán đoán của chúng tôi. Để xét xem chúng tôi có muốn đo lường giá trị của tác phẩm văn học nghệ thuật.

Để biết rõ cái tiêu chuẩn mà mà chúng tôi dùng để thẩm giá trị của tác phẩm là cái thước thẳng hay thước gảy, để nhận chân được cấp mắt nhìn ngắm tác phẩm của chúng tôi là những ngôi sao sáng hay chỉ là những ngọn đèn mờ le lói trong đại dương gió bão và đêm.

Chúng tôi xin phép các anh, chúng tôi không thể trả lời ngay được, phải từ từ.

Anh nào bằng lòng thì chúng tôi được nhờ, anh nào không chịu cũng đành. Cái phương pháp làm việc của chúng tôi như thế. Phải từ từ, phê bình khoa học nó là thế. Phải từ từ.

Trước hết chúng tôi phải xác định rõ rệt thái độ mà chúng tôi chọn lựa. Đó là nền tảng của tất cả mọi việc đến sau cái móng vững chắc của ngôi nhà, kim chỉ nam của nhà hàng hải sức khỏe của võ sĩ. Thái độ của chúng tôi khi đứng trước tác phẩm nó như thế này: kỹ lưỡng và khách quan. Phải khách quan, phải kỹ lưỡng, đúng thế. Chúng tôi chưa phán đoán vội, chúng tôi chưa thẩm định gì cả, ngày rộng tháng dài, lo gì. Tác phẩm nằm trước mặt này, bao giờ, chúng tôi chỉ mới nhìn ngắm có một cách hết sức kỹ lưỡng và khách quan. và hơn thế nữa, chúng tôi phải xác định cho công khai cho rõ rệt cái thái độ đó để anh nào nhìn thấy có chỗ nào chúng tôi chưa đủ kỹ, có buổi đẹp trời nào chúng tôi cao hứng để cho con ngựa chủ quan vùng chạy trên núi non tác phẩm sẽ lên tiếng sỉ vả dùm. Chúng tôi nói te

cái thái độ ấy cũng dễ nhe những âm thanh sáng rõ ấy trở thành lưới giương sắc bén cảnh giác treo trên đầu trên cổ chống lại những hấp lực của lưới biển và chủ quan.

Thái độ khách quan và kỹ lưỡng rất cần cho việc làm cao quý phê bình văn học vì việc làm đó hay hay dở, tốt hay xấu hoàn toàn thuộc vào cường độ của kỹ lưỡng và khách quan. Bài học kinh nghiệm của các nhà khoa học đã nói rõ những điều ấy.

Các anh hãy nhìn nhà khoa học đang nghiêm chỉnh làm việc trong phòng thí nghiệm của đại học này, của viện nghiên cứu thì rõ.

Quan sát một khoáng vật, một động vật, nhìn ngắm cái to ghê gớm như hành tinh, hay cái nhỏ kính khổng như vi-khuẩn tìm hiểu cái di động mau lẹ như ánh sáng, như âm thanh, cái bất động như hải cốt một cỗ sinh vật, thái độ của người làm việc đứng đắn này luôn luôn là thái độ khách quan và kỹ lưỡng.

Không tình cẩu n, không thành kiến, không vụ lợi. Không một chí tiết nào, không một đặc tính nào, không một bất thường nào bị bỏ quên. Trắng thì nói là trắng, đen thì nói là đen nhanh nói nhanh, chậm nói chậm, cứng nói cứng, mềm nói mềm. Trước khi quan sát hiện tượng thiên nhiên đó, có thể lắm, nhà khoa học đó nghĩ rằng ánh sáng truyền theo đường thẳng trong mọi trường hợp, nó đi cũng chẳng lấy gì làm nhanh lắm, nguyên tử là vật nhỏ nhất. Nhưng bây giờ, đứng trước luồng ánh sáng này, đứng trước nguyên tử kia. Phải quên đi ngay những ý kiến tạm bợ đó.

Hãy nhìn ngắm kỹ rồi, thấy rồi ánh sáng đi mau lắm và nó đi theo đường ba động nguyên tử chưa nhỏ nhất, dưới nó còn những điện tử, quang tử nhỏ hơn thì nhà khoa học sẽ đồng ý nói rằng những điều vừa quan sát thấy đó mới là chân lý. Không tự ái. Không cố thủ trong những thành kiến dĩ vãng. Nếu chẳng may có ông bạn nào,

nguyên-nhân đau-khò trong truyện thúy-kiều

BỮU DƯỠNG

Từ khi nghe tin buổi nói chuyện hôm nay, không khỏi có người đã bàn-tán dị-nghị : giữa thời-đại người ta đương mài miệt theo những cuộc truy-hoan, trong giai-đoạn đồng-bào đương xôn-xae với những ngày bầu-cử, sao lại lấy đề-tài đau-khò :

Lạ chi những khúc tiêu-tao.

Cực lòng mình, cũng nao nao lòng người.

Có lẽ Trung Tâm Văn Bát sẽ thưa lại :

Rằng quen mất nét đi rồi,

Tẻ vui, thời cũng linh Trời biết sao.

Vì nét của nhà văn, nhà báo, có khi cũng là của nhà tu, là hay nói lên những nỗi đau-khò để mong thoa-dịu những vết thương lòng. Nhưng :

Lời vàng vãng lãnh ý cao.

Họa dần dần bớt chút nào được không.

Hay là Ban Tổ-chức có ý nhắm nhủ với những ai như Thúc-Sinh « quen thói bóc rời, xin hãy nhớ đến những người đau-thương », có khi là vợ chồng con cái của mình hay của người đương sống với giòng lệ nhỏ trong những tiếng thở vắn than dài, hoặc nân-nỉ cùng ai đừng quên mỗi tiếng giới thiệu, mỗi lời hứa hẹn và mỗi lá phiếu trong tay có thể là những lát cuốc đào thêm sâu hay lấp cho đầy cái hố đau khổ của đồng bào. Như thế thì nói đến đau khổ trong lúc này lại vào sáng hôm nay trong dịp lễ Trung Nguyên, không hẳn là lạc hướng hay lỗi thời. Nhưng đã muốn nói đến đau khổ, sao không mượn

những chuyện mới mẻ từ các nước văn minh Âu Mỹ, như của Sartre và Camus ở Pháp cho đời là phil lý, là đáng nôm, khiến cho có bạn trẻ đương hăng hái muốn hiện sinh, hay là của Dos Passos và Hemingway ở Hoa Kỳ cho đời là quái gở, là lạ lùng, khiến cho có bạn già đang man mác muốn hiện lại trở về với chuyện Thúy kiều người ta đã bàn ngược, bàn xuôi, bàn ngang, bàn dọc, nhiều lắm rồi, huống nữa tục ngữ ta đã dạy :

*Đàn ông chớ kể Phan Trần,
Đàn bà chớ nói Thúy-Vân Thúy-Kiều*

Nhưng có người muốn biện hộ cho T.T.V.B. lại mượn một câu ca dao chỉ thay đổi vài chữ mà thưa rằng :

*Ta về ta kể chuyện ta,
Dù hay dù dở chuyện nhà vẫn hơn*

Hay là nhắc đến câu phương ngôn dạy làm bậc nam-nhi trên đất Việt :

Làm trai biết đánh tở tở.

Uống trà «Bảo-lộc», (chứ không phải Phương thái) ngâm nôm Thúy kiều.

Đã nói đến nước nhà thì ở Sài gòn đây có hơn 2 triệu người Việt nam chốn Thủ đô, sao không mời một ai, lại đi tìm trên chốn núi rừng Đà Lạt một nhà tu «tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm», chỉ biết vui thú điền viên với những mây ngàn hạc nội, gió núi nước khe, bất tri thế sự, đã không hay việc đời thì biết gì mà nói về vấn đề đau-khổ, không biết văn chương thì tựa vào đâu mà dám bàn đến truyện Thúy kiều thực là đáng tội :

*Lại như những thoi người ta,
Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.*

Biết đâu T.T.V.B. lại không mượn được lời Kim-trọng để chữa mình :

*Trời còn đề có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.*

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tà mà lại hơn mười năm xưa.*

Không biết những lời như thế có bào-chữa được phần nào chăng, nếu ban tổ chức là thủ-phạm, thì người thừa chuyện lại là tông-phạm, nhưng vì tôi không biết Pháp-luật đề biện-hộ, chỉ xin mời quý ngài, và các bạn thử nghe đầu đuôi câu chuyện rồi sau sẽ nghị án nặng nhẹ thế nào.

* * *

Bàn đến nguyên-nhân đau-khổ trong truyện Thúy-kiều, có người cho là trong tập Đoạn-trường tân-thanh đã có những lời rất rõ-ràng. Vì như đầu sách, chính tác-giả đã nói :

*Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Vốn trong Văn Nho có câu : « Phong vu bì sắc vu thử », Tạo hóa đã cho hơn điều này thì phải kém điều kia và « Tạo vật đồ hồng nhan », Tạo-hóa hay ghen với người phụ-nữ có nhan sắc. Nhưng đã tin có Tạo-hóa, cũng phải tin Ngài chỉ công chí minh, lẽ nào lại như lời Cung-oán « đành-hanh quá ngán, chết đuối người trên cạn mà chơi ! » Sao lại cho được điều này thì kém điều kia, vì sợ người ta kiêu-hãnh chăng ? Nhưng sợ cũng không được, người ta vẫn kiêu. Vả lại Tạo-hóa thì toàn tài toàn-năng, sao lại phải sợ con người ? Phải ghen với khách má hồng ? Sao không ghen với bọn mây xanh ? Thực ra, mây xanh hay má hồng, cũng đều bị đau-khổ, chứ nào phải riêng chỉ má hồng đề vu-thác cho Tạo-hóa ghen ghét lạ-lùng.

Cuối sách tác-giả lại viết :

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bất phong-trần phải phong-trần.
Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.*

Vẫn hay đã tin có Thượng-đế, cũng phải tin vạn sự đều do Ngài và tùy Ngài, không có một việc gì dù lớn đến kinh.

thiên động-địa, dù nhỏ như một nháy mắt, một nụ cười, một hơi thở, cũng không thể ra ngoài quyền phép của Ngài. Nhưng Ngài vẫn nhân-từ vô-hạn, không bao giờ tự-nhiên vô-cớ Ngài lại bắt người đau khổ thế này, kẻ đau-khổ thế khác. Vẫn hay Ngài muốn thế nào là hoàn-toàn tùy ý Ngài, nhưng tự nhiên, Ngài không muốn cho ai đau-khổ, vì người ta ai cũng là con cái của Ngài, đời nào, tự-nhiên cha mẹ lại muốn cho con phải đau-khổ.

Hay là theo lời của một vài nhân-vật. Như cô Kiều đã than thở là vì số-phận :

*Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.*

Than thở cho người rồi lại than-khóc về mình:

*Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng.
Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan.
Chém cha cái số hoa-đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi !
Đã sinh ra số long-đong
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ?*

Có khi chính nàng lại nghe tiếng Đạm-tiên trong giấc-mộng hay là tư tưởng trong tiềm thức của nàng :

*Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết Trời nào đã cho.*

Chính Vương-ông cũng than thở một câu:

*Trời làm chi cực bực trời,
Này ai vu-thác cho người hợp tan !*

Đại khái vẫn cho nguyên-nhân đau-khổ là tự nơi Trời, hoặc là trời ghen, hoặc là trời đã định số phận con người không làm sao tránh được, dù có xoay xở thế nào, có

làm gì chẳng nữa, rồi cũng phải chịu lấy số phận hay là vận mệnh như những chuyện Oedipe ngày xưa ở Hy Lạp.

Vấn hay việc Trời đã định thì người ta không làm sao thay đổi được. Nhưng người ta đâu phải là cơ khí vô tri giác để cho người thợ máy đã sắp đặt thế nào là phải chịu thế ấy. Thượng đế đâu phải là người thợ máy, lắp xong rồi bỏ mặc, để có đủ đinh ốc bánh xe tốt thì nhờ, mà rủi phải dây chuyền hỏng thì chịu. Vả lại, nếu được phép sánh Thượng đế như thợ tạo, gọi là Hóa-công chẳng nữa, cũng phải nhận phải tôn Ngài là một tay thợ tài-giỏi vô-cùng, đời nào lại lắp máy thiếu sót, xấu-xa hư-hỏng để cho chiếc máy hóa ra vô-dụng phải đau-khổ thế nào. và Ngài đâu phải như người ta làm xong rồi bỏ mặc, hay là theo dõi để phá-hoại vì thù hằn, vì ganh-ghét. Ngài đâu có ở trong thời-gian, để có một lúc nào làm, một lúc nào định, rồi thôi, nghỉ-ngơi nhìn máy này chạy tốt, máy kia hư hỏng, người nào sung-sướng, kẻ nào đau-khổ, nhìn mà chịu hay là nhìn mà chơi. Nói thế là rất phản-ngược mâu-thuẫn với hai chữ Tạo-hóa, đặc tội với Thượng-đế. Vốn người ta muốn hiểu biết nguyên-nhân vì đâu có thế này hay thế khác, do ai làm ra, nhưng không hiểu biết được, thì nói một cách dễ-dàng là tự Trời, nhưng thực ra chưa giải-thích được gì, chỉ là gác qua một bên, cúi đầu mà chịu chứ thắc-mắc vẫn lại hoàn thắc-mắc. Vậy nói là tự Trời, là do số phận, có sai lầm chăng? Xin thưa đối với người có tín-ngưỡng tôn-giáo vẫn không sai lầm với điều-kiện quan-hệ là xin đừng nói Trời muốn. Trời định cho người nào đau-khổ vì đã là Trời thì nhân-tử thương-yêu vô-cùng và xin đừng hiểu người ta như cây gỗ, như tảng đá, chỉ biết chịu lấy số phận, chứ tự mình không làm được gì cho mình, và đã là người thì có hiểu biết và tự do, biết đề mà làm làm để gây nên hạnh phúc, Trời không từ khước một người nào, nhưng Trời không muốn làm một mình để cho người ta như cái máy và cũng không muốn người ta toàn quyền một mình để cho người ta lại hóa ra ông Trời.

Vậy thì nguyên nhân đau khổ có phải tự nơi người ta.

có phải là vì tội lỗi chăng ? Nhưng Kiều đã thắc mắc :

*Đầu xanh đã tội tình gì ?
Má hồng đến qua nửa thì chưa thôi !*

Và bao nhiêu người đọc đến truyện Kiều cũng thắc mắc : vì đâu chính người hiểu nghĩa :

*Lấy tình thâm trả tình thâm,
Bán mình đã động hiểu tâm đến Trời.*

Thế mà lại bị oan ức đau khổ không ai bằng. Còn gian xảo như ma-cô Mã-giảm-sinh thì chỉ :

Liều công mất một bữa quý mà thôi.

Ác độc như mẹ Tú bà thì vẫn hốt đô-la và sống trên nhung lụa, có khi cũng được người ta tặng-bốc suy-tôn, và mẹ cũng có thể lực, lương tâm mẹ không còn thì mẹ cũng chẳng bị cắn rứt gì mặc oho người sâu sắc như Kiều hay hơi hột như Đạm Tiên vẫn bị đau khổ :

*Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.*

Điều ngoa như Sở-khanh đã lấy được mấy chục đô-la của mẹ Tú bà, lại còn được đi dạo ngựa cùng người đẹp, sau về Kiều bị đánh đập mà anh chàng còn vênh vang khoái lạc, tội như thế nhưng có bị phạt gì đâu, có khi quen nghề lại còn giúp Tú bà làm khổ nhiều người khác, càng lắm là chỉ bị Từ Hải phu nhân cho một trận đòn với bọn Khuyển Ưng.

Lại cay nghiệt như Hoạn-thư, mà chỉ như một lời nói khéo :

*Rằng tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì vẫn người ta thường tình.*

là đủ cho Kiều tha thứ, không nữ trả thù.

Và bất tài đánh không nổi một vị-tướng cách-mạng gian xảo lừa người ta đầu hàng để giết trộm sau lưng dâm ô dâm cưỡng hiếp phu nhân của một đại tướng và là ân

nhân của mình, quý quyết đem một bậc quốc sắc thiên hương mà gán cho một người thổ quan, vì sợ :

Quan trên ngắm xuống người ta trông vào.

Đây tội ác như thế ai bằng Hồ Tôn Hiến, thế mà có khi về triều lại được thăng quan tiến chức, vì đã dẹp được cách mạng, rồi cứ thế tiến lên đến nhất phẩm triều đình, chứ không hề bị đau khổ gì. Hay là có đau khổ ở kiếp này hoặc kiếp sau nhưng Đoạn-trường tân-thanh không nói đến. Điều vẫn chắc là thấy những người độc-ác tinh-ma hại người vô tội thì vẫn sung-sướng, còn người đạo-đức hiếu nghĩa thì đau-khổ trăm đường. Có người muốn giải-thích lại quy tội và công về những kiếp trước hay là công và tội ngầm ngầm thế nào ; người ngoài không biết được. Như Thúy-kieu ngầm-ngĩ đương khi ê-chề nhục-nhẽ, đã lều mình tự-tử cũng không thoát được nợ đời :

Kiếp này nợ trả chưa xong,

Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau.

Hay là sau khi bị Sở-khanh lừa-gạt, Tú-bà hành-hạ, nàng đã than-thở :

Kiếp xưa đã vụng đường tu,

Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi.

Đó là theo tin tưởng từ những ngàn xưa ở Ấn-Độ, Ba-tư, linh hồn người ta vào sinh ra tử, hết kiếp này đến kiếp khác, gọi là Luân-hồi, tiếng Phạn là Samsara, kiếp trước là nhân, kiếp sau là quả, kiếp này khổ vì kiếp trước có tội, kiếp này sướng vì kiếp trước có công, đó là luật Nghiệp-báo, tiếng Phạn là Karma. Tôi không biết chính đạo Phật có dạy phải tin điều ấy không, nhưng xưa nay, trong sách Phật và nhiều người theo đạo Phật vẫn nói nhiều về triết-tý này, dường như một điểm quan hệ. Vậy tôi không dám nói gì nhiều, vì tôi vẫn tôn kính tin tưởng của người khác, nhưng theo điều tôi học biết thì cái tín lý Luân hồi và Nghiệp báo vẫn được thịnh hành trong dân gian Ấn độ trước khi Phật tổ Thích ca thác sinh ở trong đền vua Cồ-đàm, đất Gia-tỳ-la,

chứ không phải tự Ngài đặt ra. Giữa lúc đó người tri thức Ấn độ phần nhiều theo đạo Bà-la-Môn không nói rõ về luân hồi chỉ nói rằng hồn của mỗi chúng sinh là tiểu hồn (atman) do Đại hồn là Paratman mà phát xuất ra. Càng ngày càng bám vào vật chất, càng quay tít vờn, càng xa Đại hồn nên càng đau khổ. Vậy muốn hết đau khổ, thì phải thoát khỏi vật chất biến chuyển để được trở về với Đại hồn. Sau nữa, Phật tổ đã bỏ hết cả « ngũ-dục ngũ-lạc » đền-đài cung-điện đề xuất gia là vì chí-nguyên tìm được giải-pháp diệt khổ để tế-độ chúng-sinh. Chính ngài không dạy về nghiệp báo và luân-hồi. Đây tôi chỉ bàn về trong phạm-vi tư-tưởng và giả-thuyết, chứ không dám nói đến lãnh-vực tin-ngưỡng và tôn-giáo. Có lẽ nói thuyết nghiệp-báo và luân-hồi rất dễ giải-thích nguyên-nhân đau-khổ vì dầu bao nhiêu người sinh ra đã khổ hoặc sinh ra đã nghèo tật bệnh, chứ nào đã phạm tội tình gì. Cũng vì người ta đã tin tưởng nguyên nhân đau khổ là vì tội lỗi, có một vị nào đó dùng đau khổ để phạt, dùng hạnh phúc để thưởng, nhưng có tin hay không tin đời sau địa ngục và thiên đàng, cũng muốn nói ngay ở đời này để cho dễ hiểu và dễ tin. Không ngờ chỉ gây thêm đau khổ oan ức cho một số người nghèo nàn thiếu thốn và kêu càng ngạo mạn cho những người quyền cao chức trọng: một bên cứ hỏi nào mình có phạm tội gì, một bên cứ tin là mình không những vô tội lại còn đạo đức, mặc dù có giết người, có gian xảo, cũng là có công chứ không có tội.

Còn nói đến đau khổ tình duyên thì đó tại ông Tư bà Nguyệt, dù không oán trách nặng lời như bà Vương-phi trong Cung-oán :

*Tay nguyệt lão chẳng xe thì chớ,
Xe thế này có dở dang không ?
Dang tay muốn dứt chỉ hồng,
Bực mình muốn đạp tiêu-phòng mà ra.*

Thúy kiều chỉ than thở nhẹ nhàng nhưng cũng được mọi chửa cay :

*Ông Tư ghét bỏ chỉ nhau,
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi !*

Hay là cụ Nguyễn-Du trách thay cho nàng :

*Ông Tư thực lắm đa-doan,
Xe tơ sao khéo vợ cần vợ xiên ?*

Nhưng dù có ông Tư bà Nguyệt cũng phải theo luật của Trời, hai ông bà đâu dám tự ý xe thố nào để cho người ta phải đau-khổ, vì người ta là con cái của Trời, Trời là cha nhân-tử, bà mối ông mai khéo nói lừa gạt làm cho con cái người ta phải đau-khổ trong cuộc nhân-duyên còn bị oán-ghét thừa-kiện, huống nữa là Trời nào lại để cho ông Tư bà Nguyệt làm đau-khổ con người.

Vậy theo câu thơ trong Đoạn-trường Tàn-thanh thấy nguyên-nhân đau-khổ trong truyện Thúy-kiều là Tạo-hóa cất-có, ganh-ghét, là vận-mệnh, số-phận, là luân-hồi là tội-lỗi còn về tinh duyên thì vì ông Tư bà Nguyệt. Nhưng lại thấy bao nhiêu điều mâu-thuẫn gây nên thắc mắc. Không chắc cụ Tiên diên đã tin như thế. Có lẽ vì cụ khôn khéo, muốn nói như phần đông chung-quanh đương thời với cụ, chịu ảnh-hưởng của những người học Nho và các thi-sĩ, lấy chữ mà chơi, tin theo dân chúng, chứ không phải là các nho-gia, vì tìm hiểu các bậc Bách-gia chữ-từ cũng không hề thấy nói như thế, trừ phi một vài lời bóng bẩy như khi Khổng-tử vào yết kiến bà Nam-tử bị môn đệ phàn nàn thì ngài nói: « Thiên yếm chi ! Thiên yếm chi », nghĩa là ngài có ý xấu thì Trời phạt ngài. Có điều biết chắc là trong Nho học vẫn tin Trời và tin vận-sự điều do trời, nhưng cũng có phần của người ta. Điều đáng tiếc là xưa nay có nhiều người muốn khuyên bảo kẻ khác tránh điều tội lỗi độc ác lại đem Trời ra mà hăm dọa khiến cho có người tin tưởng Trời như một ông hung dữ, như sấm, như sét, sẵn sàng kết án bắt người ta đau khổ, khiến cho có người bức tức đến nỗi không tin là có Trời, hay là cho đời là phi lý, đời là đáng nôn. Thực là vu-oan cho Trời, mà lại

lòng thay, Ngài vẫn để mặc, ai nói gì thì nói, ai vu thế nào cũng được, Ngài không hề hiện ra mà sửa đổi. Hay là Ngài không cần và cũng không muốn bắt ép người ta phải nói thế này hay thế khác. Ngài đã cho người ta có trí tuệ để suy nghĩ và lý-luận thì đừng có nói những điều mâu thuẫn phi lý. Ngài sáng tạo ra người ta, linh u vạn vật thì người ta thực là con cái của ngài. Ngài chỉ muốn cho người ta sung sướng, và ngài cho người ta có đủ phương tiện phương thế để đạt đến hạnh phúc chứ không hề muốn cho một ai đau khổ, nhưng Ngài không muốn bắt người ta làm như một vật vô trí vô giác như cơ khí. Vẫn hay Ngài cầm quyền thưởng phạt, hề được thưởng thì sung sướng, mà bị phạt thì đau khổ, nhưng thưởng phạt ai, trừ phi chính Ngài phán dạy rõ ràng như trong các tôn giáo tin vào Thánh kinh, ngoài ra không ai biết được. Đã không biết chi tiết thì đừng nói đến chi tiết, chỉ nhận các nguyên tắc cho rõ ràng. Nguyên tắc chắc chắn là Trời không muốn cho ai đau khổ, nhưng Trời có luật của Trời, trừ phi một lẽ gì đặc biệt, ngoài ra Ngài không thay đổi nên hề lửa thì cháy, nước thì ướt, dù là nhà chùa hay nhà thờ gặp lửa cũng cháy, bị nước cũng ướt, chứ không phải vì có thượng tọa nào hay linh mục nào phạm tội. Phần Trời như thế, còn phần người ta thì thế nào, để tìm cho ra nguyên nhân đau khổ, tuyệt nhiên không thể đổ tại trời. Thi sĩ Tiên-diễn đã đặt lời cho đạo-cô Tam-hợp nói với sư-nữ Giác duyên :

Có Trời mà cũng tại ta,

Tu là cội phúc, tình là dây oan.

Dường như hai câu này đã nói đến hai nguyên nhân đau khổ : một là tiêu cực vì *không tu*, hai là tích cực vì *có tình*. Nhưng đã là một nhà sư nói ra, khiến cho có người tưởng là tuyên truyền quảng cáo cho việc xuất gia, vào chùa hay vào dòng, ngày đêm chuyên cần tụng niệm và nhật niệm ohay kiêng. Tu đâu phải chỉ có thế, nếu chỉ có những điều ấy thì các đạo xây tu-viện không kịp, vì ai cũng muốn được hạnh phúc và tránh đau khổ. Vả lại, nào có phải tu là tránh

đau khổ đau, Ai tu cho bằng Phật tổ Thích ca, thế mà Ngài cũng bị đau khổ tinh thần là có bọn không nghe Ngài, lại dám tìm cách hại Ngài như những người trong nhóm phản đối sách phật gọi là «Lục-phái ngoại-đạo», hay là chính Đề-bà đạt đa, em họ của Ngài. Lại như bà Quan âm Thị kính, đã già trai đi tu mà cũng cáo là tư-thông với phụ-nữ. Còn đối với người tin đạo Thiên chúa, thì nào ai đau khổ bằng Chúa Cứu thế, đã là Thiên chúa giáng sinh, chịu cảnh hèn hạ, chỉ khuyên giảng đạo đức lương thiện để cứu chuộc nhân loại, thế mà người Do thái đã bao lần công kích chỉ trích Ngài rồi vu oan cho Ngài và bắt giết Ngài trên cây Thánh giá. Và ai đau khổ cho bằng Đức Mẹ sinh Chúa Cứu thế, bằng các vị đại thánh trong giáo hội Công giáo?. Nếu không tin vào lịch sử quá khứ thì cứ xem hiện tại chung quanh, trong các đạo, vẫn có những nhà tu đau khổ vì chủ trương kính mến thờ phượng Thượng đế thương yêu nhau, đoàn kết giúp đỡ nhau, lại thấy người ta tuyên truyền vô thần, ghét bỏ nhau chia rẽ, thù oán, đang tâm giết hại nhau, bao nhiêu thảm cảnh thương tâm chung quanh mình. Nói được nhà tu là người ăn không biết ngon ở không biết yên, trong lúc nước nhà đang có chiến tranh tàn khốc, nhân loại đang còn có người oan ức nghèo nàn. Một vị chân tu như Đức Giáo hoàng đang kim đã bao nhiêu lần khắc khoải trước những đau khổ vì chiến tranh, vì nghèo đói nên không do dự viết thư đánh điện yêu cầu các vị có thẩm quyền thương thuyết để hòa bình theo bác ái và công bằng, lại đã gần 70 tuổi già vẫn không ngần ngại qua tận đất nước Ấn độ yên ủi kẻ nghèo nàn, đến tận văn phòng Liên Hiệp Quốc gióng lên một tiếng thiết tha kêu gọi. Vì đã là nhà tu thì không thể thờ-ơ, điềm nhiên tự tọa hay là sung sướng lên xe xuống ngựa trong lúc bên cạnh mình có bao nhiêu đau khổ. Không những đau khổ về tinh thần, nhà

tu cũng đau khổ về cơ thể vật chất như ai, không nói vì thiếu thốn nghèo nàn, đó là một điều sở trường của nhà tu, nếu mình giàu sang với của thập phương trong lúc anh chị em mình đang thiếu thốn thì đâu còn phải là nhà tu, nhưng ai cũng biết nhà tu cũng phải cần đến lương y và bệnh viện vì cũng có bệnh tật như mọi người.

Vậy phải hiểu Tu là cội phúc, nghĩa là mở đường về sau, vì tu cho thực là *phải sửa mình*, vì mình hư hỏng nên chính mình đã làm khổ và làm cho nhiều người khác phải khổ. Ví như đồng hồ để chỉ giờ nhưng bị hỏng, chính nó đã đau khổ vì không biết giờ. Hay là Trời cho mắt để thấy, tai để nghe, nhưng mắt đui, tai điếc, thì tai và mắt đã đau khổ và chính người có tai mắt ấy hay bao nhiêu người chung quanh cũng bị thiệt thòi đau khổ. Như thế thì một nguyên nhân đau khổ là *con người hư hỏng mà không chịu sửa sang*.

Còn tình là dây oan, không phải là mối tình thương yêu chân chính, thương yêu cả mọi người, từ trong họ hàng thân thuộc đến ngoài những kẻ xa gần hay là thù ghét hăm hại. Vì nếu không có mối tình đó, chỉ biết thương người tử tế chiều chuộng mình, thì đâu phải là con người có tu. Nào phải vì muốn tránh mối tình để cho khỏi đau khổ thì nên tập vô duyên vô tình như Thủy Vân và Vương-Quan chăng ? Trong toan sách Đạo-trường tân-thanh không hề thấy nói đời hai chị em này có gì đau-khổ. Thấy chị thương người, đau lòng trước một nắm mồ vô chủ. Thủy Vân thờ ơ đã nói được một câu tàn nhẫn :

Chị cũng nực cười

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!

Đến lúc trong nhà tan nát, đau khổ, chị phải bán mình chuộc cha mà em vẫn ngủ yên, đã đến tuổi cập kê mà vẫn như trẻ thơ ba tuổi, tiếng chị khóc than làm cho nàng phải chột tình giấc xuân mới hỏi :

Cớ gì ngồi nhẩn tẩn canh,

Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây.

Nghe chị nhường Kim-trọng thì nàng cũng vội vàng xin vâng, không biết anh chàng này có yêu gì mình chẳng. Có khi đối với nàng, tình yêu không thành vấn đề, miễn là lớn lên thì có chồng rồi có con, Kim-trọng của chị hay một anh chàng nào khác của ai cũng như nhau. Đây cũng là một tội của Thúy kiều đã đa tình với Kim trọng mà không hiểu tình yêu là gì, ngờ là muốn đem ai cho ai cũng được.

Còn Vương Quan là thanh niên, có học mà cũng vô vị vô tình, đã làm thân con trai độc nhất trong nhà, mà thân nhiên không lo gì để giúp đỡ cha mẹ trong cơn hoạn nạn, hay là vì «đàn ông hán hai xuy» không ai mua, hay là vì đương theo đuổi bằng tiểu học, mãi đến gần 15 năm sau mới đỗ được cái bằng tương đương cử nhân luật đề ra làm quan vô tình vô duyên để được sung sướng như Thúy vân và Vương Quan người có chút suy nghĩ, chắc không ai muốn. Giá trị và hạnh phúc của con người là ở mỗi tình con người. Chính mỗi tình đó đã thúc đẩy Phật tổ Thích ca xuất gia và nhất quyết ngồi dưới gốc cây Bồ đề cho đến ngày tự giác để giác tha.. cũng vì mỗi tình đó mà Ngôi hai Thiên chúa đã giáng sinh và chịu tử hình trên thánh giá. Nói được có mỗi tình đó mới có anh hùng quân tử các bậc thánh nhân. Hay là nói về tình giữa nam nữ? Mỗi tình này cũng không phải là dây oan, vì là mỗi tình làm cho tuổi trẻ thêm vui thêm đẹp, tạo được hạnh phúc cao đẹp trong gia đình, tặng thêm bao nhiêu bổ lão, bàn tay tình thương cho xã hội và nhân loại.. Vậy tình là dây oan, chính là mỗi tình sai nghĩa, không lo hạnh phúc cho người, mà chỉ muốn chiếm trị cho mình, chỉ vì một chút son phấn hay vì tà áo, giọng ca, hoặc vì mảnh bằng hay là ngôi sao và hoa thị trên cổ áo, khiến cho đến nỗi:

Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.

Hay là:

Bóng khuất nhớ cảnh, nhớ người,

Nhớ nơi kỷ-ngộ, vội dời chân đi.

Dù cho yêu quý sả: đẹp cũng không phải là một mối tình dây oan, Thúy-vân vẫn thân nhiên hay là Thúy-kiều, Kim

trọng ngây ngất trước sắc đẹp, đều là bất-cập và thái-quá, bất cập thì không bị đau khổ, nhưng cũng không cảm thấy khoan khoái của con người, thái quá vì chỉ muốn chiếm cho mình thì mắc lấy tội tham, sân, si, nên tự mình buộc mình vào trong vòng oan nghiệt.

Vì đâu vương vấn những mối tình như thế đề phải đau khổ ? sự bà tan hợp giải thích :

Ma đưa lối quỷ đưa đường,

Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.

Vâng, chính Ma quỷ cũng là một nguyên nhân đau khổ. Ma quỷ không phải là người chết hiện về, nhưng chính là một hạng thụ sinh hư hỏng, có thể là một hạng thiên thần nên có những phép tảo lạ lòng, hay là một loại người ta chủ biết ganh ghét rồi xúi giục, mưu mô, quyến rũ, lừa gạt, nói xấu, vu oan để hại người, miễn làm sao cho mình được thỏa vật dục và tham dục của mình, ai đau, ai khổ, ai chết, mặc ai.

Nhưng vì đâu đã làm người lại đề cho «ma đưa lối quỷ đưa đường?» Cụ Nguyễn Du đã đặt lời Đạo cô Tam hợp :

Phúc họa đạo Trời,

Cõi nguồn cũng ở trong lòng mà ra.

Và chính Cụ giải thích trong mấy chữ vắn tắt mà ý nghĩa rất xác đáng sâu xa :

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Cụ nói đến Nghiệp, khiến cho nhiều người xưa nay vẫn hiểu là Nghiệp báo, vì cụ là người Việt nam, sinh trưởng trong bầu không khí Phật giáo, hễ có thân thì có nghiệp, có Nghiệp nên phải có Thân, là trong vòng luân hồi, diệt được Nghiệp nghĩa là không làm gì để gây nên kiếp sau, thì khỏi có Thân là không đầu thai vào kiếp khác. Đã có Thân nghĩa là đã sinh ra trên mặt đất này, thì phải có Nghiệp. Là phải mang lấy kết quả do kiếp trước, lại là nguyên nhân họa phúc ở kiếp này. Nhưng có người lại giải thích Nghiệp là cái vốn trong cơ thể vật chất, do di truyền của ông bà cha mẹ, để sau này có thể vì giáo dục hay là nhờ giáo dục, ảnh hưởng của gia đình xã hội và chính tự mình sinh ra những tính tình thể nào, để gây họa phúc cho mình và cho người khác. Theo giải thích này thì hợp với triết học và khoa học, cũng không hề phản ngược với tôn giáo, vì ai cũng tin mỗi người lớn lên hay là trong đời của mỗi người mạnh khỏe hay bệnh tật, khôn ngoan hay dại dột thông minh nhiều hay ít, tính tình thể nào, ngôn ngữ hành vi làm sao đều là kết quả của ba yếu tố di truyền giáo dục và tự mình. Chính đó là nguyên nhân Hạnh phúc hay là Đau khổ. Muốn rõ ràng hơn thử tìm hiểu hai chữ Tâm và Tài của cụ Nguyễn Du. cụ đã nói :

Có tài mà cật chỉ lắt,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Vậy tài không phải là một nguyên nhân, cũng không phải là một phương tiện gây nên hạnh phúc. Chẳng qua là một khả năng đặc biệt nghĩa là một thứ sức lực khác thường để làm việc phi thường, ví như có tài của nhà khoa học phát minh thứ này hay thứ khác, có tài của nhà chính trị làm cách mạng thành công, mà cũng có tài của nhà làm thuật nhảy vào lửa không cháy, đi trên dây không ngã, có tài của anh ăn trộm lấy bạc triệu mà không ai bắt được, có tài của kẻ giết người bắn đầu trúng đó. Tài như thế có thể làm việc thiện mà cũng có thể làm việc ác. Ví như phát minh radium và uanium để chế thuốc trị bệnh ung thư hay là bom nguyên

tử giết thiên hạ, cách mạng để đánh đổ nguy quyền hay là để hạ bệ chánh quyền, ăn trộm để nuôi người sắp chết hay để làm giàu riêng mình, giết người làm hai quốc gia dân tộc hay là giết vì tư thù. Thành thử tài có thể gây nên tai hoạ.

Còn chữ Tâm cũng như chữ Lòng vốn có nhiều nghĩa, không nên hiểu theo nghĩa khoa-học vật-chất cụ-thể «lòng ruột» hay là «trái tim». Nhưng chữ Tâm nguyên có nghĩa là thứ gì vô hình ở giữa và ở trong là chỗ quan trọng để làm chủ động, nên nói chung thì có *tâm hồn*, nói riêng về hiểu biết thì có *tâm trí*, gây nên phản ứng và hành năng thì có *tâm linh* và *tâm tình*. Có biết thế nào mới có tính và có tình cùng hành năng xử trí thế nào. Chính đó là thiên căn, vì nguyên gốc ngay lành, Biết là Biết điều chân lý, Yêu là Yêu điều lương thiện, nhưng Biết sai lầm và yêu sai lầm là vì đâu chứ không phải vì Tâm... Vậy Tâm là phần rất quan hệ, tự nó chưa hẳn tốt hay xấu, nhưng chính nó đặt giá trị cho hành vi của mỗi người, hoặc vì biết đúng hay biết sai, hoặc vì thương yêu ưa thích hay ghét bỏ thù hiềm. Một phần nó chịu ảnh hưởng cơ thể hoặc do di truyền, hoặc do khí hậu và những thức ăn uống, một phần nó chịu ảnh hưởng giáo dục. Tất ảnh hưởng đó do tổ chức từ trong gia đình ra đến ngoài xã hội, mà tổ chức nào cũng có phần vì giáo dục. Tổ chức và giáo dục vẫn hỗ tương cho nhau để cùng nhau gây nên muôn nghìn ảnh hưởng đến con người. Nói chung lại cho dễ hiểu nguyên nhân của Đau khổ cũng như của Hạnh phúc một phần lớn là do giáo dục Tổ chức. Nếu giáo dục và tổ chức đúng và hay chỉ gây được hạnh phúc nếu giáo dục và tổ chức sai và dở thì tạo điều đau khổ. Đó là nguyên lý muôn đời, hình như cụ Nguyễn Du đã muốn nói trong mấy câu kết luận tập Đoạn-trường tân-thanh. Vậy bây giờ có thể đặt giả thuyết nguyên nhân Đau khổ trong truyện Thúy kiều tự trung là vì giáo dục và Tổ chức sai lầm. Thời giờ có hạn, không thể phân tích được từng điều, xin quý vị và các bạn thử xem riêng về những Đau-khổ của nàng Kiều có chứng minh được giả thuyết ấy chăng. Cũng đồng thời ba chị em với

nhau đồng phụ đồng mẫu, nhưng giáo dục có phần khác nhau, vì giáo dục không chỉ có lời cha mẹ hay giáo sư dạy bảo, nhưng còn quyển sách mình xem, tờ báo mình đọc, phim ảnh mình thấy, bản nhạc mình nghe, và chính tự mình đã hiểu biết, đã để ý lưu tâm thế nào. Vì thế nên tâm tính và tâm tính của nàng Kiều không như của hai em, vẫn hay có phần vốn bẩm sinh nhưng cũng phải nhận tập quán và tính tình một phần lớn là do giáo dục Chữ Hiếu của nàng cũng nhờ giáo dục gây nên, không phải chỉ nhờ hai ông bà đã dạy, nhưng cũng còn nhờ sách nàng đã xem, nên nàng biết chuyện Đê Oanh dâng thơ lên Vua Văn đế để xin chuộc tội cho cha. Lý Kỳ bán mình để hy sinh chịu đem thân vào cúng thần rắn để lấy tiền cứu cha mẹ, nàng mới nói lên :

Dâng thơ đã thẹn nàng Oanh,

Lại thua ả Lý bán mình hay sao.

Giáo dục đạo hiếu như thế thì hay vô cùng, nhưng khổ nỗi chỉ riêng rẽ cho Thúy Kiều còn bao nhiêu người khác từ bọn quan lại cho đến bọn nhà thổ, chỉ biết tiền với tiền. Lại sinh vào trong một xã hội người có chức quyền địa vị từ trên chí dưới đều tham những :

Một ngày la thối sai nha,

Làm cho khố hại chẳng qua vì tiền.

Tính bài lót đó luôn đây,

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

Phụ nữ thì mở lầu xanh

Nào ngờ cũng tổ bạm giờ

Bạc-bà học với Tú-bà đồng môn.

Các tệ đoan như thế đều không hề bị trừng trị cấm đoán. Có phải một thứ tổ chức xã hội gây nên bao nhiêu đau khổ chẳng ? Nếu Thúy Kiều bị vào thanh lâu hai lượt, đều chỉ vì tổ chức xã hội đương thời, chứ không hề do tội lỗi của nàng, trái lại vì nàng là người chỉ hiệu bạn mình chuộc cha :

*Thà rằng liêu một thân con,
Hoa dù rũ cánh, lá còn xanh cây.*

Tưởng là đành làm tiểu thiếp một tên lái buôn, không ngờ lại gặp Mã giám Sinh đã chịu một lối giáo dục :

*Mặt cửa mướp đàng, đối bên một phường.
Rồi gặp phải Sở Khanh đã học những lối :
Đem người giầy xiết g giày khơi,
Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay.*

Nàng đã khôn ngoan dè dặt, hết khiêm tốn hạ mình, vẫn sợ cho người : «mặt tình cật luy lại tình tao khang» nên sẵn sàng :

*Dù khi sóng gió bất bình,
Lớn ra uy lớn, tôi danh phận tôi.*

Ngờ đâu Thúc sinh là một anh chàng con nhà giàu đi buôn, được làm rõ quan thương thơ lại bộ, thì hấp thụ nền giáo dục tiên tiến :

*Thúc sinh quen thói bác rồi,
Trăm nghìn đồ một trận cười như không.*

Biết nói thành, nói tương :

*Đường xa chớ ngại Ngô Lảo,
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.*

Nhưng ngu dốt khiếm nhược, ra đến cửa quan và trước hàm sự tử Hà đông thì không dám nói một lời, chỉ biết khóc lóc và nói dối, khi thì lấy cớ «miếu phúc vừa xong», khi lại lấy dịp «tìm hoa quá bước, xem người viết kinh»

Khiến lại còn đau khổ vì gặp thấy Hoan thư là một thiếu phụ con nhà quan, đã chịu một nền giáo dục trường giả, quý phái, vừa đại độ sẵn sàng tha thứ :

*Vì bằng thủ thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.*

Mà cũng cay nghiệt trừng phạt cho biết tay :

*Làm cho cho một cho mê
Làm cho đau đớn ê-chề cho coi.*

Vừa làm thủ đoạn nham hiểm.

Chước đâu có chước lạ đời,

Người đâu mà lại có người linh ma.

Đến đây, có thể kết luận rằng Thúy-Kiều bị đau khổ vì đã được giáo dục làm quân tử nhưng gặp phải những người bị giáo dục tiểu nhân và sống trong một xã-hội tổ chức, phát-xuất và dung-tung tiểu-nhân. Đó cũng là một khuyết điểm quan-hệ trong nền giáo-dục Thúy-Kiều đã hấp thụ, lại còn nhiều nhược điểm sai lầm khác khiến cho nàng đáng chịu lấy đau khổ sau này. Biết đâu chữ tình của nàng không phải vì nàng đã đọc những truyện như Liễu-trai, Hoàng-phủ Thiếu-hoa và Mạnh-Lệ-Quân và Tiết-Đinh-San và Phan-Lê-Huê, cùng những Tuyết-Hồng Lệ-sử hay là Tố-Tâm. Nửa Chưng-Xuân, Hồn-Bướm Mơ-Tiền, nên đạo-cổ Tam-Hợp đã nói :

Lại mang lấy một chữ tình,

Khu khu mình bước lấy mình vào trong,

Rồi theo những nét thông dong

Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.

Ngờ rằng phải có tiền đề hộ thân, vì ở trong một xã hội thiếu yêu thương những người hoạn nạn, chỉ biết đến đồng tiền, nên nàng đã ăn cắp chuông vàng khánh bạc của hoạn-thư, mới phải vào tay Bạc-hạnh Bạc-hà.

Rồi tưởng gặp được Đại-tướng Từ-Hải, thì thoát khỏi tai-nạn, ngờ đâu nàng bị một lối giáo dục «Trung-quân mới là ái-quốc» chứ không biết rằng triều-đình mà có bọn quan lại như Hồ-tôn-Hiến thì cần phải thay đổi, có những lúc cách-mạng vẫn là hay, cần phải phản bệ nhà cách-mạng chân-chính với bọn làm giặc bán nước. Tiếc cho nàng chưa đọc đến những trang lịch sử cũ: Tôn-dật-Tiên, Phan-chu-Trinh, Phan-bội-Châu, chỉ đọc đến những chuyện Hoàng-Sào. Nàng đã nghe dạy:

Sao bằng lộc trọng quyền cao

Còn danh ai dứt lối nào cho qua

Vì nàng vẫn nghe nói tiền là cần, phải làm sao cho có tiền, càng nhiều càng hay, nên đã bị :

*Thật dạ tin người,
Lẽ nhiều, nói ngọt nghe lời dễ xiên.*

Vì nàng bị giáo dục ham những điều «phu quý phụ vinh», nên đã không biết chính trị, không biết quân sự mà dám bần bạc khuyển bảo, khiến cho Từ Hải «ai ngờ một phút tàn tanh thịt xương».

Lại gặp phải Hồ tôn Hiến không biết đã học ở trường nào, tổ chức chương trình giáo dục làm sao, đề ông chịu một nền huấn luyện những đường lối gian xảo quỷ quyệt khiến cho Thúy kiều là nạn nhân của ông, của trường học và các thầy giáo đã dạy ông.

Một vài việc như thế có lẽ chứng minh rằng nguyên nhân Đau khổ trong truyện Thúy kiều là Giáo dục và Tổ chức sai lầm.

Vấn hay rằng trên đây chỉ là một truyện tiểu thuyết, không chắc có thực chăng, nhưng phải nhận tài, của cụ Nguyễn Du đã khéo sắp đặt trình bày một câu chuyện như thực mười mươi. Chỉ tiếc là chính Cụ cũng đã hấp thụ một nền giáo dục nhà Nho Đông phương, cứ muốn nói rõ như kẻ khác đương thời được bình an, còn ý tưởng của mình thì gói ghém cẩn thận đề đặt trong mấy tiếng, khiến cho xưa nay bao nhiêu người đọc đến truyện Kiều, cũng như không đọc vẫn nói nguyên nhân Đau khổ là vì ông Trời ác nghiệt, là vì số phận chua cay, đời người là bể khổ, phải cúi đầu mà chịu với may rủi trên đường đời, không còn mong làm gì để diệt khổ hay là giảm khổ cho mình và cho người. Không ngờ đọc tập Đoạn trường tân thanh cho cẩn thận có thể thấy những bên cố trong đời Thúy kiều nói lên một nguyên-lý muôn đời là *chính Giáo-dục và Tổ-chức sai lầm gây nên Đau khổ*. Vì đau có bệnh tật, có chiến-tranh, có tàn-

ác khốc hại, có du đấng cao bồi, có nạn thầy giáo chim học trò và học trò giết thầy giáo? Chỉ có một câu trả lời với bao nhiêu đau khổ, chính Giáo dục và Tổ chức sai lầm là thủ phạm. Bệnh tật chẳng? Biết đâu không phải vì ai đã giáo dục và tổ chức thế nào để cho có người thiếu ăn thiếu mặc, bầu không khí nhiễm độc từ những tiếng ồn đến những thần khí, rồi hằng triệu triệu vì trùng qua thời gian từ đời này đến đời khác, qua không gian từ người này đến người kia. Chiến tranh chẳng? Không dám nói đến chiến tranh ở Việt nam, còn bao nhiêu chiến cuộc khác, biết đâu không phải vì cả đôi bên hay là một bên đã bị giáo dục và tổ chức sai lầm. Xem như sau trận thế chiến thứ nhất, hiệp ước Versailles cắt xén nước Đức, tạo thêm những nước nhỏ, tách riêng một thành Dantzig đầy người Đức mà không thuộc về Đức, lập hội Vạn quốc ở Genève, tưởng thế là xong, Mỹ yên tâm bên kia Đại tây dương, để mặc Anh và Pháp nội bộ lục đục, có vua, có tổng thống, có thủ tướng hẳn hoi có bầu cử đảng hoàng có thượng và hạ nghị viện đầy đủ, nhưng các đảng phái tranh dành chia rẽ, bất chấp vận mệnh quốc gia, hễ người phe ta lên cầm quyền thì người phe hữu tìm cách đánh đổ, người phe hữu nói trắng thì người phe tả nói đen, không lo gì Nga sô càng ngày càng mạnh, Hitler và Mussolini hợp nhất các lực lượng trong nước và đóng phi cơ thiết giáp, đúc súng đạn, hễ có động tĩnh thì Daladier «đội mũ» và Chamberlain «vác ô» sang Munich xin nhượng bộ để cho Hitler thôn tính nước này đến nước khác trong số các đồng minh của Pháp và của Anh. Những con người cầm quyền lãnh đạo các cường quốc mà được giáo dục như thế và biết tổ chức như thế, thì năm 1939 bùng nổ chiến tranh và qua năm sau Anh và Pháp thua trận chạy dài là lẽ dĩ nhiên. Cũng như có thằng bán tơ, có mẹ Tú bà, có tên Mã giám Sinh và những người khác thì đau khổ của Thúy Kiều là lẽ tất nhiên. Đem lối giáo dục từ chương khoa bảng, chỉ trọng văn bằng cốt nhớ cho nhiều, chứ cả thầy lẫn trò không suy nghĩ, không lý luận, đời sống

những thứ vô ích, học kiếm tiền và làm tiền chứ không học kiếm người và làm người, cộng thêm vào đó một xã hội tổ chức thế nào khiến cho người thì thừa thãi một bữa ăn mấy nghìn bạc, người thì thiếu thốn không có cơm ăn áo mặc, nuôi cha mẹ vợ con, chỉ có tiền là chủ nhân ông, lại từ tai nghe mắt thấy đến những thức ăn uống, nhà ở áo mặc đều khiêu gợi kích động thúc giục, cộng những thứ ấy với nhau thì dễ biết tổng số là tai họa thế nào, đau khổ làm sao. Khác nào như hai cộng với hai là bốn... Có thể nói «đời người là một bài toán cộng nhưng người ta chỉ thấy và chỉ trách tổng số, chứ không ngờ và không đề ý đến những cộng số thế nào». Hễ nói đến thì nêu gương các nước văn minh, những thứ gì, cách nào gây nên đau khổ vẫn không phải là văn minh, chính là bủ lậu và lạc lậu, trên mặt đất này, chưa chắc ai nên dạy ai, và ai cần phải học với ai. Nói cách này hay nói cách khác chung qui nguyên nhân vạn mối Đau khổ vẫn là Giáo dục và Tổ chức sai lầm. Hay là có thể nói chung và nói tắt lại trong hai chữ «Sai lầm». Thực đúng như Phật tổ đã dạy trong Tập-đế và Thập nhị nhân duyên nguyên nhân sâu xa đầu tiên là Avidya, chữ Nho dịch là Vô-minh, không sáng, nghĩa là không hiểu, không biết hay là sai lầm. Có lẽ vì đó mà trong đạo Phật đã lấy chữ Phật, người Bắc gọi là Bụt, Tây phương phiên âm là Buddha và những chữ Bồ tát, Bồ đề làm trọng vì do chữ Phan là hiểu biết, sáng suốt. Tương tự như thế Không tử đã dạy cần phải Minh minh-đức chính tâm, thành ý, trí trí mới khỏi sai lầm để thâu tu gia tề, quốc trị, thi thiên hạ mới bình, nghĩa là mới khỏi Đau khổ và được Hạnh phúc. Chúa Cứu Thế lại dạy trong mấy tiếng văn tắt dụ dàng bao hàm các ý nghĩa đến «Chân lý giải thoát các người», nghĩa là biết được chân lý mới tránh khỏi sai lầm, mới thoát vòng Đau khổ và được Hạnh phúc muôn đời. Nhắc đến những lời quý hóa này, tôi thấy phải dừng lại đây, vì sợ nói thêm gì thì thêm sai lầm lại càng đặc tội. Có hai điều chắc chắn

không sai lầm, tôi có thể nói ra đây. Một là cảm ơn các ngài và các bạn đã chịu khó nghe những lời trình bày thô thiển vụng về, ngộ giả có điều gì sai lầm xin các ngài và các bạn miễn thứ bỏ qua. Hai là riêng tôi chỉ biết khởi Bồ đề tâm phát Bồ-đề-nguyện, đốt nén hương lòng cầu xin cho các ngài và các bạn, nhất là những ai có trách nhiệm giáo dục và tổ chức, từ trong gia đình ra đến ngoài xã hội, vui lòng xét lại trong cả các phạm vi và lãnh vực, không nên tin vào những thứ từ xưa truyền lại hay là từ đâu đưa đến, hoặc nhiều người dương theo, không hẳn là văn minh, không hẳn là đúng, để tránh cho từ nay không còn chút gì sai lầm, mới mong tất cả bề khổ sống sầu, riêng cho bản thân mình, chung cho nước nhà dân tộc và khắp cả thế gian này.

G S BỬU-DUƠNG

(Nhiều đoạn trích trong quyển « Văn đề đau khổ » sắp xuất bản)

canh xuan xanh

4.

anh ngồi đây đợi trăm năm
cây cao bóng ngả che mầm ấu năn
tên em từ đó nghe quen
điêu anh hơi thở lên miền thanh xuân
tóc mây chấm ngọn cây rừng
tình anh đợi gió bay từng nỗi thu
vàng tay mộng trải nên thơ
hong anh nổi chết em chờ tàn phai
nghe đêm khép ngọn hình hài
ngày hiu quanh đồ bóng dài bên hiên
tim em nhịp gõ ngoan hiền
đời anh từng sợi ưu phiền tóc mai
dẫn tim em gót chân ngày
rớt bao nhiêu nắng cho đầy tình em!
nhịp theo xác động môi mềm
nụ hôn chưa nở cảnh đêm tỏa mù
thơ anh từng ngón thiên thu
chẽ mây cột tóc đến bù tuổi em
vườn thơ thiết dậy lời chim
mùa xuân về hát bên thềm dung nhan,

HÀ NGUYỄN THẠCH

(trích trong nghìn câu lục bát)

văn chương làm tình

NGUYỄN TRỌNG-VĂN

(Tiếp theo)

II

LÀM TÌNH TRONG VĂN CHƯƠNG

TƯƠNG TỰ NHƯ XÃ HỘI VÀ QUÊ HƯƠNG, KHUNG cảnh gia đình cũng dần dần trở nên lỏng lẻo và đối nghịch. Trong văn chương, cái giường không còn là không gian thân yêu êm ấm để nghỉ ngơi, xoa dịu. Nó đã trở thành một đồ vật để diễn tả khung cảnh đồ vỡ gượng ép hoặc sự tìm kiếm vô vọng của con người để lập một liên hệ nào đó với người khác.

Nhà cửa tối tăm, màn mùng thi bần thiêu hoen ố, rác rưởi, ruồi muỗi lại tràn ngập : «Nghĩ tới đây, Tám Bình rùng mình đưa cặp mắt âm khôi trông gian buồng chật hẹp, ngăn cách buồng bên bằng những ván gỗ ghép liền đã mục nát và như nhóp những vết trầy như máu tọng, một chiếc mảnh sơn trắng chẳng chịu mạng nhện ở lối ra vào, và một ngọn đèn vách lù mù vì thông phong chẳng bao giờ trong sáng ở góc tường. Gian buồng tối tăm đó với lấm phản thấp tè tè sự: mùi gỗ mục và mùi chân gỗ, màn chiếu hơi hám ấy sẽ ám ảnh mãi mãi đời các gái giang hồ» (Nguyễn Hồng, Bĩ Vỡ). Trong nhà tù ở thời thực dân, không gian để nằm và môi trường chung quanh lại càng trở nên thù nghịch hơn nữa. «Hàng trăm người như thế nằm la liệt trong nhà bệnh, loi nhoi lúc nhúc, cơm không ăn được, thuốc men không có, nhiều người liệt nhược quá đi không nổi, chân còn phải bị cùm, nằm dẫu là đó, một tuần... hai tuần có khi hàng tháng như thế, áo quần chân chiếu không ai giặt rửa, troi trắng nhoi nhúc, mùi hôi thối

xông lên không tài nào chịu nổi» (Lê văn Hiến, Ngục Kổng Tam, trích Hợp tuyển thơ văn Việt nam, tập V, Văn Hóa, 1963, t.249). Đất lành, cây cỏ, thiên nhiên cũng trở nên không gian kim kẹp đối với cô gái quê trước bọn lính đánh thuê tàn ác. Người ta vùng vẫy, dầy dụa trong bùn lầy cát sỏi, bên những lùm cây : «...Không nương tay hẳn xỏ mệnh Nhãn nằm xuống đất (...) Nhãn ứa nước mắt kêu thét, cố gắng một cách tuyệt vọng níu tóc hẳn lỏi lên rồi cô kiệt sức (...) Ánh nắng bên ngoài vẫn gay gắt. Chưa bao giờ Nhãn phải chịu đựng tai nạn một cách quá thô bạo, quá lộ liễu như vậy (...) Một tràng đạn nổ ròn cây tung đất lên và Nhãn ngã ập mặt xuống trong đám cát bụi ấy» (Lê Xuyên, Rặng trăm bầu, t. 406, 07, 08) Người ta cũng kinh sợ bỏ chạy ngay cả trước những chân nệm tiện nghi mát rượi của các quan lớn : «Chị Dậu khúm núm đi đến chỗ quan Phủ đã chỉ. Quan Phủ ghé ngồi vào giường đối mặt với chị Dậu. Sau khi đã thưởng thức cái dung nhan óng ả của chị gái quê, ngài đứng dậy đi đến cạnh chị. Cúi xuống, ngài định hôn vào đôi má đỏ bừng. Chị Dậu vội nghiêng mình và chạy ra gần cánh cửa. Quan Phủ theo sau, ngài nắm tay chị lỏi lại và ngọt ngào : *Hãy vào trong này đã. Máy đánh lính trong khi làm việc phạm sự, tội nặng lắm... Vào đây... rồi tao chăm chú đi cho.*» (Ngô tất Tố, Tắt đèn)

Không những không gian đã trở thành đối nghịch, việc làm tình cũng mất hẳn ý nghĩa của nó để chỉ còn là những động tác có tính cách thú vật, lộ liễu, hối hảm : «Có một buổi trưa, vợ chồng tôi đang thiu thiu sắp ngủ, vợ chồng người bạn nằm ri rầm nói chuyện bên kia cửa con của họ treo chơi trên cái thang lên chòi gác. Chợt người cha bảo đưa con ra ngoài hàng rào chơi. Thằng bé như có vẻ không muốn đi còn dằng dằng liền bị cha nó đạp cho một cái ngã chúi ra cửa. Thằng nhỏ lồm cồm bò dậy lỉnh ra ngoài và im luôn. Một lát sau người vợ hốt hoảng kêu khe khẽ : *Đừng, anh, Người chồng không nói gì... Tiếng chồng tre kêu rằng rắc đồn đập. Tiếng thờ đàn ông càng dồn dập hơn. Tiếng thằng nhỏ ở ngoài vọng vào : Ba ơi. Người đàn ông quát : ở ngoài đó... Chợt người gác ở trên chòi canh*

gọi đôi gác. Một người khác ở tầng dưới nói vọng lên : lao lên ngay bây giờ. Người chồng vội nói : 'thong thả đã nhé nhưng người vợ đã đẩy chồng xuống chống đánh rầm' (Thảo Trường. Chạy trốn, t 64). Người ta làm tình một cách vội vã hoặc coi đó như một bổn phận, nằm i ra, nghĩ vợ vẫn đến công ăn việc làm ngày mai, không tách khỏi được những lo âu, bận rộn hàng ngày. Vừa làm tình vừa tính toán tiền nợ, vừa lo con thức giấc vừa sợ tiếng bom đạn iầm đầu đây : «Chị thẹn nóng bừng má. Bữa đó súng nổ từ lung, ngồi sát vách đất hàm tay ôm mớ quần áo tay bông đùa nhỏ má anh còn tiếp tục... Nỗi ngượng nghĩ lại làm chị bơ thờ, từ chối sao lãng thả thối. Anh Ba lại dụng lao ngay lên, Chị vùng người không kịp. Chị nói nhỏ : làm khẽ chút ! cho thằng nhỏ ngủ. Chị lơ mơ nghĩ sáng mai phải ra chợ bán thùng khoai mì» (Thế Uyên. Tiền đồn, t.17). Ở thành thị người ta làm tình một cách khác, không thúc bách hối hả, không đòi hỏi xác thịt, làm tình một cách no nê nhằm chán «Chỉ còn sự nhàm chán thường xuyên, và hẳn ôm tôi hôn tôi theo thói quen như để trả thù một món nợ nào đó. Tôi cũng thế. Cả hai hầu như không còn cảm giác để trao đổi cho nhau» (Nguyễn thị Hoàng, Vòng tay học trò, t.278), nếu không làm tình có ý nghĩa như một tra hỏi, một phản kháng tuyệt vọng của con người về thân phận tù đày vô nghĩa, về sự chết, về hư vô : «Nằm phủ lên Linh, chàng không thấy thèm muốn nhưng chàng muốn vô cùng mãnh liệt vào sâu trong thân thể phía dưới của người khác kia, kẻ khác kia, những thúc dục run rẩy của cơ thể chàng tìm kiếm đang hòa hợp với Linh không có nghĩa gì hơn, không mang một giá trị gì hơn là biểu lộ một chống đối thật nhỏ vô ích vào khoảng không có gì hết sau cái chết» (Thế Uyên, Tiền đồn, t 13)

KHÔNG GIAN CỦA PHÒNG NGỦ GIƯỜNG CHIẾU VÀ thời gian của thủ thi, làm tình là những không gian và thời gian ngưng đọng, thoát ly, đưa người vào cõi xa lạ trong đó xấu tốt, ý thức thân xác, bản năng lý trí như chưa tách biệt. Con người tìm lại vùng hoang dã vô tội không bị luân lý, tôn giáo, chính trị và xã hội gò bó, phán xét. Đi vào ciné, vào thế

giới thiệu thuyết, vào chùa chiền hay vào nhà thờ cũng như vào phòng ngủ hay lên giường là vào những không gian và thời gian đặc biệt, hạn hẹp, khép kín, tách biệt khỏi cuộc đời với vĩa, máy móc hàng ngày. Trong tình cảnh đồ vỡ chung của xã hội chính thiên đường nhỏ bé cuối cùng đó của con người cũng bị rạn nứt. Người ta làm tình một cách máy móc trơ trẽn trong một không gian bỏ ngõ và một thời gian hối hả, người ta hăm hiếp rên siết trong bụi rậm đất đá bên tiếng súng tiếng bom hoặc tiếng la hét tấn công, người ta cho mượn thân xác như những phương tiện cuối cùng để chiêm nghiệm những thắc mắc dầy vò về cái chết, về sự phi lý... Bằng những hình thức và giọng văn khác nhau, những đoạn làm tình trong tiểu thuyết đã diễn tả tình trạng đồ vỡ của xã hội và sự phá sản của con người. Tuy nhiên việc làm tình mang những ý nghĩa khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau nên loại tiểu thuyết làm tình ăn chơi thường bị phê bình là khiêu dâm đồi trụy. Trong phạm vi nào việc phê bình trên là chính đáng và trong phạm vi nào những lời phản đối đó có tính cách dễ dãi, vội vàng ?

Khiêu dâm hay thực hiện ?

Thực ra hành động làm tình thoát khỏi các phạm trù tốt xấu, khiêu dâm, hiện thực. Người ta thường đi tới với việc làm tình trong văn chương trong một hoàn cảnh xã hội và tình thần nào đó nên không thể không gán cho cảnh làm tình những ý nghĩa chủ quan khác nhau. Ôm hôn ngoài đường có thể là tự nhiên đối với người tây phương nhưng có vẻ lạ lùng lỗ bịch đối với người Việt Nam. Việc làm tình cũng vậy, có thể là tự nhiên đối với các nhân vật tiểu thuyết tây phương nhưng đối với độc giả và xã hội Việt Nam nó vẫn có một ý nghĩa đặc biệt, nếu không thì cũng còn một ý nghĩa nào đó chứ chưa đến nỗi chỉ có giá trị như một cái bắt tay hay một điều thuốc trên xe buýt. Trong một xã hội mà tình dục còn có tính cách cấm kỵ thì chỉ cần nói tới, nhắc tới đã bị coi là xúc phạm kẻ

gi đến việc diễn tả tỉ mỉ mọi cảm nghĩ, mọi động tác một cách công khai trên tiêu thuyết (1)

Người ta có thể diễn tả sự đồ vỡ, phá sản của con người bằng nhiều cách trong đó có cách tả cảnh làm tình hăm hiếp. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là người ta có thể tả cảnh làm tình bất cứ cách nào mà không bị người khác phê bình. Tùy khung cảnh, giọng văn và hậu quả, cảnh làm tình có thể là khiêu dâm hay hiện thực. Làm tình không phải là một danh từ rỗng, nó đòi hỏi những con người cụ thể, những *hoàn cảnh nhất định*, mặt khác, nó cũng cần nhà văn để diễn đạt những cảnh đó (*giọng văn*, nội dung diễn tả có thể đồng lõa hay tố cáo, thích thú hay ghê tởm), sau hết, cảnh làm tình hay hăm hiếp có thể làm cho độc giả *thích thú khoái cảm hay tức giận thương xót*. Thành ra tùy khung cảnh dẫn tới việc làm tình, tùy ở thái độ của người làm tình, tùy giọng văn và chủ đích của người mô tả cũng như ở hậu quả của cuốn truyện ... việc làm tình mới có tính cách khiêu dâm, tục tĩu, hiện thực, tả chân, đồng lõa, tố cáo, tự nhiên... chứ không nhất thiết tả cảnh làm tình là xấu xa đồi trụy. Khiêu dâm là tả những động tác, những hoàn cảnh dẫn đến động tác cuối cùng bằng một giọng văn úp mở, ẩn dụ (có khi không cần tả những động tác đó mà vẫn vẫn có tính cách khiêu dâm, gợi cảm) Khiêu dâm không nhất thiết phải dẫn tới một mục đích nào, trái lại khiêu dâm là mục đích cho chính nó. Khiêu dâm để khiêu dâm. Tục là nói những điều, những danh từ mà xã hội, đạo đức, tôn giáo coi là không được nói ra. Tục có tính cách cấm kỵ, nói toạc ngay lên của sự vật mà không dùng ngôn ngữ văn chương mờ ảo, bay bướm làm cho người đọc hay người nghe kinh ngạc, ghê tởm. Trái với khiêu dâm, tục thường có một mục đích nào đó

-
- (1) Xã hội chúng ta có nhiều mâu thuẫn kỳ quặc : nói xấu cả Chúa Phật, mạ lỵ cả Linh mục Thượng tọa thì coi là thường nhưng chỉ nhắc đến một vài danh từ, một vài động tác tự nhiên của con người thì bị la ó, chửi bới.

(châm biếm, chỉ trích, bóc trần những cấm kỵ đã mất hết ý nghĩa, phơi bày những hoàn cảnh đặc biệt...). Khiêu dâm thường quanh co, bóng bẩy, không mục đích nào khác, tục tĩu thường trực tiếp, trần trụi, nhằm một mục đích nào đó. Có thể nói khiêu dâm và tục tĩu thường tỷ lệ nghịch với nhau, càng tục tĩu hẳn thì càng ít tính cách khiêu dâm. Khiêu dâm, đồng lõa và tự nhiên thường đi với nhau, tục tĩu, tố cáo và hiện thực thường đi với nhau.

Có những truyện khiêu dâm mà không tục tĩu như cuốn *Rặng trăm bầu* của Lê Xuyên. Cảnh cưỡng hiếp một cô gái quê còn trinh tiết được chuyển bị từ mấy chục trang đầu và kéo dài hàng mấy trăm trang sau dưới nhiều hình thức tế nhị. Không một đoạn một câu nào có tính cách tục tĩu, trái lại giọng văn úp mở, đồng lõa. Cuối truyện có cảnh cô Nhãn nhẫn nhục chịu đựng để trả thù những người đã hại đời mình nhưng những trang này quá ngắn ngủi không làm át được tính cách thú vị, gợi cảm của cuốn truyện, đúng ra là khung cảnh khiêu dâm của cuốn truyện. Có những cuốn tục mà không khiêu dâm như *Lao vào lửa* của Nguyễn thị Thụy Vũ. Những chữ, những động tác nó tính cách cấm kỵ được sử dụng một cách thô bạo, dữ dằn làm người đọc kinh tởm và thương hại cho những nhân vật trong truyện (máu, nước dãi, như ống cống, lông lá...) Có cuốn vừa dâm vừa tục lại vừa chứa đựng những thắc mắc về thân phận cô đơn, phi lý của con người. Một số tiểu thuyết thuộc loại này. Tiền đồn của *Thế Uyên* vừa dâm (cảnh làm tình xuất hiện luôn luôn, tả tỉ mỉ rành rẽ, khoái cảm của người đàn bà...) vừa tục (lông lá, cái giống, nước nhờn chảy xuống dãi, tắm đêm bị hiếp...) Tính cách dâm và tục trên chủ yếu nhằm dẫn tới những thắc mắc, những độn vật có tính cách triết học, siêu hình hoặc thâm mỹ nhưng giọng văn hơi có tính cách đồng lõa và tự nhiên nên *Thế Uyên* bị coi là nhà văn khiêu dâm.

Trên lý thuyết, người ta có thể căn cứ vào khung cảnh, giọng văn, chủ đích, hậu quả .. cuốn truyện để cho nó là khiêu

dâm hay hiện thực, đồng lõa hay tố cáo, trên thực tế, sự phân biệt trên có tính cách hàm hồ, tương đối. *Chẳng hạn sự phân biệt khiêu dâm và tục tĩu*. Tục và dâm không đi đôi với nhau nhưng không nhất thiết như vậy. Khiêu dâm có thể không tục nhưng tục có thể có tính cách khiêu dâm. Tên các bộ phận, động tác sinh lý dù được gọi bằng tên thật hay tên khoa học vẫn có khả năng khiêu dâm vì nó có tính cách gợi hình và kích thích óc tưởng tượng. Tả nước nhừa chảy xuống đùi có thể là tục nhưng cũng có tính cách khiêu dâm vì nước đó, đùi đó có những vị trí rõ ràng có thể tưởng tượng được, chúng gợi hình ảnh những bộ phận, những khung cảnh và động tác khác. Tranh khỏa thân nghệ thuật có tính cách khiêu dâm còn tranh 36 có tính cách tục tĩu? Thực ra, tranh 36 có tính cách khiêu dâm rõ ràng, đúng ra lý do tồn tại của tranh 36 là khiêu dâm hơn là tục tĩu. Các loại dâm thư đúng nghĩa vừa tục vừa dâm. *Trong phạm vi văn chương cũng vậy*, khiêu dâm và hiện thực có những biên giới rất mờ hồ. Tả cảnh hãm hiếp là tả cảnh đồ vớ ghê tởm, nhà văn dùng giọng văn phơi bày tố cáo nhưng ông làm sao loại bỏ hoàn toàn được tính cá h tự nhiên đồng lõa khi nói đến thân xác bồ ngỗ, cử động hối hả, tũn nhục? Ngay cảnh hãm hiếp, làm tình dã chắc gì có ý nghĩa xấu xa ghê tởm đối với mọi người. Mặt khác, thí dụ nhà văn diễn tả tội ác bằng giọng văn tố cáo, kết án thì chắc gì cảnh tán tỉnh, cụ nự, vụng vẩy, đã có tính cách hiện thực với mọi người hay nó vẫn có thể có tính cách khiêu dâm? Thân xác của cô gái quê có ý nghĩa khác hẳn nhau đối với một đứa trẻ, một chàng trai mới lớn, một nhà hội họa và một tên lính đánh thuê. (Nếu không muốn bị coi là khiêu dâm, đồng lõa có lẽ phải tả cảnh làm tình một cách nhằm chán, dửng dưng nhưng chúng ta sẽ thấy chính thái độ này cũng bộc lộ những rung cảm giả hình của người thành thị)

Mở cuốn truyện để đọc là mở cửa vào thế giới của tác giả, tìm kiếm tình các tục hay dâm trong truyện không dễ dàng như tìm kiếm Mỹ đen Mỹ trắng trong snack bar. Tục hay dâm không ở ngoài chúng ta, nó ở trong tác giả

trong tác phẩm và trong chính chúng ta. Khi tìm cái đảm cái tục của người khác trong văn chương thì mặc nhiên chúng ta đã đem theo cái đảm và cái tục của mình. Không thể có những tiêu chuẩn giáo điều và khách quan về đức tính vì đức tính vượt mọi tiêu chuẩn chính xác và máy móc. Người đọc không thể thoát khỏi cái chủ quan khi đi đến với người viết. Nguyễn Du tin ở thuyết định mệnh hay thuyết tự do, Vũ Trọng Phụng là nhà văn khiêu dâm hay hiện thực tùy theo cái nhìn của từng người đọc và từng thời đại khác nhau. Alfred Simon đã nói rất đúng là ý nghĩa của đức tính trong văn chương gắn liền với thái độ cụ thể của con người xã hội trước vấn đề đức tính. Như thế người ta chỉ có thể xác định một cách tương đối chứ không thể quyết đoán một cuốn truyện là khiêu dâm hay hiện thực (đó là chưa kể có nhiều nhà văn chứa đựng nhiều khuynh hướng mâu thuẫn : vừa tố cáo vừa tự nhiên, vừa hiện thực vừa khiêu dâm, vừa đồng lõa vừa tặc tửu). Văn chương là ngôn ngữ hàm xúc, quyết đoán một lần rồi thôi là phủ nhận văn chương vì coi nó chỉ là những gì người ta viết ra mà thôi. Đó cũng là phủ nhận tính cách biện chứng trong văn chương vốn luôn luôn chờ đợi những ý nghĩa mới. Phê bình văn học như căn cứ trên một niềm tin là có thể thông cảm được với người khác nhưng có thật con người có thể thông cảm được với nhau không ? Vấn đề văn chương lại trở thành một vấn đề có tính cách triết học và chính trị. *Cái khó hiểu không phải là đức tính mà chính là thái độ của con người đối với vấn đề đức tính.* Lối phân biệt giáo điều khiêu dâm hiện thực (ít ra trong phạm vi văn chương làm tính) đôi khi đưa tới bế tắc, giả tạo. Về điểm này chính lối nhìn cơ cấu lại có thể đem tới cho các hiện tượng văn chương và xã hội những ý nghĩa mới mẻ.

Hiện sinh hay sa đọa. ?

Vì tính cách hàm hồ tương đối trên nên một số tiểu thuyết hiện sinh bị coi là sa đọa. Thật ra các loại tiểu thuyết trên không hẳn có tính cách khiêu dâm hay tặc tửu.

chúng dùng việc làm tình hay hăm hiếp để diễn đạt những đề tài hiện sinh hoặc những thắc mắc triết học khác nhau. Tác giả dùng việc làm tình như phương tiện nhưng độc giả lại coi việc làm tình như mục đích. Do đó, cảnh làm tình trong văn chương có tình cách khiêu dâm gợi cảm đối với một số độc giả này và tục tĩu đồi trụy với một số độc giả khác. Thái độ của các nhà văn trước mọi phê bình, nhất là phê bình có tình cách luân lý, thường là im lặng một cách khắc kỷ, coi mình như nạn nhân của những ngó nhận.

Thật ra vấn đề không giản dị như vậy ; có người được nhà xuất bản và bạn bè công kênh lên là cây viết hiện sinh vì mục đích thương mại và tình cảm, có người hăm hiếp với nhãn hiệu hiện sinh vì đã dùng nhiều sáo ngữ hiện sinh trong truyện dù cốt truyện chẳng hiện sinh gì hoặc nếu có thì cũng là thứ hiện sinh cộp nhặt từ vài cuốn của Sartre, của Camus. Dù sao thì các nhà văn trên đều có một điểm giống nhau là dùng việc làm tình để nói lên thân phận cô đơn, sự chán chường của tình yêu, sự phi lý của cuộc đời, của cái chết. Trước kia cảnh làm tình thường diễn ra dưới hình thức hăm hiếp, cưỡng ép ngày nay việc làm tình có tình cách đồng ý, thỏa thuận. Một mảng vùng vậy chống đối (lính đánh thuê, người bán - xù quan lớn, nhà giàu và dân đen, nghèo khổ) trong giọng văn phơi bày tố cáo làm người đọc thương cảm, ghê tởm ; một mảng đồng tình nghiêng ngả hành động làm tình (trí thức thành thị với nhau, với dĩ điểm...) trong giọng văn đứng đưng, chán chường. Càng làm tình càng chứng tỏ mình thắc mắc về cuộc đời buồn chán, càng làm tình càng thấy buồn chán, nôn mửa thêm, càng buồn chán nôn mửa lại càng làm tình nhiều hơn nhưng càng làm tình nhiều hơn lại càng cảm thấy buồn chán nôn mửa hơn nữa. v...v... Có thể dùng việc làm tình để diễn tả những gì vượt khỏi phạm vi làm tình nhưng lặp đi lặp lại nhiều lần trong tiểu thuyết nó trở nên gượng ép, lạc giọng nhất là khi lại dùng hơi nhiều sáo ngữ hiện sinh, cái nhìn thấu suốt, phi lý, tha nhân, dự phóng, nôn mửa bị quan sát, được nhìn ngắm, hiện hữu thừa thãi, có

độc, kẻ khác, phản kháng hư vô...). Dùng phương pháp của tây phóng không hẳn là xấu nếu đề soi dọi vào những thực tế sống động của Việt nam nhưng bất chước tây phương sẽ trở thành ngớ ngẩn khi chỉ sản xuất ra những rung cảm lạc loài và giả tạo, nếu không phải là một thứ văn chương thông ngôn. Chắc chắn các nhà văn gọi là hiện sinh sẽ bế tắc hoàn toàn nếu họ chỉ biết tiếp tục con đường hiện nay. Một vài tác giả đã chuyển hướng và đặt vấn đề một cách nghiêm chỉnh hơn, số còn lại vẫn chìm trong những vấn đề giả tạo và những hư danh do nhà xuất bản và do chính họ tạo ra.

Khi nào tiểu thuyết hiện sinh trở thành sa đọa và nên hiểu sa đọa theo nghĩa nào? Vấn đề văn hóa đồi trụy gần đây được đặt ra một bối cảnh lẫn lộn thiện chí, mỉa dân và bế tắc. Văn hóa đồi trụy được hiểu là văn hóa ru ngủ xấu xa, gieo rắc sự hưởng thụ ích kỷ, vô luân, phá rối trật tự, nguyên nhân cho những đồ vỡ, xáo trộn... Và đại loại gồm có tranh ảnh khỏa thân, sexy show, quần áo hở hang lộ bịch, phim cao bồi dâm chém, lối sống bê tha trụy lạc và tiểu thuyết hiện sinh. Thực ra những sản phẩm đó có phải là văn hóa đồi trụy không? Đồi trụy với ai? Quần áo hở hang khêu gợi tại Tây phương có nghĩa gì, tranh ảnh khỏa thân cũng vậy. Tối cao Pháp viện Hoa kỳ có xét lại mấy vấn đề văn chương tục tĩu, dâm ô và cho rằng các tạp chí loại Playboy như High Heel, Spree, Gent, Swank, Bachelor, Modern man, Cavalcade, Gentlemen, Ace, Sir... không có tính cách tục tĩu, đồi trụy (Alexander M Bickel, *Obscenity cases*, trong New Republic số ngày 27-5-67 t. 15) Tiểu thuyết khiêu dâm làm tình cũng không có tính cách đồi trụy tại Tây phương vì chính ở ngoài đời người ta làm tình tự nhiên như bắt tay, thay đổi vợ chồng thân nhiên như thay áo. Chúng ta sẽ bế tắc nếu không căn cứ trên thực tại xã hội để tìm hiểu và đặt vấn đề. Các thứ ăn chơi, nhây nhót, strip tease, ảnh khỏa thân, y phục khiêu gợi, tiểu thuyết làm tình... là những sản phẩm tự nhiên của mọi xã hội văn minh, tiến bộ. Các xã

hội này muốn tìm lại những hình ảnh, đường nét và khung cảnh thân yêu của con người nên họ dành những tổ chức đặc biệt để con tìm lại thế giới bản năng hoang dã (hộp đêm thoát y, tranh khỏa thân, hội khỏa thân, những hòn đảo khỏa thân, tiểu thuyết làm tình...). Trong nghĩa đó có các sản phẩm trên không những tự nhiên mà còn cần thiết đối với các xã hội máy móc, kỹ thuật. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, cái gọi là tự nhiên cần thiết đối với người tây phương có thể trở thành sa đọa, ru ngủ đối với người Việt nam. Người Tây phương có đủ tất cả các sản phẩm trên chỉ có tính cách giải trí thêm vào đời sống của họ, người Việt nam mất mát tất cả, những sản phẩm đó trở thành gia tài vô vọng cuối cùng mà con người bám víu vào một cách bí hiểm để chạy trốn khỏi khung cảnh đồ vớ của quê hương (1). Có cả một kỹ nghệ và nghệ thuật để tiêu khiển cho người Tây phương, khi sang đây, họ cũng đem tinh thần và sản phẩm tiêu khiển của họ. Người thành thị làm quen với các thú tiêu khiển đó. Saigon vừa là thị trường tiêu thụ vừa là thị trường sản xuất những dịch vụ, những thú tiêu khiển trên (sexy show với gái Việt nam, strip tease với gái Hoa kỳ, Pháp, Phi luật tân, Đại hàn, tranh khỏa thân treo đầy nhà bên cạnh bàn thờ tổ tiên, văn chương làm tình, lối sống dễ dãi...) (2) Đối với người Hoa kỳ và

(1) Xem *Áo quần và thân phận con gái*, Văn học số 76

(2) Người ta cho rằng biểu ngữ đề ngàn cấm thứ văn hóa đó làm như chúng từ trên trời rơi xuống. Đó cũng là thái độ của chính quyền đối với vấn đề chợ đen, đồ lậu; lâu lâu cho lính đi bố ráp, tịch thu hàng lậu trước ống kính của người ngoại quốc, coi như chính quyền và các ông lớn không hề biết gì tới hiện tượng đó cả! Xét cho tới cùng và trên một bình diện khác, nhân phẩm, tự do... vẫn là những lý tưởng hơn là những thực tại. Chưa được nhìn nhận là con người và chưa ý thức rõ thân phận nô lệ mất mát nhân phẩm của mình thì lo gì sự sa đọa đồi trụy của sách báo vì thực ra chính mình đã là một sa đọa, đồi trụy—

người thành thị được nuôi dưỡng bằng văn hóa Tây phương thì những sản phẩm kia không có gì là đời trụy cả nhưng đối với những người chưa bị vong bản hoàn toàn thì thứ văn hóa đó không có tính cách tự nhiên, chúng đã trở thành ru ngủ, đầu độc.

Phản đối các nhà văn vì họ phổ biến tư tưởng đời trụy, sa đọa làm xáo trộn xã hội là sai lầm vì xã hội bên ngoài còn đời trụy, sa đọa, đồ vỡ hơn nhiều. *Tính cách ru ngủ, sa đọa của loại tiểu thuyết hiện sinh và làm tình không phải ở chỗ nó đưa người đọc vào tội lỗi, chán chương (vì thực ra các nhà văn có rung cảm, có ý bộc lộ thẩm cảnh con người...) mà ở chỗ nó chứa đựng quá nhiều rung cảm giả tạo, lai căng và do đó đem lại nhiều ảo tưởng nơi tác giả cũng như nơi người đọc. Chính những ảo tưởng này đưa người ta vào sa đọa một cách tự nhiên bình thản nếu không phải là hãnh diện và thích thú. Đó là điều quan trọng.*

Thắc mắc về thân phận hạn hẹp, về sự phá sản của mọi giá trị, về tình cảm phi lý hư vô, cái chết... là những thắc mắc có thật nhưng nguyên nhân của sự phá sản, đồ vỡ và hạn hẹp khác hẳn nhau tại Tây phương và tại Việt Nam. Một đằng là sự tù đày, phi lý, ngơ vực vực vì những khủng hoảng của nền văn minh kỹ thuật, một đằng là sự tù đày phi lý, ngơ vực của một dân tộc đang bị đặt dưới ách thuộc địa. Thắc mắc như tây phương không phải là sai lầm nhưng nó gây cho chúng ta ảo tưởng là chúng ta bất lực chán chương vì thân phận phi lý hạn hẹp của *con người nói chung* trong khi thực ra chúng ta bị dồn vào hoàn cảnh bế tắc chán chương vì thân phận lệ thuộc của mình, nói cách khác, ngoài đặc tính của *con người nói chung* chúng ta còn có đặc tính của *con người nó lệ*. *Tính cách ru ngủ một cách vô tình và gián tiếp, của những người đặt vấn đề thắc mắc siêu hình, nồn mửa như hết quan niệm Tây phương là ở chỗ họ lìm cho người đọc chú ý đến thân phận và những vấn đề của người Tây phương mà quên đi những vấn đề chính yếu của mình.* Khi tưởng mình bị hạn hẹp có đơn thừa thái vì mình có cùng số phận với người Tây phương người ta dễ dàng thúc thủ, buông xuôi hoặc bất chước thái độ của người Tây phương, khi ý thức được rằng mình bị tù đày, cô đơn nghi

ngờ chỉ vì phải sống trong một khung cảnh chính trị và xã hội đã trở thành đối nghịch thì người ta sẽ có thái độ khác. Hồi 1950, 54 ảo tưởng dân chủ, tự do, lãng mạn đã ru ngủ được một số người thành thị và ngày nay, những ảo tưởng hiện sinh, thừa thãi, nôn mửa, làm tình dề khàn khản hư vô, phi lý... cũng đang ru ngủ được một số trí thức vong bản. Dù các nhà văn có cho nhân vật của họ làm tình từ thứ hai đến thứ bảy, từ tháng giêng đến tháng mười hai để tra vấn, thắc mắc, phản kháng con người và cuộc đời thì các nhân vật của họ chỉ có thể gầy ốm xanh xao đi mà thôi chứ không thể tìm được một lối thoát nào vì người ta không thể làm tình để giải phóng khỏi thân phận nô lệ được.

THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI NHỮNG THỨ GỌI là văn hóa đời truy cũng là thái độ cụ thể của chúng ta đối với khung cảnh xã hội hiện nay. Vừa đồng lõa đứng đưng vừa tố cáo chống đối, tình cảm như bị lời cuốn nhưng lý trí thì phản kháng, chống đối. Văn nghệ sĩ cũng như những người phê bình cả hai đều bộc lộ thái độ của mình với khung cảnh xã hội hiện hữu trong khi viết và trong khi phê bình. Người ta không thể không có một thái độ chính trị ngay cả khi từ khước thái độ đó để được tự do sáng tác. Tự do viết là một ảo tưởng vì người ta không có quyền viết về những điều đáng viết, mặt khác ngoài việc viết ra, nhà văn và nhà trí thức không thể xây dựng được một cái gì lâu dài và đáng kể: sự hạn hẹp bất lực có nguyên nhân chính trị và xã hội hơn là vì thân phận nôn mửa thừa thãi, hư vô, phi lý. Chính trị chế ngự chúng ta ở đầu đường cuối ngõ nhưng nó cũng đã ngồi chễm chệ trên bàn viết. Có thể làm gì đâu ngoài việc buồn lậu, thụt két, ăn chửi làm tình trong văn chương ngoài cuộc đời. Chúng ta lao mình vào những thắc mắc giả tạo hoặc làm ngơ không nhìn nhận sự thật, nhưng không phải vì vậy mà sự thật không chế ngự chúng ta, trong cuộc đời cũng như trong văn chương.

III

VĂN CHƯƠNG LÀM TÌNH

ĐI TỪ NHỮNG KINH NGHIỆM SỐNG THỰC CỦA TƯƠNG GIAO con người từ lúc nằm nôi đến khi già nua trưởng thành, từ cái giường gia đình, xã hội quê hương... như những khung cảnh thân yêu đến khi trở thành khung cảnh đồ vỡ đối nghịch, từ sự làm tình như một ước muốn thông cảm đến việc làm tình như một tìm kiếm vô vọng của con người về một thiên đường đã mất, chúng ta có thể thông cảm được với những đoạn làm tình trong tiểu thuyết hôm nay. Tả cảnh làm tình khiến dâm tục tĩu có thể có tính cách khiến dâm tục tĩu nhưng cũng có thể có ý nghĩa như một *thủ tội, một giải tỏa hay một ý hướng quay lại khung cảnh hạn hẹp tối thiểu trong đó người ta còn hy vọng tìm lại mỗi tương giao với người khác* dù chỉ một tương giao cho mượn, quá buồn nản hoặc quá no nê. Lời nói, thân xác, vóc dáng đã mất ý nghĩa nhưng ít ra chúng cũng là tiếng động xác thật, đường nét của người khác gửi cho tôi. Có thể nghiền nát các mảnh đời tan vụn, mong manh đó nhưng có lẽ cần tìm nguyên nhân đã đưa con người đến chỗ chỉ còn biết bám víu vào cảnh làm tình một cách tuyệt vọng và chán nản.

Đi vào thế giới tiểu thuyết để tìm hiểu tính cách chán chường hoặc no nê của việc làm tình trong văn chương là cần thiết nhưng ra khỏi thế giới đó để đem lại một ý nghĩa cho hiện tượng văn chương làm tình là điều cũng cần thiết không kém. Vấn đề không phải là chỉ trích cảnh làm tình trong văn chương vấn đề là tìm hiểu tại sao lại có hiện tượng văn chương làm tình.

Có những liên quan giữa dục tính và hư vô, dục tính và sự phi lý, cái chết, sự siêu việt, dục tính và trật tự thiên nhiên, dục tính và vấn đề tự do, phản kháng... nhưng trong hoàn cảnh Việt nam' vấn đề văn chương làm tình được đặt ra trong một bối cảnh khác. Các loại văn chương làm tình dĩ điểm

không đứng một mình, chúng có một chân đứng trong toàn thể của chúng bên cạnh những hiện tượng văn hóa xã hội khác như tranh khỏa thân, hình ảnh khiêu dâm của đàn bà trên trang bìa, những tờ báo, phim ảnh làm tình thoát y, quần áo hở hang lộ lằng, đầu tóc bù xù như tổ quạ, snack bar, bán gái què cho ngoại kiều... Từ 1965, 66 đến nay loại văn chương làm tình được nhiều người chú ý đến vì chúng được chính những người cầm bút đàn bà viết ra. Người ta tưởng cảnh tán tỉnh, làm tình khiến dâm, tục tĩu, những bộ mặt trái của tình yêu và của xã hội phải do đàn ông phơi bày, bây giờ những sự thực xấu xa đó lại do phái yếu viết. Người đọc vừa lạ lùng vừa thích thú đi vào thế giới của những người cầm bút đàn bà. Một cuốn tiểu thuyết khiêu dâm hay tục tĩu (theo nghĩa tương đối) sẽ trở nên khiêu dâm và tục tĩu hơn khi được một người đàn bà viết. Đàn bà con gái vốn e lệ, thận trọng, kín đáo, trầm lắng, chịu đựng... bây giờ họ viết những sự thực mà chính đàn ông cũng không ngờ tới thì sự thực đó có vẻ thực hơn, bi đát hơn hay dâm hơn. Cái kín đáo của đàn bà có vẻ kín đáo hơn cái kín đáo của đàn ông, đi được vào thế giới thâm kín đó người ta thấy thích thú, lạ lùng chẳng khác gì bất chợt thấy một người con gái đang thay quần áo hay đang tắm. Chúng ta không nhìn trộm hoặc lén lút, chính những người đàn bà đã cho chúng ta thấy một cách công khai những thâm kín, che dấu của họ, nữ văn sĩ trở thành một thứ *strip-tease* văn nghệ. Có vài tác phẩm được người ta chú ý tới một phần cũng vì đời tư của tác giả, chúng có ít nhiều tính cách tự thuật hoặc biện minh khiến người đọc thích thú và tò mò. Càng bộc lộ và cởi bỏ những cái thâm kín bao nhiêu người ta càng được chú ý bấy nhiêu chẳng khác gì những vũ nữ thoát y càng cởi bỏ tới mảnh vải cuối cùng càng làm cho người xem nín thở dõi mắt. Nữ văn sĩ sẽ nổi tiếng rất chóng nếu họ cho ra đời những tiểu thuyết có *hình thức tự thuật*, vừa khiêu dâm vừa tục tĩu lại vừa có những thắt mắc dẫn vật hiệnsinh. Đó là những món ăn tinh thần hợp với thị hiếu của quần chúng thành thị trong giai đoạn này. Đó cũng là lối tiến thân thường thấy những cô đào chớp bóng trong những bước đầu: phô trương, cởi bỏ.

SÔNG SONG VỚI LOẠI STRIP-TEASE VĂN-CHƯƠNG ĐÓ

là loại tiểu thuyết dĩ điểm, chơi bời khác mang ít nhiều tính cách hiện thực. Thành ra, trên một quan điểm khác người

ta thấy việc đàn bà, con gái phơi bày những cảnh xấu xa, tội lỗi trước công chúng mang tính cách bị thẩm đọa đầy hơn là khiêu dâm, sa đọa. Thế giới của loại tiểu thuyết này thường là đêm tối, tử nhục, khóc lóc, nước mắt, lừa dối, chặn màn 'xô lach...'. Chẳng còn gì ngoài những đồ vỡ, mọi tương giao con người đều lỏng lẻo, rã rời, đàn bà con gái như chỉ còn 'tại một xác, một cái giống, những ký hiệu cuối cùng của con người trong mối tương giao với người khác. Đàn ông cũng bị đặt trong tình trạng tương tự, họ tìm đến với nhau trong tuyệt vọng nghi ngờ. Nhà văn đàn ông như bị chìm trong mớ sáo ngữ triết học nên thường có những rung cảm giả tạo, nhà văn phái yếu bóa nhảy và thành thực hơn-không thể thông rung động trước những đồ nát của quê hương và sự đọa đầy của những người đàn bà con gái thiếu may mắn khác. Với các nhà văn đàn ông, dĩ điểm gai chơi thường chỉ là những phương tiện để chiêm nghiệm những thắc mắc siêu hình phi lý, với những cây viết phái yếu thì những người đàn bà con gái sa đọa trên không bị coi là những phương tiện nữa. Thân phận của họ gắn liền với sự đồ vỡ của đất nước. Những liên hệ chính trị, kinh tế, xã hội và những giá trị văn hóa đạo đức, tôn giáo đều bị rạn nứt và đang được thay thế bằng những phạm trù vật chất: tiếng động, đồ vật, xác thịt, quần áo, giường chiếu, tiền bạc, làm tình... Sự sụp đổ của những cấm kỵ tinh dục mang theo nó sự đồ vỡ của những cấm kỵ khác. Chẳng hạn hiện tượng Playboy và sách báo khỏa thân. Đối với Tây phương, bày bán tranh khỏa thân là một sự thường. tại Việt Nam đó là một hiện tượng xã hội mang nhiều ý nghĩa, xem tranh khỏa thân treo tranh khỏa thân đầy nhà đầy đường đòi hỏi những khái niệm cởi mở nào đó về đạo đức, giáo dục, ngăn cấm xã hội, gia đình... Trước kia người ta xem một cách kín đáo (và thường là người lớn) nay, mọi người đều xem công khai, bình thân. Người lớn trẻ con mặc nhiên tin rằng họ có thể và có quyền xem hoặc treo các loại tranh đó mà không ngại bị ai chỉ trích, phê bình. Sợ gì người khác vì có ai ra gì đâu, cấm kỵ đạo đức, tôn giáo, luật lệ trở thành vô nghĩa, khôi hài. Khi treo tranh khỏa thân đầy nhà mặc nhiên người ta đem lại một ý thức mới về đạo đức, giáo dục cho con cái, gia đình. Con cái dần dần đi vào thế giới của người lớn, của tây phương một cách tự nhiên. Trần truồng, khiêu dâm, giả tạo (vú giả, móng giả, lông mày lông mi giả...) đều trở thành vô nghĩa, quen thuộc, dần dần những cảnh hôn hít, ôm ấp, hở hang làm

tình đều giả, thay lòng đổi dạ, chơi với Mỹ. lấy Mỹ... cũng trở thành tự nhiên. Hồ bang là hãnh diện, làm tình là thể thao, khiêu dâm là tiến bộ, chơi bời và vô luân là lý tưởng... những thang giá trị cũ sụp đổ, những thang giá trị mới thành hình. Nhưng làm sao có được loại tranh ảnh đó nếu không có người ngoại quốc? Làm sao ngăn cấm được nếu chính những người có bản phận ngăn cấm đã thích thú làm nger cho phổ biến. Làm sao những tranh ảnh đó về tới nhà nếu chúng ta không thích thú bỏ tiền mua? Làm sao trẻ con người lớn có thể tỉnh bơ treo ảnh khỏa thân đầy nhà, trong phòng học, phòng khách bên cạnh bàn thờ tổ tiên hoặc hình ảnh những vị anh hùng dân tộc nếu những giá trị, những ngăn cấm của gia đình, xã hội, đạo đức, tôn giáo... còn vững vàng? Treo hình Playboy đầy nhà cũng như mặc Mini-Jupe tồng ngồng ngoài đường không bộc lộ sự tiến bộ văn minh, trái lại chỉ tố cáo sự đồ vỡ trống rỗng, lười hợt và lai căng. *Hãnh diện, thích thú là ảo tưởng.*

Vì vậy, không nên nói người ta sa đọa ăn chơi nên xã hội mới đồ vỡ xáo trộn, trái lại phải nói rằng vì xã hội đồ vỡ xáo trộn nên người ta mới lao vào việc ăn chơi, sa đọa. Đáng lý xem văn chương khiêu dâm đồi trụy như nguyên nhân thì cần coi nó như hậu quả của một cơ thể xã hội tan vỡ. Chẳng có thể làm gì trong xáo trộn, đồ nát. những cố gắng thông cảm xây dựng thường chỉ đưa tới lợi dụng, gian lận. Con người trở thành chai lý, khép kín, thờ ơ, trốn tránh. *Thái độ chính trị, xã hội, tôn giáo, đạo đức... được thay thế bằng thái độ phi chính trị, phi xã hội, phi tôn giáo, phi đạo đức, phi lịch sử.* Con người mất chân đứng trong tập thể gia đình, xã hội và quê hương nên cuộc sống cho lý tưởng, cho người khác được dồn vào cuộc sống cho bản năng. Trong tình cảnh đó còn gì đáng kể hơn ăn chơi, thụ hưởng và làm tình? Các nhà văn Việt Nam đã rung động giả tạo và lai căng khi cho rằng việc làm tình chán chường nồn mửa của các nhân vật tiểu thuyết là nhằm truy nguyên những thắc mắc vô hình, những dấn vật hư vô, phi lý, thực ra hành động làm tình đó chỉ bộc lộ một bình thức chạy trốn trước những bóc lột lừa bịp trong *sinh hoạt kinh tế, sản xuất (giá cả và dịch vụ không tương xứng, làm việc dễ chế ngự thiên nhiên nhưng thế giới đồ vật ngày càng thoát khỏi tầm tay dễ trở thành đối nghịch, dễ chết con người, vong thân trong sự làm việc...)* và trong *sinh hoạt chính trị, xã hội (lừa bịp, gian lận, đồ vỡ của mọi giá trị, thái độ giả hình, mất tin tưởng, bạn bè*

thân thuộc có thể là CIA, VC, công an, mật vụ...). Khi con người đã chán chương hoặc không theo đuổi nổi cuộc sống chính trị, xã hội, đạo đức nữa thì họ đành quay về con người bản năng phi chính trị, phi đạo đức. Thái độ này thể hiện trong đời sống cũng như trong văn chương. Không có vấn đề giải phóng khỏi những cấm kỵ đạo đức, đặc tính mà chỉ có vấn đề lẩn tránh, tẩu đậy trong nhục dục mà thôi.

TRONG HOÀN CẢNH NHƯ VẬY CHÚNG TA MỚI THẤY TÍNH cách mâu thuẫn, ảo tưởng của những người làm văn nghệ, người thưởng thức và phê bình văn nghệ. Nhà văn được nhiều người biết tiếng thì tự cho là đã đem lại một đạo đức mới cho xã hội, đã nói lên được tâm trạng một thời đại, đã có công đem triết học hiện sinh truyền bá vào Việt nam, đã giải phóng con người khỏi đế quốc phục tòng. Một số khác có ảo tưởng mình hoàn toàn tự do sáng tác, phổ biến tư tưởng tiến bộ tây phương trong khi thực ra họ chỉ là những tù nhân trá hình của một trật tự xã hội trong đó họ không có thể làm gì, viết gì ngoài việc làm tình và viết tiểu thuyết làm tình (viết loại khác sẽ bị kiểm duyệt, làm khó dễ, ghi sớ đen, ngồi tù...) Có người lao mình vào kỹ nghệ văn chương thông ngôn. Các nhà văn thường phê bình Bộ Kinh tế là không có đường lối, nhập cảng bừa bãi hàng ngoại quốc làm tê liệt kinh tế Việt nam nhưng các nhà văn đó không ngờ rằng chính họ cũng đang nhập cảng, phiên dịch thật nhiều tác phẩm ngoại quốc phần nhiều có tính cách ru ngủ, xa lìa thực tế Việt nam. Văn chương thông ngôn cũng bộc lộ phần nào sự lười biếng, trống rỗng. Ảo tưởng về phía người đọc cũng không kém. Quần chúng tin theo các nhân vật tiểu thuyết hoặc các tác giả, họ bắt chước nếp sống đó, sáng tác theo chiều hướng đó, cũng buồn nản phi lý, cũng chán chương nôn mửa, cũng cho tình trạng xã hội này là tự nhiên, không cần thắc mắc đặt lại vấn đề. Vì tác giả có nếp suy tư và thái độ sống gần người Tây phương hơn nên độc giả cũng đi dần vào thế giới rung cảm giả tạo đó, càng ngày càng xa lìa khỏi những vấn đề thực. Sau hết, sống trong cơ cấu bạo động giả hình nên chính

những người phê bình cũng không tránh khỏi những ảo tưởng nhất là những người cho rằng văn chương làm tình, hiện tượng ăn chơi đồi trụy... là những hiện tượng ở bên ngoài, tách biệt và họ có thể đứng ngoài mà quan sát phê bình như xem một vở kịch, một cuốn phim. Tố cáo xã hội nhưng xã hội xấu xa, đồi trụy là do ai? Khi nhà phê bình lên án những tội ác của xã hội thì họ coi rằng những tội ác, xấu xa đó như ở ngoài họ, họ có bàn tay sạch, không dính líu gì đến những điều họ phê phán cả. Nhưng làm sao chúng ta có thể đứng ngoài được khi xã hội, đời khổ, xáo trộn, tội lỗi vây quanh chúng ta. Tố cáo, hiện thực là những hình thức gián điệp văn chương, vừa chấp nhận vừa tố cáo, vừa đồng lõa vừa chống đối. Chân đứng của tố cáo hiện thực rất là mong manh nhưng cũng có thể chấp nhận được khi nhà văn ý thức rằng những điều mình chấp nhận, tin tưởng từ trước đến nay chỉ là những ảo tưởng và bắt đầu phản kháng, phản kháng nhưng ý thức rằng mình đã từng đồng lõa, phạm tội chứ không phải mình có bàn tay thánh thiện. Thái độ phản kháng, tố cáo có thể hiểu được nhưng thái độ kết án tội lỗi, khiêu dâm, đồi trụy như biểu hiện của điều ác, điều xấu mà con người phải xa lánh, tiêu diệt vì mình là tượng trưng cho điều lành, điều tốt thì khó có thể chấp nhận được. Thái độ này được xây dựng trên ảo tưởng bàn tay sạch. Đĩ điểm, ma cô, trộm cướp, du đãng, cao bồi, trụy lạc là xấu xa nhưng đó là hậu quả của một khung cảnh xã hội bất công hơn là do những nguyên nhân có tính cách chủ quan, cá nhân. Sa đọa không hẳn là xấu xa và tội lỗi, tội lỗi là thích thú chìm đắm trong sa đọa, xấu xa và kết án tội lỗi, sa đọa mà không tìm cách giúp con người thoát khỏi cảnh tội lỗi sa đọa. Khung cảnh bên ngoài bao vây, kim kẹp nên con người không muốn và không thể làm gì ngoài việc lao mình vào thế giới bản năng. Đi tới với nhục dục như thú vật nhưng không có tính cách tội lỗi, có tính cách đọa đầy. Người vô sản của những nước độc tài khát máu chỉ còn ý kiến chiến đấu, phản kháng, người vô sản của những nước dân chủ tự

do còn ước muốn làm tình. Con người bị giản lược thành bộ phận sinh dục, thành những con vật.

Trong lối nhìn cơ cấu, cả khiêu dâm lẫn hiện thực đều là những hình thức văn chương bộc lộ sắc thái bi thảm của xã hội. Một đẳng tổ cáo gián tiếp, tuyệt vọng một đẳng tổ cáo trực tiếp, tin tưởng. Chính cái khung cảnh khiến người mẹ, người vợ phải đi bán bar, làm điếm, chính cái khung cảnh khiến tiểu thuyết khiêu dâm, ru ngủ trở thành món ăn thú vị hơn loại văn chương xây dựng, biên khảo, lý tưởng mới đáng cho chúng ta phản đối, kinh tởm chứ đối tượng phản đối khinh bỉ không phải là người mẹ làm điếm, người con ma cô, không phải thứ văn chương khiêu dâm tục tĩu kia.

Chúng ta đã làm gì tới nơi tới chốn để giải quyết vấn đề văn chương làm tình, đi điếm, ma cô, buôn lậu thật kết hay chúng ta cũng chỉ có thể làm ngơ giữ bàn tay sạch hay tệ hơn đồng lõa với hoàn cảnh bạo động đó (cũng hưởng thụ, cũng áp phe, cũng lợi dụng...) Phê bình nhiều khi đồng nghĩa với tự phê bình. Như trên đã nói đời trụy, xấu xa, tội lỗi là do khung cảnh xã hội nhiều hơn là do con người. Còn khung cảnh đó thì còn đời trụy, sa đọa, xấu xa. Vừa đồng lõa với khung cảnh thối nát đó vừa kết án sa đọa, xấu xa là mâu thuẫn và giả hình. Chúng ta không muốn đi tới tận cùng của vấn đề vì chúng ta đã đồng lõa thủ lợi quá nhiều trong khung cảnh đồ võ hiện nay. Sự đồ võ, xáo trộn đem lại lợi lộc cho một số người và gây ra xáo trộn thiệt thòi cho một số người khác. Những người bị thiệt thòi không biết đặt vấn đề, những người đặt vấn đề lại là những người tương đối thủ lợi, như thế đặt vấn đề khung cảnh đồ võ thối tha là đặt vấn đề về những người bị thiệt thòi nhưng đúng ra là đặt vấn đề với chính mình, những người thủ lợi. Chúng ta không muốn nhìn nhận sự thật, chúng ta phân xét các tệ đoan xã hội với tư cách một người vô tội, thánh thiện, nếu không thì chúng ta lại nghiêng ngả những vấn đề vượt khỏi hoàn cảnh thực tế chưa xót để chạy trốn thực tế và lương tâm. Cả hai thái độ đều có tình

cách bi thảm : kết án tệt đoan xã hội là kết án chính mình, chạy trốn thực tại để lao mình vào những thắc mắc siêu hình lại càng là chạy trốn con người máu thuẫn của mình. Thái độ hãnh diện của nhà văn, thái độ tôn thờ bất chước của người đọc, thái độ phê phán khắc khe của người phê bình, tất cả đều là những thái độ giả hình, ảo tưởng. Nhìn nhận mình giả hình là dám đương đầu với con người máu thuẫn, với khung cảnh bạo động và có hy vọng thoát khỏi tình trạng giả hình, tiếp tục giả vờ làm ngơ để lao mình vào những ảo tưởng là tự lao mình vào sa đọa và giả hình hơn nữa. Cơ cấu làm mất mát tính người thì con người còn hy vọng tìm lại được hình ảnh thực của mình nếu chính con người lại cố ý lẫn tránh hình ảnh của mình thì ai cóa tìm lại hình ảnh thực đó nữa ?

TƯƠNG TỰ NHƯ CÁC HIỆN TƯỢNG VĂN HÓA XÃ HỘI khác, hiện tượng văn chương làm tình đem theo nó sự phá sản, kim kẹp và mâu thuẫn của xã hội chúng ta. Thành thị trường giả miền Nam là một nối dài của xã hội Tây phương nên cũng chịu chung cảnh đồ vớ của xã hội Tây phương. Tuy nhiên xã hội chúng ta, còn mang nhiều đặc tính của sự ăn bám lệ thuộc nên nó còn khai sinh ra nhiều thái độ giả hình thâm thương trong nếp sống của người thành thị, chúng ta cố ý hay vô tình biện chính cho thái độ xa lìa dân tộc của mình. Cùng trong cảnh đồ vớ nhưng cách thức diễn tả và thái độ con người trước đồ vớ khác nhau. *không thể dùng các phạm trù và thái độ sống của người tây phương làm phạm trù và thái độ sống của mình.* Trong phạm vi văn học, người viết trốn tránh hình ảnh thực của xã hội và của chính mình, người phê bình lại có thái độ của thành nhân với bàn tay sạch trong lòng xã hội tội lỗi xáo trộn. Đáng lý thắc mắc về cái chết của người lính đánh thuê thì chúng ta thắc mắc về sự phi lý siêu hình của cái chết nói chung, đáng lý thắc mắc về chân đứng của người thành thị trường giả, vọng ngoại thì chúng ta nghiêng ngả về sự nhầm chán, thừa thãi, nôn mửa, đáng lý thắc mắc về sự đồng lõa của mình trong các tội ác vô

hình của cơ cấu xã hội (dĩ điểm, trộm cướp, sa đọa, dối khố) thì chúng ta kết án tề đoan, tội lỗi với tư thế của người đứng ngoài. Không dám đối diện với những vấn đề thật người ta lao mình vào những vấn đề giả. Thắc mắc trong văn chương phần nhiều có tính cách giả hình, biện minh. Chúng ta làm như thế muốn thoát khỏi mâu thuẫn trong khi thực sự chúng ta đã im lặng, đồng lõa với tình trạng mâu thuẫn, bạo động hiện nay. Những lập luận, những lối sống có vẻ hiện sinh lạ, chính là những lập luận, những lối sống giả hình, phản hiện sinh nhất.

Đây chỉ là một thái độ huyền hoặc, gian trá (mystification) chứ không thể coi là lối thoát được. Chỉ khi nào chúng ta nhận rằng những điều mình viết ra chỉ là những lời thú tội chân thành của những kẻ giả hình, đồng cảnh ngộ đang bị nghiền nát trong khung cảnh xã hội bạo động thì lúc đó chúng ta mới ý thức được sức ép của cơ cấu đối với chúng ta. Chỉ lúc đó chúng ta mới cùng thấy rõ vấn đề và do đó có hy vọng tìm được một lối thoát. Cơ cấu này bắt nhân ở điểm nó kết án tội lỗi sa đọa mà không hề hoặc không thể thực sự tìm cách giúp con người thoát khỏi tội lỗi, sa đọa, nó bắt nhân ở chỗ chính những người lý tưởng, trong sạch cũng không thể tìm được một chân đứng để rồi sớm muộn cũng bị chìm vào trạng thái sa đọa giả hình.

Thái độ chán nản, mệt mỏi, nghi ngờ phi chính trị, phi đạo đức, phi tôn giáo, phi lịch sử... nơi chúng ta là những bằng chứng hùng hồn về sự bóc lột của cơ cấu xã hội đối với con người. Không tin ở chính trị, xã hội không phải vì khép kín, ích kỷ mà vì đã bị lừa bịp quá nhiều. Con người không muốn có một thái độ nào nữa, nhắm mắt làm ngơ, sống như cây cỏ, thú vật. Con người bị giản lược thành đồ vật, đất sét, muốn sao cũng được, miễn là được yên thân. Một chế độ tự xưng là dân chủ tự do, nhân phẩm hạnh phúc mà lại tạo ra những con người vô hồn như vậy thì có thực là một chế độ dân chủ không và các cơ chế xã hội kia có còn là cơ chế xã hội loài người hay đã trở thành cơ chế của xã hội loài vật, đồ vật?

Dân chủ tự do không thể là cơ chế tạo ra những con người không tim, đứng dưng trước cái chết của đồng loại và trước cảnh tàn phá một phần quê hương yêu dấu của chính mình, nhân phẩm hạnh phúc không thể là chế độ bóc lột của con người những quyền lợi cần thiết tối thiểu biến con người thành những con vật bị giam hãm trong bầu năng tình dục. Hiện tượng buông trôi cởi bỏ để lao mình vào ăn chơi, truy lạc trong văn chương cũng như ngoài xã hội là chứng tích bị thâm về sự tù đầy của người thành thị đang bị giam lỏng trong cơ cấu bạo động và lệ thuộc ngày nay.

9-67

NGUYỄN TRỌNG VĂN

CÁO LỖI: Vì lý do kỹ thuật, trong số 78 phát hành tháng 10-67 một vài lỗi đáng lưu ý. Mong bạn đọc vui lòng sửa dùm:

— Trang 7, bài của tác giả Robert Escarpit đề xem tiếp trang 65, nhưng bản nguyên tác và bản dịch trong lúc sắp chữ đã đề thất lạc, nên không in tiếp được.

— Trang 15, tác giả Jacques Lanzmann sinh năm 1927 đã in nhầm là Lacques Jauzmann sinh năm 1967.

— Trang 55, bài Văn Chương Làm Tình của Nguyễn Trọng Văn dòng 11 từ chữ: ... của người Túy Hồng. Xin sửa lại là: «của người yêu Túy Hồng».

— Trang 61, dòng 22, từ câu: ...chúng ta nguồn sống. Xin sửa lại là: ...chúng ta quyền sống.

Thành thật cáo lỗi, các tác giả và đa tạ.

TÒA SOẠN



Y sĩ tiền tuyến

Hồi ký
của
TRANG - CHÁU

thư lừa

Chúng tôi trình diện Đại Đội Quân Y Sư Đoàn Nhảy Dù trước một ngày Bộ Tư Lệnh tung 5 Tiểu Đoàn Dù giải tỏa vùng Tam Quan Bồng Sơn. Tôi còn nhớ hôm đó là ngày 4 tháng 2 năm 1966, mừng bốn Tết. Chúng tôi có 5 tiểu đoàn đề án nhậm chức vụ y sĩ Trưởng: 3 tiểu đoàn cũ: 1, 6, 7, và 2 tiểu đoàn tân lập: 2, 9. Thiếu Tá y sĩ Trưởng Sư Đoàn đề chúng tôi thỏa thuận việc chọn lựa với nhau. Trong 5 chúng tôi Tín, Đoàn và Nhựt đã lập gia đình. Bá và tôi độc thân nên tình nguyện đi xa. Tôi chọn tiểu đoàn 6, hậu cứ ở Vũng Tàu; Bá về tiểu đoàn 7, hậu cứ ở Biên Hòa. Tín chọn tiểu đoàn 1 bốc thăm Nhị về tiểu đoàn 9, Đoàn về tiểu đoàn 2. Hai tiểu đoàn này tân lập đang huấn luyện, 6 tháng nữa mới xuất quân.

Ngày hôm sau cuộc hành quân Thần-Phong 11 khai diễn. Trong 5 tiểu đoàn tham dự có tiểu đoàn 6 của tôi. Tiên đoán sẽ đụng độ lớn mà chúng tôi quá mới mẻ, thiếu kinh nghiệm chiến trường nên Thiếu Tá y sĩ Trưởng Sư Đoàn quyết định chiếm xong mục tiêu mới cho bàn giao chức vụ. Ông cũng tháp tùng Chuẩn Tướng tư lệnh trong cuộc hành quân. Trong khi chờ lệnh, chúng tôi làm việc tại bệnh-xá Đỗ Vinh và sáng sáng đi nhảy «bồi dưỡng».

Tôi vừa ăn một cái Tết già từ đời sinh viên, già từ cuộc sống thành thị. Cũng có mai nở, pháo nổ, bánh chưng, dưa hấu nhưng lòng tôi hình như không có xuân. Tôi mang một tâm hồn «tiểu nuối quãng đời vô tư lự đã qua. Còn nhớ đêm cuối cùng sau bữa tiệc chia tay do Bác Sĩ Giám Đốc khoản đãi chúng tôi trở về Bệnh Viện Đỗ Thành phá phách la hét trêu chọc rượt đuổi các cô y tá trực, đến 2, 3 giờ sáng. Tôi không cho cử chỉ của các bạn tôi và tôi là hành động gở gạc cuối cùng, tôi nghĩ cử chỉ đó biểu lộ tất cả sự thêm tiếc xót xa nhất chuỗi ngày tươi vui vừa chấm dứt. Bây giờ trách nhiệm đè nặng trên vai, tôi giật mình lo sợ sự trưởng thành của mình.

Báo cáo tổn thất 2 ngày đầu cuộc hành quân là 15 binh sĩ tử thương, 36 bị thương trong số có ông Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 6 và ông Tiểu đoàn phó tiểu đoàn 3. Hai tiểu đoàn 3 và 6 chịu tổn thất nhiều nhất. Mục tiêu vẫn chưa chiếm được. Trận chiến kéo dài, đến ngày thứ 3 các mục tiêu mới được thanh toán. Sáng hôm sau, công điện gọi tôi ra mặt trận thay thế Bác sĩ Cảnh y sĩ Trưởng tiểu đoàn 6 nhảy dù. Ông này bị thương ở chân phải về điều trị. Bác sĩ Cảnh cho tôi biết tình hình đã yên, đến giai đoạn bình định và dân sự vụ... Một giờ sau khi bàn giao chức vụ chiếc C.130 đưa tôi cùng một toán lính Nhảy Dù ra tăng cường đi Qui Nhơn.

Tôi ngồi lạc lõng giữa những khuôn mặt đen sạm đang tò mò nhìn tôi. Bộ đồ hoa mới tinh, nước da trắng trẻo cộng với tình trầm lặng khiến tôi có bộ mặt của một tân binh còn rụt

rẻ trần mạc và e ngại phong sương. Tôi không nghĩ đến những ngày sắp tới. Trong tiếng động cơ rì rầm ở cao độ, dưới ánh đèn mờ nhạt của lòng tàu, tôi ngồi ôn lại quá khứ. Tôi chợt nhận thức rằng suốt quãng đời niên thiếu những lúc tôi sung sướng nhất, yêu đời nhất lại là những lúc tôi được một mình mơ mộng. Con người tôi không thể tìm thấy hạnh phúc, dù ngắn ngủi, với một cuộc sống bình thường an phận được. Phải đi, phải khổ tôi mới thấy đời sống có chút ý nghĩa. Nếu có một lý do nào để giải thích sự lựa chọn của tôi thì lý do mơ hồ nhất lại là lý do xác đáng nhất.

Tôi ngủ lại Quân y viện Quý Nhơn một đêm. Sáng hôm sau Đại úy Lộc, một sĩ quan hành chánh quân y đưa tôi dạo quanh thành phố kiếm chỗ ăn sáng. Dấu vết ngoại nhân in hằn lên mảnh đất quê hương. Nó cần thiết nhưng nó cũng làm đau lòng, khó tránh ngộ nhận. Chiếc trực thăng Mỹ đưa tôi ra Bồng Sơn lúc 2 giờ chiều. Một chiếc Jeep hồng thập tự đưa tôi về Bộ chỉ huy sư đoàn đóng ở Đê Đức cách xa phi trường độ 3 cây số. Sau khi trình diện Thiếu tá Y sĩ Trưởng Sư đoàn, tôi được hướng dẫn lên trình diện Chuẩn tướng Tư lệnh. Bộ chỉ huy đóng trên một ngọn đồi. Ngọn đồi bên kia đường là bãi đáp trực thăng. Xa hơn tí nữa giàn trọng pháo Tân tây Lan chốc chốc 1 ầm nhả đạn. Con đường ghồ ghề bốc bụi đầy trời vì những chiếc quân xa thường xuyên qua lại. Đã nghĩ thấy mùi chiến tranh. Tôi ngủ lại Bộ chỉ huy sư đoàn một đêm. Trong câu chuyện buổi cơm chiều, ông Thiếu tá có vẻ bằng lòng sự tình nguyện ra Vũng Tàu của tôi. Tôi không thích Vũng Tàu nhưng tôi muốn xa Saigon ít lâu. Người yêu tôi ở đó nhưng tôi vẫn muốn đi xa, xa để xem mình nhớ đến mức nào ...

Sáng hôm sau tôi xuống Tiểu Đoàn 6 nhảy dù nhậm chức y sĩ trưởng. Tiểu Đoàn đóng cách xa bộ chỉ huy chừng 5 cây số trong làng, dưới những bóng dừa xanh mát. Dưới quyền chỉ huy của tôi là Trạm Cứu Thương gồm 16 y tá và 4

cảng viên. Tôi đến với họ thật dễ dãi hiền hòa. Tôi đến đây để hòa mình vào nếp sống của họ, một nếp sống mà tôi còn xa lạ ngỡ ngàng nhưng chắc chắn rồi sẽ quen đi. Tiều đoàn đóng ở Hoài Sơn được 5 hôm. Ở giai đoạn bình định này công tác duy nhất của các tiều đoàn dù là làm Dân sự vụ. Các trạm cứu thương, khám bệnh phát thuốc, chích ngừa, băng bó vết thương, gấp mảnh bom đạn cho đồng bào. Những nạn nhân vô tội của chiến tranh làm tôi đau lòng : một em bé trai 14 tuổi bị mảnh bom cắt ngang xương sống làm bại liệt hai chân, bỏ lết lùn ngày dật và đầu gối thối dần. Một gia đình 10 người bị trọng pháo chỉ sống sót một cô gái 16 tuổi và một em bé một tuổi bị mảnh đạn vào lưng. Tôi lấy được mảnh đạn ra vết thương sẽ lành nhưng hai chị em sẽ sinh sống ra sao ? Những nạn nhân trẻ thơ kia sẽ là công cụ tuyên truyền hữu hiệu của đối phương. Tôi nghĩ để gây lại niềm tin trong lòng người dân ở đây, đòi hỏi những gì khác hơn chiến thắng. Một buổi tối bình sĩ nhảy dù phục kích bắn chết một du kích Việt Cộng, sáng hôm sau một bà cụ già ra ôm cái xác khéckề rằng : «Anh nó đi lính quốc gia «nẫu» giết. nó theo «nẫu» quốc gia bắn chết. Còn tôi tôi biết theo ai bây giờ ? » Cảnh ngộ éo le kia nói lên tất cả sự mỉa mai phi lý của cuộc chiến đẫm máu này. Công tác y tế giúp tôi gần dân chúng hơn ban đầu họ còn e ngại nhưng dần dần họ trở nên cởi mở và biết ơn. Tôi nghĩ tranh thủ nhân tâm không phải là vấn đề khó, khó ở chỗ không có người để đi tranh thủ nhân tâm.

Ngoài công tác dân sự tôi chỉ còn biết chui vào lều nằm nhớ Saigon và ngủ. Một buổi sáng chửa nhật, có tổ chức lễ tôn giáo. Gặp Trung úy Châu, một sĩ quan rất vui tính, ông hỏi tôi : «Bác sĩ đi lễ đền nào ?». Tôi cười trả lời : «Đi bên này sợ mất lòng bên kia, nên tôi đi chơi đây» Tôi được liệt vào hạng chịu chơi ngay. Chúng tôi kéo nhau ra chợ Tam Quan ăn bún. Câu chuyện thật hứng thú tuy chỉ xoay quanh vấn đề : tiền tuyến và hậu phương. Người hậu phương bị chỉ trích nhất là người đàn bà. Hình như chúng tôi lên án họ không chung tình, nhưng rồi chúng tôi thông cảm hoàn cảnh đơn chiếc

của những người đàn bà có chồng, có người yêu đi chinh chiến. Chúng tôi đồng ý phần lớn không phải lỗi họ, lỗi ở chiến tranh đã làm một số chúng tôi không về, làm chúng tôi không đáp ứng được những gì người đàn bà mong muốn, để họ sống trong âu lo, thất vọng và đau khổ. Cuối cùng chúng tôi kết luận người đàn bà ngoại tình mà còn biết che giấu là người đáng được tha thứ vì ít ra họ còn biết sợ ...!

Theo tin không chính thức thì 15 tháng 2 sẽ có đơn vị, bạn ra thay thế. Hôm nay 13, tôi nghỉ chậm lắm 17, tiểu đoàn sẽ về hậu cứ. Cuộc xuất trận đầu tiên của tôi như thế không có gì gay cấn cả. Tôi vẫn ước ao lần thử lửa đầu tiên của tôi phải là trận đánh lớn và là một chiến thắng lớn. Nhưng buổi chiều hôm đó tôi được mời lên bộ chỉ huy tiểu đoàn họp. Buổi họp cho biết có lệnh hành quân. Tôi nhận tin trên trong thích thú và hồi hộp. Tôi tập họp toán y tá căn dặn chuẩn bị thuốc men và đi nghỉ thật sớm để lấy sức. Chúng tôi được đánh thức lúc 3 giờ sáng. Trời rét căm căm. Cơm nước cà phê xong xuôi, 4 giờ nhổ trại. Lặng lẽ chúng tôi tiến hàng một ra quốc lộ. Một hàng xe G.M.C. chờ đó. 4 giờ 30 xe chuyển bánh. Tôi ngồi chung cabine với ông Tiểu Đoàn Trưởng, chúng tôi không ai nói với ai một lời. Vượt một quãng đường chừng 5 cây số, xe rẽ vào một con đường nhỏ gồ ghề chạy thêm chừng một cây số nữa. Chúng tôi được đổ xuống ven cánh làng nằm dưới chân một ngọn đồi. Ông y tá Trưởng cho tôi hay làng này là làng Gia Hựu và ngọn đồi được gọi là Đồi 10. Mười ngày trước đây Gia Hựu là chiến trường của một trận đánh ác liệt kéo dài hai ngày hai đêm. Cố thủ trong những giao thông hào kiên cố, địa thế thuận lợi, địch đã chống trả mãnh liệt. Vào ngày thứ ba, sau một trận mưa bom kéo dài hàng giờ, tiểu đoàn 6 nhảy dù mới chiếm được mục tiêu. Một trái 60 rơi trúng bộ chỉ huy làm bị thương Tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn Phó, và một sĩ quan cố vấn Mỹ. Trong lúc chạy lên săn sóc các binh sĩ bị thương bác sĩ Cảnh bị tiếng nổ của một quả 81 rơi cách mấy thước hất té nhào xuống hố làm ông trắc chân nặng. Cảnh làng thật thê lương chỉ còn tro tàn gạch vụn, những thân dừa cháy đổ ngổn ngang. Trời mưa lâm râm. Tôi ngồi trú mưa dưới mái

tranh một ngôi nhà đã sụp mất một nửa. Ông y tá Trường ngồi cạnh tôi tháo chiếc nhẫn ở tay cho vào túi xong nói với tôi : «Bác sĩ ạ, lần trước trời cũng mưa lâm râm như thế này, tôi cũng tháo nhẫn cất vào túi và đã đánh nhau to.» Tôi hiểu ông muốn nghĩ gì. Lần này trời cũng mưa lâm râm, ông cũng tháo nhẫn cất vào túi và chắc là sẽ đánh nhau to. Tôi không cười sự dị đoan của người Y tá Trường già vì một lẽ dễ hiểu tôi cũng hay tin nhảm như vậy : Suốt một tuần đóng quân trời nắng ráo đúng vào hôm xuất quân trời mưa. Điều xấu, tôi nghĩ thế.

Vào khoảng 7 giờ sáng cánh quân Đại đội Chỉ huy có trạm cứu thương đi theo được lệnh di chuyển. Chúng tôi tiến hàng một theo con đường «mòn» chạy quanh co trong làn mưa nặng hạt hơn trước, con đường trở nên trơn trượt. Nhìn con giao thông hào sâu lút đầu người liên tục chạy quanh bờ làng tôi hiểu vì đầu tiểu đoàn 6 nhảy dù phải mất 3 ngày tròn mới chiếm nổi mục tiêu. Bất chợt tôi tự hỏi nếu mục tiêu cuộc hành quân này cũng có một giao thông hào tương tự ? Cánh quân dừng lại. Tôi vào trú mưa trong một ngôi nhà tranh. Trong nhà có hai thiếu phụ, hai đứa bé trai chừng năm và bảy tuổi. Chúng tôi dừng lại đây khá lâu. Đã 9 giờ hơn. Người y tá mang cho tôi một đĩa cơm. Hai đứa bé nhìn tôi ăn thêm thưởng. Cơm có thịt kho, trứng gà tôi vẫn nuốt không trôi. Tôi trao cho đứa bé lớn phần cơm còn lại. Chúng nó ăn ngấu nghiến ngon lành. Ngoài đường mòn dân làng từ phía dưới bồng bề, giồng gánh đất trâu bò tiến ngược trở lên. Tôi nghĩ thầm dân mà tản cư thì chắc chắn có địch. Cơn mưa đã dứt. Có tiếng động cơ mỗi lúc một gần, tôi nhận ra tiếng thiết vận xa M.113. Một giờ trưa được lệnh di chuyển. Tôi biết giờ phút gay go bắt đầu. Đi hết con đường mòn hiện ra trước mắt tôi 4, 5 làng có dừa bao bọc nằm rải rác như những hòn cù lao giữa biển lúa xanh mênh mông. Súng trên các M.113 bắt đầu khai hỏa dọn đường tiến quân. Chén lẫn trong những tràng liên thanh là những tiếng nổ lớn của trọng pháo yểm trợ. Một đại đội bên tay phải tôi băng qua cánh đồng bọc lên mé trái. Đại đội chỉ huy tiến theo sau. Bùn ngập tới đầu gối. Tôi phóng tầm mắt quan

sát. Đàng xa hai mặt các M.113 sắp hàng ngang từng 4 chiếc tiến, bắn không ngừng vào hai ngôi làng nhỏ. Từng hàng lửa đỏ rực nối tiếp nhau mất hút trong rừng dừa. Đại đội Chỉ huy tiến vào mé trái của ngôi làng thứ ba. Sau dãy làng là những ngọn đồi. Tiếng trọng pháo bỗng nổ dồn dập, một trong những ngọn đồi bốc khói xám xịt. Một lúc một đơn vị dù được trực thăng đến án ngữ ở ngọn đồi đó. Đại đội Chỉ huy dừng lại ở bờ ruộng cách làng chừng 500 thước. Ở hai làng trên các M.113 tiến sát dần dần đến bờ làng. Tiếng súng vẫn nổ đều ròn rã, thỉnh thoảng chen vào vài tiếng «tắc cù» chát chúa. Tiếng đạn xé gió nghe đến rợn người. Phải thú thật lúc này tôi thấy sợ. Nhưng khi nhìn toán y tá thấy sắc mặt người nào cũng bình tĩnh tôi yên tâm. Cảnh quân được lệnh tiến vào làng. Tôi lom khom chạy cõ vượt qua một khoảng trống để bầu vào bờ làng. Tiếng một người y tá phía sau dặn nhỏ tôi «Bác sĩ khom người đầu sẽ ngay tầm đạn của địch nguy hiểm, cứ thẳng người mà chạy lờ có trúng cũng trúng từ chân trở xuống ...» Tôi đã nghe theo lời dặn, dù sao kinh nghiệm chiến trường tôi chưa có gì. Tôi đặt chân lên bờ làng sau khi băng qua một con suối. Tựa lưng vào một gốc dừa tôi ngồi thở, mắt hướng về phía mặt mù lửa đạn. Tôi ngạc nhiên thấy những chiếc thiết vận xa vừa bắn vừa lùi, bọt nước tung toé lên chung quanh.

— Chúng nó có cả 57. Tiếng một binh sĩ ngồi quay lưng lại với tôi. Trúng phải đại bác 57 ly thiết vận xa sẽ bốc cháy. Đoàn thiết vận xa lùi mãi, lùi mãi ngưng bắn, chuyển thành hàng dọc rồi nằm im. Các loại súng vẫn nổ từ phương. Đàng phên vẫn không biết trận chiến ngả ngũ ra sao thì trên không có tiếng ù ù, lòng tôi khắp hơi mừng. Không trông thấy phi cơ nhưng tôi nghe hình như nó đang chúc xuống. Có tiếng gió ào ào từ cao bờ xuống đầu chúng tôi, tiếp đó một tiếng ầm nổi lên. Tôi không có một phản ứng nào.

— Chúng nó canh 81.

— Không phải, rốc-két của mình

— Thả khói vàng ! Thả khói vàng, mau lên !

— Bác sĩ ơi, em bị thương !

Tôi quay đầu lại, người binh sĩ ngồi cạnh tôi ban nãy nằm giữa người một tay ôm cổ. Tôi gỡ tay anh ta ra một giòng máu nhỏ chảy xuống vai. Vết thương nhẹ. Tôi bảo anh nằm yên đó rồi chạy về phía xảy ra tiếng nổ. Quả rốc-kết rơi xuống suối. Đại đội bọc hậu có 7 người bị thương. Chỉ một người nặng mảnh ghim nát cả chân phải. Tôi cho bó bất động, chích một mũi morphine và truyền một chai dextrose. Toán y tá của tôi làm phận sự cứu cấp, thông thạo và nhanh lẹ. Chúng tôi khiêng các thương binh để nằm dưới hiên một ngôi nhà chờ di tản. Một lúc sau hai chiếc khu trục trở lại, lần này rốc-kết, bom xăng đặc rơi đúng mục tiêu. Tiếp đến hai chiếc trực thăng vũ trang thay nhau bắn phi đạn và đại liên. Sau hai đợt oanh tạc nhiều đám cháy đỏ rực bốc lên. Cảnh tượng trông thật khốc liệt. Hai chiếc trực thăng vừa bay khuất, đoàn thiết vận xa dàn ngay hàng ngang tấn công trở lại. Nhìn ra cánh đồng tôi thấy vô số nón sắt nhấp nhô trong đám lúa. Đây là đợt tấn công quyết định, nếu không chiếm được mục tiêu chắc phải rút vì trời đã xế chiều. Tôi trở lại xem chừng tình trạng của thương binh. Nửa giờ sau tôi gặp ông Đại Đội Trưởng đại đội chỉ huy ông cho hay đã chiếm được mục tiêu I đang tấn công mục tiêu II và III. Ông cũng cho tôi biết một tin buồn : Trung úy Vân, Đại đội Trưởng đại đội 64 đi theo thiết vận xa đã tử trận. Nghe tin tôi bàng hoàng cả người. Tôi chỉ gặp Trung úy Vân một lần hôm tôi đến nhậm chức, Đại đội của ông đóng xa bộ chỉ huy tiểu đoàn nên tôi không có dịp tiếp xúc thêm. Không ngờ buổi gặp gỡ lần đầu ấy lại là lần cuối cùng. Tôi cố nhớ mãi mà không sao hình dung lại được khuôn mặt người bạn đồng đội vừa ngã xuống.

Trời bỗng dưng u ám, cơn mưa lại bắt đầu. Nhìn ra đồng ruộng tôi thấy bốn binh sĩ khiêng cáng một người bị bầm lòi về phía tôi,

— Ai vậy ?

— Dạ Thiến úy Toan, Đalat mới ra.

Thấy cả ngực ông băng kín tôi hỏi một trong bốn người khiêng cáng :

— Bị thương ở đâu ?

— Dạ, nghe ông y tá đại đội nói đạn xuyên qua vai. Mạch nhảy nhanh và yếu. Người sĩ quan trẻ tuổi lơ đãng, trần trụi người muốn kiếm một thể nằm cho đỡ đau để thở. Ông luôn miệng gọi tên một người con gái. Tôi cho truyền một chai dextrose có phụ thuốc chống xúc kích, thuốc trợ tim thuốc điều hòa hô hấp. Sau đó tôi cho y tá cắt băng khám vết thương. Máu vọt có vòi ở lỗ viên đạn vào. Xuất huyết trong lồng ngực, có thể chết vì ngạt thở và mất máu. Để tránh biến chứng do không khí tràn vào lồng ngực tôi khâu sống bát hai lỗ đạn đang trở ra. Hết chai dextrose tôi cho truyền một chai huyết thanh. Người y tá chích bốn năm lần vẫn không vào máu: các tĩnh mạch bị tắc nghẽn! Mạch yếu và nhanh không đếm được. Sờ động mạch đùi thấy còn đập mạnh tôi đâm sáu cây kim xuống bên cạnh phía trong tim vị trí tĩnh mạch đùi. Tôi đâm trúng nó và cuộc truyền huyết thanh bằng tĩnh mạch đùi thành công. Hai binh sĩ khiêng đến trạm cứu thương một xác chết đã được gói gọn trong chiếc poncho. Tôi không biết mặt biết tên người binh sĩ mà tự nhiên lòng căm hờn tự nhiên phùng phùng trong tôi? Ở giây phút này tôi hiểu thế nào là thù hận. Tôi lăm bầm chữi thề mấy câu.

Đại đội Chỉ huy được lệnh di chuyển. Phải di-tấn thương binh theo, thật là cả một vấn đề, chỉ có 2 người đi được, 3 phải đi, 2 phải khiêng cáng và 1 xác chết phải gánh theo. Tôi phải huy động thêm một số binh sĩ giúp việc di tản. Trời đã tối hẳn, mưa vẫn không ngừng. Chúng tôi khó nhọc theo đuổi toàn quân. Bờ đê ruộng bùn lầy hết người này trượt chân đến người khác. Tôi phụ khiêng cáng ông Thiếu úy Toan nằm. Trông ông co quắp rên rỉ thật tội nghiệp. Áo quần ướt đầm làm tôi lạnh run. Súng vẫn còn nổ nhưng thưa và xa dần... Chúng tôi đi hết bờ đê thì đến một căn nhà sàn. Trạm cứu thương được chỉ định đóng đêm tại đó. Tin tức cho tôi hay Đại đội 64 ngoài Trung úy Văn còn thêm 7 binh sĩ thiệt mạng và 2 bị thương. Phía Tiểu đoàn 5 nhảy dù có 6 binh sĩ tử trận và 3 bị thương. Bên Tiểu đoàn xa, 2 xạ thủ đại liên tử thương và 5 bị thương. Tất cả

thương binh được trạm cứu thương tiễn đoàn 5 sân sóc. Đã 9 giờ đêm. Tiếng súng im hẳn, mưa cũng tạnh, Bộ chỉ huy tiễn đoàn yêu cầu tôi báo cáo tổn thất và tình trạng thương binh. Trong báo cáo tôi nói rõ tình trạng khẩn cấp của Thiếu úy Toàn ông sẽ không qua khỏi đêm nay nếu không được đi tản. Và thật là một niềm vui sướng cho tôi khi được tin sẽ có trực thăng đến tải thương. Tôi huy động toán y tá đưa các thương binh ra cánh đồng chờ trực thăng. Gặp bác sĩ Cơ của tiểu đoàn 5 dù. Chúng tôi vui vẻ bắt tay nhau, phụ lực nhau khiêng các thương binh. Chúng tôi sắp thương binh theo thứ tự ưu tiên đi tản. Ba chiếc trực thăng trong hai đợt đã cho bác sĩ Cơ và tôi trực được mỗi lo cánh cách bèo lòng. Còn lại mười mấy cái xác phải chờ đến sáng mai. Tôi trở về căn nhà cỏ giầy, rửa chân và ăn cơm tối. 11 giờ đêm. Trời lạnh. Tôi nằm trên một tấm ván, không mừng mản. Một ngày máu lửa đã cho tôi cảm tưởng gì ? Điều tôi mong ước đã đến : có đạn độ lớn, có chiến thắng. Nhưng trong vinh quang tôi thấy buồn hơn vui nếu không nói là thất vọng. Chiến tranh ở giờ lúc này trong tư tưởng tôi không còn là một ván cờ như tôi thường ví. Quân cờ bị loại là quân cờ vứt đi, nhưng những cái xác nằm kia còn liên hệ, ảnh hưởng đến biết bao nhiêu người ! Tôi tin rằng tôi sẽ có đủ quả cảm, thừa tận tụy để làm tròn phận sự một người y sĩ tiền tuyến nhưng tôi bắt đầu ghê tởm cảnh bắn giết vô ích này...

Nếu hôm xảy ra trận đánh là một ngày tinh thần căng thẳng, thì hôm sau là một ngày hành xác. Từ mờ sáng đã lo khiêng xác ra bãi trực thăng. Tiếp sau đó theo tiểu đoàn đi tảo thanh vùng mới chiếm. Rải rác quanh làng xác địch còn nằm phơi trong các hố cá nhân họ mặc đồng phục ka ki vàng. Theo lời khai của một trung úy tù binh địch thì họ thuộc trung đoàn sao vàng đóng ở làng Uy Vĩ đã ba tháng nay. Không thấy bóng một người dân, cảnh làng tan nát. Lục soát đến trưa không có gì. Về vị trí cũ vừa nuốt được miếng cơm lại có lệnh chuẩn bị trực thăng vận. Gặp tôi ông tiểu đoàn trưởng nói : « Đi gồng tí chơi Bác sĩ ». Chúng tôi nhảy xuống ngọn

đôi án ngữ phía sau làng. Rồi từ đó đổ xuống con suối lục soát. Trọng pháo được gọi bắn vào những điểm khả nghi. Lần theo con suối chúng tôi trở về điểm xuất phát. Chưa kịp ăn cơm đã có lệnh rút. Chúng tôi băng ruộng trở lại làng Gia Hựu. Chờ mãi không thấy xe đến đón phải cuộc bộ trong đêm tối. 10 giờ đêm mới đóng quân. Một mỗi, tôi ăn qua loa rồi leo lên võng ngủ. Trằn trọc suốt đêm vì lạnh và vì không quen nằm võng. Sáng hôm sau lại cuộc bộ về Hoài Sơn. Không biết tôi đã đi được bao nhiêu cây số, chỉ biết đôi chân mỏi vô cùng. Bấy giờ đóng quân chờ ngày về.

Một người đàn bà đứng tuổi đến mời tôi đi thăm bệnh cho con gái bà đau bụng đẻ đã một ngày một đêm vẫn không sinh được. Nhà bà ta ở ngoài vòng canh gác nhưng sau một phút lưỡng lự tôi cùng ba y-tá theo gót người đàn bà. Sau khi khám tôi thấy cái thai nằm ngang nên không sinh được. Trường hợp này ngoài khả năng tôi. Chỉ còn cách đưa bệnh nhân ra Bệnh Viện Qui Nhơn mổ. Tôi trở về xin xe đưa người thiếu phụ lên bộ chỉ huy sư đoàn rồi lên lạc với người Mỹ xin trực thăng. Họ rất sốt sắng. Chiếc trực thăng cất cánh 15 phút sau đó.

Buổi chiều trò chuyện với ông Tiểu đoàn Phó, vị sĩ quan mà tôi có nhiều cảm tình. Ông thuộc mẫu người vui vẻ trong câu chuyện nhưng cứng rắn trong công việc. Tôi hỏi ông có bao giờ ông cảm thấy sự hy sinh của mình vô ích không. Ông trả lời nếu chiến đấu để bảo vệ một số người thì vô ích thật, nhưng để bảo vệ miền Nam thì hy sinh mấy vẫn chưa đủ. Tôi lại hỏi ông có bao giờ ông chán nản không, ông đáp: « Có, những lúc nhìn kẻ khác an nhàn thụ hưởng mà mình thì cực khổ » rồi ông tiếp: « nhưng khi nhìn xuống thấy linh chúng nó còn khổ gấp mấy trăm lần mình thì tôi thấy mình còn đầy đủ quá ! » Vô tình tôi phổng ván ông. Như đề tài câu chuyện, ông chỉ tay về phía một đám binh sĩ cười hỏi tôi :

— Đố bác sĩ biết họ đang làm gì ?

Nhìn theo ngón tay chỉ tôi thấy hai binh sĩ ngồi dưới gốc dừa chăm chăm nhìn xuống đất. Một lúc có tiếng cười rồi một người lượm một tờ giấy mà tôi đoán là tiền cho vào túi. Anh kia móc một tờ giấy khác xếp đôi bỏ xuống đất rồi cả hai lại chăm chăm nhìn. Đoán mãi không hiểu họ chơi trò gì tôi lắc đầu. Ông tiểu đoàn phó cất nghĩa : « chúng nó chơi trò con ruồi. Tờ giấy một đồng được xếp làm đôi, mỗi đứa một nửa con ruồi đầu tiên đậu trên tờ bạc, nửa của đứa nào đứa ấy ăn. » Tâm hồn người lính thật bình dị, họ như quên hết những gì đã xảy ra. Không cần tìm hiểu, thắc mắc chỉ biết thi hành nhiệm vụ. Nhìn họ tôi thấy tôi còn xa lạ. Cũng áo hoa, mũ đỏ nhưng tôi nghĩ rằng phải còn lâu tôi mới trở thành một chiến sĩ nhảy dù theo đúng nghĩa của nó.

(còn nữa)
TRANG-CHÂU

ĐÓN ĐỌC : **Văn Học** SỐ ĐẶC BIỆT

THẾ NÀO LÀ PHÊ BÌNH ?

- Do những nhà phê bình vô tư biên soạn
- Đề đánh tan sự ngộ nhận và thiên vị trong việc phê bình các tác giả, tác phẩm.
- Sẽ vạch mặt bọn Sa-đích phê bình văn nghệ hiện nay trong làng báo.

mùa thu gio-linh

THẾ-HOÀI

tặng Tiểu đoàn I Nhảy Dù

— Bây giờ là những ngày cuối thu. Những cơn mưa bất chợt kéo về thật đột ngột. Anh đã xa Sài Gòn thật lâu rồi.

Nhưng anh cũng chưa quên những ngày vừa qua. Hình dáng em với nụ cười say đắm hôm nào trước khi anh lên đường. Em đến với anh thật bất ngờ như cơn mưa ở đây đến với vĩa đồ xuống vùng chiến địa khô cằn vì bom lửa vì đạn đại bác của đôi bên cháy cổ cây. Rồi chúng mình lại xa nhau không hẹn ước. Rồi anh lại lên đường, những tháng, những ngày thật dài. Đều khi anh trở lại, nét mặt lại sạm đen với bộ chiến phục thêm bạc màu nắng gió chiến trường. Nhưng em vẫn chưa quên và chúng mình lại tìm đến với nhau thật đẹp như thuở gặp ban đầu.

Mùa thu thật sự đã về ở nơi đây với những cơn gió heo may lạnh đến giá riết lòng người. Mùa thu mà anh đã đánh mất từ mười ba năm qua. Kể từ một ngày cuối thu năm 1954, anh và ba người bạn thân già từ Hà-Nội lên đường vào Nam. Miền chỉ có hai mùa mưa nắng mà thôi. Anh đang ở nơi đây, miền Gió Linh với những ngày khói lửa. Đơn vị anh đang đóng tại một căn cứ đối diện với cầu Hiền Lương. Một tiền đồn tại địa vùng giới tuyến. Anh tới nơi đây vào những ngày đang xảy ra các cuộc pháo chiến ác liệt nhất của cả đôi bên. Xuống xe từ thị trấn Đông Hà, các anh đã phải đi bộ một đoạn đường dài trên mười cây số để vào vùng máu lửa này. Từ xa các anh đã trông thấy cả một hàng rào khói đen bốc lên dày đặc, đó là từng loạt đạn đại bác đủ loại từ bờ Bắc

pháo kích sang. Tiếng súng địch chưa ngưng thì những dàn đại bác của ta bắn trả lại. Tiếng nổ kéo dài từng loạt như bất tận. Rồi khi tiếng súng dỗi bên vừa ngưng thì từng đoàn phi cơ phản lực vun vút bay từ biển vào đâm chúc xuống miền đất bên kia. Tiếng nổ lại rền trời rung đất. Những cột khói khổng lồ bốc lên cao với những đám cháy mờ phía xa. Đó là những hình ảnh đầu tiên mà các anh trông thấy như đón tiếp như chờ đợi và hứa hẹn nhiều cho những ngày sắp tới.

Đơn vị anh vẫn tiến vào vùng lửa đạn đỏ. Mỗi bước đi anh thấy như mình càng tiến gần về quê hương. Quốc lộ số 1 kéo dài thẳng tắp, từng đoạn đường cây lên vì vết mìn nổ còn mới nguyên. Đó là những vết thương lở lói đã bao năm qua làm đau đớn đất nước đau thương này. Những cột cây số cứ lùi dần, lùi dần và chữ Hà Nội với hàng chữ số bên dưới đã có lúc hiện ra như một hình ảnh từ lâu chợt quèn trong tiềm thức. Quê hương miền Bắc của chúng mình ở bên kia dòng sông. Con sông Bến Hải ngăn cách đôi bờ đã bao năm qua. Miền đất bên kia mang bao nhiêu là kỷ niệm của tuổi ấu thơ và những ngày anh đầu tiên bước chân vào cuộc đời.

Bây giờ thì các anh đang làm những người lính trấn giữ miền đất Gio Linh này. Vùng đất địa đầu nhất định không để lọt vào tay giặc và các anh cũng nhất định cản ngăn bước tiến của quân thù muốn xâm nhập qua đây. Vùng đất hẻo lánh khô cằn giờ đây tràn ngập bóng những người lính chiến áo hoa mũ đỏ. Mặc dầu mức độ pháo kích càng ngày càng nặng nề ác liệt nhưng những người lính nhảy dù ngày đêm vẫn hoạt động thường trực chung quanh khu vực đề bảo vệ căn cứ.

Mỗi lần ngồi trên đài quan sát, anh chiếu ống viễn kính bao quát chung quanh. Tự nhiên anh nghĩ giả có em ở đây anh sẽ chỉ cho em nhìn thấy giải đất xanh ngút ngàn phía bờ Bắc con sông Bến Hải. Chúng mình sẽ thấy gần quê

hương hơn bao giờ. Quốc lộ số 1 chạy ngoằn ngoèo lượn khúc rồi mất hút. Ngày nào, phải ngày nào em nghĩ chúng ta sẽ được thanh thân trở lại quê hương yêu dấu ngàn đời. Thành phố Hưng Yên nhỏ bé đầy kỷ niệm của chúng ta. Giờ đây miền đất thân yêu ấy chắc cũng đã vào thu. Cơn dề Giá Nửa đây là vàng của rừng nhũn cuối mùa. Hồ Bán Nguyệt sẽ dịu hiu trong cô quạnh vì những cơn gió lạnh đã ào ào thổi về làm sọc sọc hàng liễu bên bờ. Đám sen trên mặt hồ liệu còn bông sen cuối mùa nào nở muộn không. Và cây Đa Voi cô thụ bên trường trung học Phạm Ngũ Lão nghèo nàn xa xưa liệu có còn đứng vững với thời gian mười mấy năm qua. Tình yêu quê hương càng làm anh xót xa vì anh nghĩ rằng vùng trời ruột thịt đó giờ đây còn nằm trong tay ngự trị của quân thù. Đó cũng là một lý do tại sao ngày xưa anh lại lên đường vào Nam. Tất cả gia đình anh đã ở lại. Anh ra đi với hai bàn tay trắng và mang tâm trạng của một kẻ mất quê hương. Nhưng chính sự ra đi là để sửa soạn cho một ngày trở lại trong thanh bình. Ngày ấy quê hương chúng ta sẽ đẹp hơn bao giờ và chúng ta sẽ làm lại được cái khí hậu hiền hòa của nắng gió miền trung châu có con sông Hồng mãi mãi mang đất phù sa bồi đắp đôi bờ.

Còn bây giờ quê hương thật xa với chỉ còn lại một ảnh hình thương yêu trong trí nhớ. Anh đã bỏ quê hương, bỏ gia đình bỏ trường để trở thành một người lính chiến nhảy dù. Mười năm qua trong quân ngũ, anh đã có mặt trên khắp chiến trường miền Trung và miền Nam, nhưng anh vẫn nuôi trong lòng mộng ước ngày trở lại giải phóng miền Bắc. Các anh sẽ là những người trai đầu tiên nương theo bao cánh hoa dù nở giữa vùng trời yêu dấu cũ. Ngày đó, anh nghĩ sẽ chẳng còn bao xa. Vì hôm nay biết bao người trai đã lên đường tự nguyện chiến đấu cho sự mất còn của phần nửa đất nước miền Nam này. Ngày chiến thắng cũng đã sắp đến gần. Vì thế anh đã phải xa em từng tháng ngày trong gian khổ hiểm nguy, nhưng anh tin rằng em đã hiểu nỗi lòng của những người con trai như anh đang làm nhiệm vụ giữa mùa chinh chiến. Như những lần ngồi

ben em trong một quán nước ở đường Tự Do. Trong mây lạnh trong tiếng nhạc gọi cảm êm đềm nhìn dòng người thanh thản đi qua lại hay những đêm trong một khiên vũ trường ấm cúng có ánh đèn mờ nhạt, có những màn vũ khêu gợi thì làm sao em có thể hình dung được bộ mặt thật của cuộc chiến hiện tại. Vì thế bây giờ anh muốn gửi về em những cảm nghĩ, những hình ảnh trung thực nhất của một mặt trận đã nổi danh : Gio Linh vùng đất địa đầu miền giới tuyến với những ngày dài nhất trong khói lửa, trong tiếng đạn rít xé ngang đầu của các cuộc pháo chiến ác liệt nhất cuộc chiến hiện tại.

Cũng từ đài quan sát, anh nhìn sang trái, ngang với căn cứ trú quân của anh là đồi Cồn Thiên. Một địa danh ngày xưa chưa ai biết đến nhưng ngày nay tên Cồn Thiên đã được nhắc đến từng ngày.

Cứ điểm đó do những người lính Hoa Kỳ trấn giữ kể từ ngày khu phi chiến đã trở thành khu chiến với những trận đánh đẫm máu cho cả đôi bên. Hàng ngày trăm trái đạn đại bác rơi phủ mờ đồi Cồn Thiên cũng như đồi Gio Linh nhưng những cứ điểm này vẫn vững bền như những cứ điểm thép đứng ngạo nghễ thách đố về bờ Bắc.

Nhìn sang phải, anh trông rõ dòng nước bạc chảy từ con sông lịch sử đổ xuôi ra cửa Tùng. Ngoài ra nữa là biển cả mênh mông nổi bật đoàn chiến hạm với những dàn hải pháo sẵn sàng yểm-trợ cho Cồn Thiên và Gio Linh đề phản pháo.

Ngày ở đây thật dài, dài như những ngày mấy năm về trước khi anh còn tham chiến ở chung quanh đồn Đưê Cơ. Vì ngoài những lúc tung quân tuần tiễu đề bảo vệ căn cứ, tất cả đều sống trong tình trạng báo động thường trực. Mọi sinh hoạt đều diễn ra trong những hầm hào xây ngầm dưới mặt đất và được che kín bằng những lớp bao cát thật dày.

Từ trong hầm anh đã nhìn mùa thu Gio Linh qua đi bằng lỗ châu mai. Ở đây chỉ có gió heo may lạnh buốt và

tiếng đạn rít ngang đầu hay tiếng nổ rung chuyển cả đất hàng đêm bởi những cuộc oanh tạc dữ dội của từng đoàn pháo đài bay B.52 dội bom xuống địa điểm trú quân và vị trí pháo của địch phía bên kia bờ Bắc.

Từ lâu anh thấy nhớ không khí của một mùa thu nhưng ở đây không có hình ảnh đẹp của những chiếc lá vàng rơi từ hàng cây cao dọc bờ đại lộ của một thành phố. Đất ở đây đã khô cằn vì sỏi đá, cây ở đây đã ngã gục cháy đen vì đạn đại bác của đối bên cây từng vương đất.

Chiến tranh là vậy. Thê thảm khôn cùng. Không một ai trong chúng ta thích chiến tranh. Nhưng các anh đã thực sự đối diện với chiến tranh từ bao năm qua. Các anh chiến đấu để bảo vệ quê hương thứ hai miền Nam này và để sửa soạn cho một ngày trở lại nơi chúng ta đã sinh trưởng hiện đang quần quai diêu linh trong tay quân thù. Các anh cầm súng chiến đấu chỉ vì quê hương và để cho những người như các em được sống an lành chờ đợi ngày các anh trở lại.

2. — Sau mấy tháng trời hành quân. Luận theo đơn vị trở lại Sài Gòn. Những chiếc phi cơ vận tải khổng lồ C.130 lần lượt hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ngày Luận về Sài Gòn là mùa nắng bầy giờ trở lại trong những cơn mưa sôi sả đến bất chợt. Chiếc Jeep đưa Luận về đến trại Nguyễn Trung Hiếu đã gần chiều. Đơn vị được nghỉ bảy ngày. Luận nghĩ đến bạn bè thân lâu ngày chưa gặp. Có lẽ phải đi thăm hết không thì gặp thẳng nào cũng lại bị trách móc. Người đầu Luận nghĩ đến là Chí.

Phải, nó tên là Nguyễn Hồng Chí. Thăng bạn thân nhất và chơi với nhau cũng lâu nhất trong số bạn hữu hiện tại của Luận. Biết nhau những ngày hai đứa ngồi chung một ghế tại trường trung học Chu Văn An Hà-Nội. Tính Luận thì hay đùa nghịch, còn Chí thì chín chắn mang cái vẻ dăm chiêu của người lớn. Thực sự thì Chí cũng hơn Luận vài tuổi thật. Nhưng không phải vì thế mà Chí trở thành một người lớn

trong bọn Luận. Những ngày xa xưa đó, Luận thì sống trong một gia đình sung túc lúc nào cũng được nuông chiều. Còn Chí mồ côi cả cha lẫn mẹ thật sớm. Chí được người chị cả đã lấy chồng đưa Chí về nuôi ăn học. Không lúc nào Luận thấy Chí đi chơi dong phỏ hay gặp Chí trong các rạp chiếu bóng vào ngày nghỉ. Chí học hành chăm chỉ và luôn luôn là một người học trò gương mẫu. Luận là người duy nhất trong lớp được Chí tâm sự về gia cảnh và Luận đã cảm thông được nỗi lòng của Chí. Điều ao ước duy nhất của Chí là cố gắng học để thi xong tú tài rồi đi làm để có thể tự lập, Chí không muốn nhờ vả người chị cả gia đình chị cũng không được dư giả cho lắm, mặc dầu người anh rể rất tốt lúc nào cũng săn sóc Chí như người anh ruột.

Một buổi học vào giữa năm đệ tứ, trong một giờ toán được giảng dạy bởi một giáo sư nổi tiếng là khó. Lúc nào ông cũng sẵn sàng la hét, sẵn sàng cho điểm không và phạt công-si. Bọn Luận có bốn người. Chí thì lúc nào cũng nghiêm trang theo dõi lời giáo sư và rất ít khi tham dự những trò đùa nghịch của bọn Luận. Nhưng Luận và Khải, Luận thì sẵn sàng tìm những trò ngộ nghĩnh để phá giáo sư. Nhất là chọn những ông nào có tiếng là hộc búa. Những lần trước, các giáo sư không tìm ra thủ phạm nhưng chẳng may giờ toán này bọn Luận bị bắt gặp. Giáo sư phạt tất cả bốn hai chủ nhật liền phải đến trường ngồi chép phạt. Luận, Khải, Trụ đứng dậy nhận lỗi nhưng xin tha cho Chí vì anh ngồi cùng bàn nhưng không tham dự. Giáo sư vừa bằng lòng, thì Chí đứng dậy xin chịu lỗi cùng vì anh nhận có tham dự trò đùa nghịch đó. Giáo sư ngơ ngác. Nhưng cả lớp hiểu và bọn Luận hiểu Chí. Sau giờ đó Chí cự nự bọn Luận rất nhiều. Chí nói đời học sinh có học cũng có đùa nghịch, đó là những kỷ niệm sâu đậm nhất của những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường. Mai đây, chia tay nhau đã chắc gì tìm lại được những kỷ niệm đẹp ngày xưa. Thế là hai chủ nhật liền cả bàn đều chịu phạt cho có nhau. Nhưng từ đó tình thân càng trở nên mật thiết. Nhất là tình bạn của Luận với Chí. Ngày vào Nam, bọn Luận vẫn đủ bốn đứa như cũ theo học

năm cuối cùng. Thi xong, Khải được gia đình cho sang Pháp học, Trụ theo đại học y khoa. Chỉ thi vào một trường cao đẳng chuyên nghiệp để sớm được đi làm. Gia đình Luận ở lại tất cả ngoài Bắc. Luận cũng bỏ trường đi dạy học một năm, rồi anh quyết định xin nhập ngũ. Luận theo một khóa học Sĩ quan ba năm tại trường võ bị Quốc Gia Đà Lạt.

Trong thời gian này Chỉ và Luận vẫn nhận được thư của nhau hàng tuần. Chỉ ra trường trước Luận một năm. Ngày Luận mãn khóa, Chỉ lên tham dự. Hai người ở lại Đà Lạt một tuần để đi chơi. Luận tình nguyện về phục vụ tại binh chủng nhảy dù, đơn vị anh đóng ngay tại Sài Gòn. Vừa lúc đó, Chỉ cũng cũng từ nhiệm sở tại Bến Cát Bình Dương dời về. Hai người thuê chung một căn nhà để ở. Với những tiện nghi tối thiểu, Luận và Chỉ đã làm gần tròn những mộng ước ngày xưa. Một tủ đầy sách quý của Luận, một quầy rượu đủ loại của Chỉ.

Trong những ngày ở chung đó, Luận lại có dịp nhìn thấy sự thực của con người trong sạch như Chỉ. Trong sở, Chỉ được trao phụ trách công việc đấu thầu. Anh đã làm việc thật thẳng thắn và công bằng. Nhiều lần, Luận đã thấy những người thật sang trọng đến tận nhà riêng của hai người để điều đình các áp phe. Họ mang tiền bạc và cả gái đẹp ra sẵn sàng dâng hiến nhưng Chỉ đã từ chối. Đã có lần Luận muốn thử lòng Chỉ :

— Này nhận cho họ vụ thầu này là tại mình có xe hơi đi rồi đó.

Hoặc là :

— Mày thấy đấy. Trong cuộc sống hiện tại thiếu gì thăng lợi dụng chức tước để cho vợ chạy áp phe, cho đàn em buôn lậu. Đều rồi họ từ một thẳng chẳng biết gì cả thế mà bây giờ cũng học ăn, học mặc, học nhảy cũng ra điều ăn chơi nay Tự-Do mai Văn-Cảnh, Maxim's. Đối với cấp trên thì nịnh bợ, luồn cúi để che đậy công việc làm nhơ bẩn, còn

đối với cấp dưới thì hống hách tự coi mình như mặt trời riêng của một vùng đất nhỏ bé biệt lập.

Những lần nghe như vậy, Chi đều cười nói với Luận :

— Mày muốn thử tao đấy phải không? Chính vì tao không làm như vậy được thì tao mới là bạn mày. Tao mới không bị chúng mày khinh bỉ. Tao không thẹn với lương tâm. Mặc dầu tao biết tao không làm những việc đó thì sẽ không thiếu gì những thằng sẽ làm. Chúng nó làm được, nhưng chắc chắn tao không làm được, mày không làm được. Và tất cả những thằng còn chút lương tâm, còn biết có danh dự thì cũng sẽ như chúng mình.

Thế rồi, những tháng ngày đầm ấm của tình bạn cứ đều trôi qua. Nhưng cuộc chiến bắt đầu vào giai đoạn khốc liệt nhất. Luận phải theo đơn vị lên đường hành quân dài bạn từ hai đến ba tháng một lần. Khi thì Pleiku, Kontum, khi thì Tuy-Hòa, Bình-Định. Rồi vùng Thừa-Thiên, Quảng-Trị, Đông-Hà...

Nhiều thanh niên được gọi nhập ngũ lớp sĩ quan trừ bị Thủ-Đức. Chi cũng ở trong lớp người sẽ bị gọi đó. Trong khi một số người hèn nhát tìm đủ mọi cách để xin hoãn dịch hoặc miễn vĩnh viễn thì Chi hăng hái thu xếp công việc để sẵn sàng khi có lệnh gọi sẽ lên đường. Chi bảo với Luận :

— Dù trên cương vị nào thì cũng là phục vụ cho đất nước. Nhưng tao thấy chúng mày, những thằng lính là những hy sinh gian khổ nhiều nhất. Không lẽ để chúng mày chiến đấu thay cho kẻ khác mãi. Chúng tao phải có bổn phận góp mặt chung dưới cờ với tụi mày. Mai đây sau thời gian phục vụ theo pháp định, chúng tao sẽ giải ngũ và như vậy tao sẽ không có mặc cảm nào đối với cuộc chiến hiện tại.

Rồi Chi kể cho Luận nghe những bộ mặt sợ hãi, những kiểu cách xin miễn dịch của một số bạn đồng sở. Luận cũng kể cho Chi nghe một trường hợp :

— Tao vừa được một thằng bạn kể lại — Thằng Trung-úy Hòa chắc mày cũng biết chứ gì — Nơi nó làm có một thằng em

cửa ông đơn vị trưởng. Thắng này đang dạy học tại Saigon. Mỗi lần vào trại thăm anh, nó lên mặt tất cả các sĩ quan trong đơn vị, nó muốn mọi người cũng phải sợ nó như ông anh nó vốn có tánh hách nổi tiếng nhất. Mà ông anh nó mỗi lần họp các sĩ quan đều đập bàn rầm rầm để chỉ dẫn các thuộc hạ đủ những danh từ đẹp đẽ nhất nào tuổi trẻ, nào hy sinh, nào tổ quốc. Thế mà khi thắng em trai có lệnh gọi đi Thủ-Đức thì sợ hãi cuống cuống làm như đi là chết ngay. Còn ông anh thì bình như quên những điều thường nói với các sĩ quan thuộc quyền ông ta bắt thắng Hòa mang đồ lễ đi mọi nơi để xin số hoãn dịch cho thắng em ông ta từng khóa một. Cuộc đời tầm thường như vậy đó.

Chi lên đường nhập học khóa mười ba Thủ Đức. Sau bốn năm chiến đấu trên khắp các chiến trường. Anh giải ngũ với cấp bậc Trung-úy với bốn anh dũng bội tinh với ngành dương liễu và một chiến thương bội tinh.

Chi trở lại nhiệm sở cũ và sau một thời gian ngắn anh lập gia đình với một người con gái miền Trung. Chi quen Hương và yêu nàng những ngày anh theo đơn vị lưu động tại vùng giới tuyến. Hương rời Huế xa dòng sông thơ mộng, xa những đèn đài lăng miếu cổ kính để theo chồng vào Nam. Gia đình Chi thật hạnh phúc vô cùng. Luận nhận đỡ đầu cho đứa con trai đầu lòng của Chi cũng như Chi đã đặt tên cho đứa bé. Điều đó chứng tỏ lòng quý mến của vợ chồng Chi đối với Luận. Vì thế sau mỗi lần hành quân trở lại hậu cứ, Luận nghĩ ngay đến việc đến thăm vợ chồng Chi trước tiên. Ở đấy, Luận có thể tìm thấy khung cảnh ấm cúng của một gia đình hạnh phúc, một tình bạn thiêng liêng đủ làm Luận quên những ảnh lửa vừa trải qua. Mỗi lần đến như thế, Luận lại kể cho Chi nghe những mặt trận mà anh vừa trải qua, những chiến thắng đơn vị anh đoạt được. Những ly rượu cứ vui dần và Hương thì bận rộn nhiều nhất vì phải sửa soạn bữa tiệc cho hai người. Hương đối xử rất khéo léo mỗi khi Luận đến thăm vì nàng đã được Chi kể cho nghe tình bạn

thân thiết của hai người. Rồi vợ chồng Chi thấy Luận cứ kéo dài đời sống độc thân mãi, đã có lần nài nỉ hỏi Luận :

— Anh và Chi chơi thân với nhau. Bây giờ Chi đã có hai cháu rồi. Bộ anh định ở vậy mãi hay sao.

Lần nào cũng vậy, Luận đều cười :

— Thì gia đình của anh chị là gia đình tôi. Hai cháu là con tôi. Đời lính suốt tháng năm ngoài chiến trường đâu dám nghĩ đến chuyện vợ con. Lấy ai, tôi chỉ sợ làm người ta khổ. Và chị Hương nhắm xem có ai dám lấy tôi không.

Tiếng Chi vang lên :

— Hương đừng nói chuyện vợ con với thằng đó. Nó cãi bài bậy cho mà xem. Hôm nào em xem trong sổ bạn gái có cô nào xinh mà thật dễ thương giới thiệu cho nó một cô. Chỉ sợ tới lúc đó nó lại phải năn nỉ vợ chồng mình đấy thôi. Anh chơi thân với Luận lâu, biết tính nó chả ai khuyển nôi nó đâu.

Nhà em gái nhỏ của Hương vội nói lâu lâu :

— Chị Hương có nhiều bạn gái dạy cùng trường, người bạn thân nhất là giáo sư Việt văn của em. Tụi em là con gái mà cũng phải mê. Đã đẹp lại dễ thương vô cùng. Trong những giờ dạy, lúc nào rảnh rồi chị lại kể cho chúng em nghe về những kỷ niệm quê hương cũ. Chị ấy tả về thành phố Hưng-Yên ngày xưa của chị...

Luận vội ngắt lời :

— Nhà nói sao ? Cô ấy thường nói về thành phố Hưng-Yên à.

Chi hỏi Hương :

— Cô nào đấy em, Luận nó cũng ở Hưng-Yên đấy. Nói tên xem chàng ta có biết không ?

— Linh-Phượng anh Luận à. Hoàng thị Linh-Phượng, anh có biết không

Luận im lặng suy nghĩ. Những người con gái đẹp của Hưng-Yên ngày xưa anh biết rõ. Trong đó có Tuyết-Mai với mối tình đầu của anh. Có lẽ ngày đó Linh-Phượng còn nhỏ, và lại anh theo học ở Hà-Nội chỉ về Hưng-Yên mỗi khi nghỉ hè. Luận trả lời Hương :

— Chắc tôi không biết đâu chị ạ. Chị quen cô ấy từ hồi nào.

— Từ dạo còn theo học ở ngoài trường Đồng-Khánh-Phượng di cư từ Hưng-Yên vào thẳng Huế. Chúng tôi cùng đỗ, cùng vào sư phạm một năm. Phượng theo gia đình vào Sài-Gòn trước tôi. Tôi lấy Chi vào đây không ngờ gặp Phượng cùng dạy một trường. Anh chịu không tôi làm mối cho.

Luận cười nhìn Chi :

— Để xem đã chị ạ. Nào bây giờ chúng ta ăn uống đi chứ?

Hương mỉm cười nhìn hai người :

— Thôi ông tướng uống vừa ở nhà thôi. Rồi kéo nhau đi chơi đâu thì đi. Nhớ đừng uống say quá rồi lái xe không nổi lại quên cả đường về. Tôi sửa soạn phòng cho anh Luận về đây nghỉ nhé.

Luận cảm động cảm ơn Hương. Còn Chi thì âu yếm nói :

— Anh đi chơi, em không ghen à ?

Hương cười :

— Có anh Luận về em cho phép anh đấy. Hai anh đi riêng mà tâm sự. Kẻo khi anh Luận đi hành quân rồi cứ nhắc anh ấy hoài.

Luận nhìn đồng hồ tay. Mười bảy giờ chiều, Anh nhắc điện thoại gọi đến sở của Chi. Có tiếng người nữ thư ký ở đầu máy :

— Xin ông vui lòng chờ, tôi sẽ chuyển máy cho ông Chi ngay.

Tiếng Chai hét trong máy :

— A lô, Luận đâu máy phải không ? Máy về bao giờ vậy,

— Tao vừa xuống máy bay cách đây nửa giờ. Có gì lạ không ?

— Máy cho tụi mình quá. Máy có nhớ ngày hôm nay là ngày gì của tao không ?

— Thú thật tao chả nhớ gì cả. Ngày gì đó máy ?

— Ngày kỷ niệm chúng tao lấy nhau. Vì thế tối nay tại nhà tao có buổi họp mặt của một số bạn thân. Tao và Hương đang tiếc vì không có máy. Chúng tao đều buồn vì thiếu máy thì coi như mất vui như một nửa rồi. Bây giờ máy về là hoàn toàn. Tao lái xe đến đón máy nghe.

— Thôi tao còn thu xếp một ít công việc của đơn vị. Rồi còn phải thay quần áo nữa chứ. Máy muốn tao mặc bộ đồ trận đầy bụi đến mừng vợ chồng máy sao. Máy về trước phụ với Hương đi cho bà ấy bằng lòng. Cho tao biết mấy giờ bắt đầu ?

— 20 giờ máy nghe rõ chưa ? À quên báo cho máy biết trước đề mà hồi hộp chơi. Hôm nay có cả Linh-Phượng đến nữa đấy. Tao có gặp đương sự rồi. Điềm chúng mình phê bình các em ngày xưa khi còn đi học là 8/10. Tao nhắc lại 8 trên 10 nghe không. Xứng đôi với máy lắm. Được chứ Luận.

— Máy nói thì tao tin. Nhưng đề rồi xem đã. Bây giờ tao chỉ cần gặp máy và uống rượu thôi.

— Xong rồi tao đề dành cho máy một chai rượu đặc biệt mà tao mang từ Phi Luật Tân về tháng trước. Hồi máy đi hành quân tao vừa đi công cán 15 ngày ở bên đó. Thôi tao cúp máy, đến sớm một chút nghe.

Luận đặt ống nói điện thoại xuống bàn. Anh cho lệnh vắng tất các nhân viên dưới quyền rồi trở về phòng riêng.

Từ trong phòng. Luận nhìn ra ngoài khung cửa sổ mở rộng. Cây khế trước hiên đã nở hoa tím đầy cành. Mầu lá xanh ngắt còn lóng lánh ướt nước của cơn mưa vừa dứt. Mầu tím phơn phớt của hoa khế như nhắc nhở Luận đến những mối tình đẹp đã qua đi trong đời. Thoảng nhẹ nhớ thương dâng trong lòng. Một làn gió thổi nhẹ đưa những cánh hoa tím rơi đầy trên thềm nhà...

3

— Đối với Luận, cuộc họp mặt này thật bất ngờ không định trước. Người con gái ngồi đó. Đối diện với chàng trong dáng điệu thật lạ lùng. Mái tóc sẫm bờ vai thon nhỏ. Mầu áo trắng đơn sơ điểm những bông hoa nhỏ mầu tím xinh xinh. Tiếng nói trong và mang một âm điệu đặc biệt của người con gái sinh trưởng tại miền Bắc. Luận như ngỡ ngàng sống lại cái tuổi 17 ngày nào lần đầu đối diện một mình với người yêu. Nhưng không phải người con gái đó là Tuyết-Mai của mối tình non dại. Thuở học trò của Luận 13 năm về trước. Người con gái này là Linh-Phương. Nhưng sao Luận vẫn mơ hồ tưởng như sống lại buổi tiệc mãn khóa hè ngày nào tại Phố Hiến của thành phố Hưng-Yên quê hương yêu dấu cũ. Linh-Phương như mang trọn hình ảnh của một Tuyết-Mai bé nhỏ dịu dàng với một chút nũng nịu nụ cười má lúm đồng tiền trông duyên dáng vô cùng.

Hiện tại đã kéo Luận về sự thực. Bầu không khí của buổi họp mặt trở nên mỗi lúc một sôi động. Tiếng nói của Chí vang lên :

— Luận uống đi chứ ? Ly thứ mấy rồi ?

Luận cười nâng ly với Chí trước khi uống cạn :

— Mời có ly thứ ba..

Chí quay sang nói với vợ :

— Hương, em rót cho Luận ly nữa.

Luận dơ tay với nói :

— Xin chị cho từ từ, buổi tiệc còn dài coi ;chừng tôi say đó.

Tiếng Trạ ngồi cạnh Linh-Phượng :

— Chị Hương cứ rót đi. Luận mới ở mặt trận về phải cho nó uống thỏa thích cho bỏ những lúc hành quân gian khổ.

Tiếng rượu chảy róc rách trong ly. Nhã, em gái Phượng ngồi bên cạnh Luận gấp thêm đá và đồ đầy sô-đa rồi nói :

— Anh chị Chi giao cho em phải tiếp anh và chị Phượng ngày hôm nay.

Ánh mắt Phượng thoáng nhìn Luận rồi cúi xuống :

— Cô làm như tôi là khách lạ không bằng.

Nhã giọng trẻ con đùa nghịch ;

— Không lạ thì anh cũng coi chừng mọi người sẽ quên anh.

Luận nâng ly hỏi ;

— Tại sao vậy Nhã ?

Nhã nhìn Linh-Phượng như phản trần câu nói của mình :

— Chị Phượng xem, anh Luận đi hành quân gì mà biến biệt cả mấy tháng. Chẳng chịu thư từ gì về cả. Mọi người chẳng ai biết anh đi đâu và bao lâu. Ấy vậy khi thoáng thấy anh đến chơi rồi lại biến mất. Anh Chi gọi điện thoại hỏi đơn vị của anh thì lại nghe nói anh đi hành quân rồi.

Tiếng Phượng nhẹ nhàng :

— Nghe nói anh vừa đi hành quân về. Vùng Thừa-Thiên-Quảng-Trị phải không anh ? Tôi cũng ra Huế mấy năm rồi chưa có dịp nào trở lại.

Luận nhìn đôi mắt Phượng :

— Vâng, gần ba tháng giòng giã ngoài đó. Chúng tôi đi gần hết vùng từ Phú-Lộc, Phú-Thư, Nam-Hòa, Quảng-Điền và Phong-Điền tới miền Hải-Lăng, La-Vang, Gia-Đẳng rồi trở lại Lương-Mai, Lại-Hà và Phá Tam-Giang.

— Anh có dịp nào đi qua trường Đồng Khánh không ạ.

— Thưa có. Những lần về nghỉ dưỡng quân ở Đan Nam-Giao, Long-Thọ hay An-Hòa. Tôi có nhiều dịp đi qua trường. Bấy giờ ngoài đó vào hè. Trường đóng cửa nhưng sân trường đỏ màu hoa phượng.

Giọng Phương như trở nên xa xôi :

— Đời tôi có hai kỷ niệm sâu đậm nhất. Đó là những ngày đầu bước chân vào trung học tại trường Phạm Ngũ Lão ở Hưng-Yên quê hương tôi và sau này khi đi cư tôi theo học tại trường Đồng Khánh Huế.

— Như vậy tôi có chung một hình ảnh kỷ niệm đầu với Phương vì tôi cũng học tại trường Phạm Ngũ Lão rồi sau đó mới lên Hà-Nội theo học tại trường Chu Văn An.

Phương trở nên cởi mở hơn :

— Tôi cũng nghe anh chị Chí nói anh người Hưng-Yên. Không gì bằng được gặp người đã cùng sống trong vùng trời kỷ niệm thuở ấu thơ của mình. Tôi thấy nhớ thương quê hương khôn cùng. Mười mấy năm rồi anh nhỉ ? Tôi muốn nói đến Hưng-Yên và tôi muốn nghe lại chuyện Hưng-Yên.

Suốt buổi họp mặt đó, Luận và Phương đã nói chuyện với nhau như quên cả mọi người xung quanh. Những đôi vợ chồng bạn thân của Luận như Chí, Khải, Trạ đều đưa mắt nhìn nhau mỉm cười.

Hương nhìn Luận và Phương ngồi nói chuyện, rồi hỏi nhỏ chồng :

— Liệu lần này chị Phương buộc nổi chân anh Luận không ?

Chí gật gù nhìn ly rượu :

— Xong rồi. Thăng Luận hôm nay say tỉnh chứ nhất định rượu không làm nó say nổi đâu.

Sau bữa tiệc. Luận lấy xe hơi của Chí đưa Linh-Phương về nhà. Trên đường đi, từ Trần quốc Toàn về tới Thị Nghè dù xe chạy thật chậm mà cả hai người còn thấy đoạn đường đưa nhau về quá ngắn. Xe ngừng trước cửa đã từ lâu, nhưng không một ai muốn nói tiếng từ biệt trước. Hai người ngồi im lặng như muốn thời gian ngưng lại. Nhưng rồi Luận lên tiếng :

— Phương đã cho tôi những giờ phút vui thật quý báu sau những tháng dài quên mình hành quân gian khổ ngoài chiến trường. Tôi sẽ xin gặp lại Phương. Tôi nghĩ rằng còn nhiều chuyện muốn nói với Phương. Thời gian tôi ở được Sài Gòn thật ngắn ngủi. Tôi hy vọng chuyến đi sắp tới, tôi sẽ mang theo một hình ảnh đẹp và một hy vọng của ngày trở lại.

Tiếng nói của Phương như lạc giọng :

— Phương sẽ chờ anh. Dù tháng năm khỏi lửa chiến chinh có dài đi bao lâu nữa...

4

— Đồi 46 là một cao địa bao quát suốt vùng Gio-Linh và Trung-Lương. Căn cứ được thiết lập trên đỉnh đồi đã được sà phẳng. Từ đó có thể quan sát rõ ràng phía bên kia bờ Bắc sông Bến-Hải và là một điểm tựa vững chắc bảo vệ sườn trái cho căn cứ Côn Thiên.

Hầm chỉ huy được xây bằng xi-măng cốt sắt nằm chìm sâu trong lòng đất. Bên ngoài là những chồng bao cát xếp gọn gàng giữ chặt những cột ăn ten cao đầy ngánh bay đi bốn hướng.

Đơn vị của Luận trấn giữ ở đây đã trọn tháng. Trời cuối thu mang gió heo may thổi lạnh. Luận kéo cao cổ áo sau bước vội vào hầm chỉ huy cùng Thiếu Tá Tịnh Tiều đoàn

phó. Trước bản đồ toàn vùng hoạt động, Luận đã thấy các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy đều đủ mặt. Thiếu tá Chương Tiểu đoàn trưởng, Trung-Ủy Duy sĩ quan an-ninh Trung-ủy Văn y-sỹ trưởng, Thiếu-ủy Hiền sĩ quan tiền-sát viên pháo binh và viên Thiếu-Tá cố vấn Mỹ. Kim đồng hồ vừa chỉ đúng 7 giờ sáng. Luận báo cáo kết quả cuộc chạm súng của toán phục kích đêm qua tại phía tây căn cứ. Toàn giao liên của địch lọt ở phục kích của ta hồi nửa đêm. Địch chết 6 bỏ lại 5 súng AK 47. Bên ta vô sự và vẫn kiểm soát được toàn vùng. Mọi người bắt đầu uống ly cà phê đầu tiên trong ngày.

Chợt tiếng keng rền rập vang lên từ các pháo đài quan sát báo hiệu địch pháo kích. Tiếng đạn đi xé không khí rít lên những tiếng rợn người. Tiếng nổ âm vang rung chuyển cả mặt đất. Luận nghĩ đến cuộc pháo chiến đã bắt đầu mờ mịt. Từ hộp loa khuếch thanh của chiếc máy PRC.25 vang lên tiếng báo cáo của đài quan sát. Hường súng và tầm xa. Thiếu tá Chương chấm vị trí súng địch trên bản đồ và cho lệnh phản pháo. Luận đọc to tọa độ. Mọi người đã ngồi trước các máy liên lạc. Các pháo đội của ta và hải pháo bắt đầu bắn trả buộc súng địch phải ngưng tiếng. Thiếu tá Chương cho lệnh Luận liên lạc xin các phi tuần phản lực lên vùng.

Từ loa khuếch thanh, tiếng các đại đội trưởng báo cáo kết quả vô sự sau đợt pháo kích vừa qua.

Tiếng phi cơ âm vang bầu trời. Mọi người rời hầm quan sát. Từng chiếc phản lực thân bạc lóng lánh dưới ánh mặt trời bắt đầu lao xuống vùng nghi ngờ có vị trí đặt pháo binh của địch. Từng cột khói đen nháng ánh lửa bốc lên cao. Mọi người dăm chiêu suy nghĩ hướng sang bờ Bắc.

Luận rằng mình theo cơn gió lạnh vừa thổi lộng về. Anh và tất cả mọi người có mặt tại đây đang thật sự đối diện với chiến tranh.

Duy gọi Luận chỉ về phía nam căn cứ. Thị trấn Đông-Hà trông nổi bật bên cạnh dòng sông. Một chiếc phi cơ vận tải vừa

bạ cánh xuống phi trường. Luận nghĩ tới chuyến liên lạc này chắc sẽ có thư Linh Phương từ Saigon gửi ra. Trong những ngày thật dài ở đây, Luận chỉ mong có vậy.

Một người lính trẻ vừa cầm chiếc máy thu thanh chạy vội qua dưới chân đài quan sát.

Mơ hồ thoảng trong gió lạnh cuối thu tiếng hát nghen ngào của Phương Hoài Tâm qua bài Thương vâng Hồn Tuyến.

«... toàn dân thương Trung Lương, toàn quốc thương Gio Linh, thương Bến Hải, thương cầu Hiền Lương...»

Căn cứ Gio-Linh cuối thu 67

THẾ-HOÀI

DÃ PHÁT HÀNH :

BẠN VÀ VỢ

Tiểu thuyết phóng tác xã hội

của **HOÀNG HẢI THỦY**

NHÂN VĂN xuất bản

xin lỗi về những nhầm lẫn dĩ vãng

Bây giờ khâu Garant ta mang trên vai
Bây giờ khâu trung liên Bar ta mang trên vai
Ta mới biết rằng những thỏi sắt đó nặng như thế
Ta mới biết rằng trong cuộc đời dạy học ta là một thằng
đốt nát

Trong mười mấy năm ta làm bao nhiêu tội lỗi
Trong mười mấy năm ta không nói cho học trò ta biết
Những thỏi sắt đó nặng như thế
Ta không nói cho vợ con bạn bè đồng bào ta biết
Anh em ta và quê hương ta
Vác những thỏi sắt nặng như thế
Từ bao nhiêu năm nay

Bây giờ nằm kích ở ven ruộng sương xuống ướt vai
Bây giờ đứng gác đêm ở rừng già gió lạnh thấu xương
Ta mới biết rằng sương lạnh như thế
Ta mới biết rằng gió lạnh như thế
Ta muốn kêu to lên ta là một thằng đốt nát
Ta là một thằng đốt nát
Vì mỗi ngày trong mười mấy năm dĩ vãng

Ta không viết trên giấy trắng mực đen cho những người
yêu thơ ta biết
Anh em ta và quê hương ta đã đứng như thế từ bao
nhiều năm

Bây giờ di chuyển đêm di chuyển ngày di chuyển nắng
di chuyển mưa
Ăn không được ngủ không được cười không được khóc
không được
Hỡi những anh em đã ngồi trước mặt ta trên ghế nhà
trường

Hỡi những anh em đã đọc thơ ta yêu quý
Ta nào đã làm được gì
Đề anh em cười được khóc được ăn được ngủ được
Đề anh em tìm thấy tọa độ trong rừng già
Đề anh em tìm thấy diềm đứng trong ruộng đồng bát
ngát

Đề đạn đừng xuyên qua phổi
Đề đạn đừng xuyên qua tim
Hãy tha thứ cho ta
Hãy tha thứ cho ta
Những anh em đã chết
Những anh em chết ở bờ ở bụi
Những anh em chết ở đồn vắng chết trong rừng sâu
Những anh em chết khi di hành
Những anh em chết khi phục kích
Những anh em mặt đẹp như hoa
Một ngàn lần hơn ta
Cũng chết
Những anh em học giỏi như thần đồng

Một ngàn lần hơn ta

Cũng chết

Những anh có vợ mới cưới chẵn gối còn thơm

Cũng chết

Những anh em có tình viết thư nét chữ còn run

Cũng chết

Những anh em con cái còn nhỏ hơn con cái ta

Cũng chết

Những anh em mẹ già còn yếu hơn mẹ ta

Cũng chết

Những anh em đáng sống một ngàn lần hơn ta

đã chết

đang chết

và còn chết

hãy tha thứ cho ta.

8-1967

NGUYỄN-SA

những chiếc nút nhiều lời

TA TRUNG SƠN

Ngày thứ bảy 28 tháng mười vừa qua, tại Battery Park phía nam đảo Manhattan của thành phố New York, nơi du khách tấp nập chờ tàu ra viếng tượng nữ thần Tự Do, hàng năm ngàn người tụ họp biểu tình ủng hộ binh sĩ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Các lãnh tụ của cuộc biểu tình thay nhau phát biểu ý kiến giữa một rừng cờ và biểu ngữ. Họ giăng hái gào thét trước hàng chục chiếc máy vi âm đặt ngay ngắn trên diển đàn. Ngay bên cạnh diển đàn, các cựu chiến binh Hoa Kỳ mặc đồng phục đứng xếp hàng dưới ánh nắng yếu ớt ban mai. Một số thanh niên hát quốc ca Hoa Kỳ và hô những khẩu hiệu bằng một giọng cương quyết dồn dập, như tiếng sóng đập vào ghềnh đá nơi sông Hudson ngay phía sau họ.

Giữa cái không khí bùng bùng sôi động đó, một thanh niên khoảng ba mươi tuổi lặng lẽ đứng dựa vào một cột đèn cạnh công viên, ngay sát đám biểu tình, tay giờ cao một tấm bảng mang hàng chữ: «chiến tranh không giải quyết được gì cả». Tôi thấy anh ta thật can đảm. Trời hôm đó thật là lạnh. Khoảng 8 độ bách phân. Anh ta không chịu lạnh, cô đơn với chiếc bảng mang hàng chữ bày tỏ lập trường bên cạnh nam ngàn người đang chung một ý tưởng hoàn toàn đối lập với anh. Anh ta đứng như vậy không phải một hai tiếng đồng hồ mà khi cuộc biểu tình bắt đầu tới lúc chấm dứt lâu tới khoảng nửa bảy tiếng đồng hồ.

Từ hôm đó tôi đề ý tới những lối phát biểu tư tưởng của người dân sống trong thành phố lớn nhất Hoa kỳ này. Và tôi đã thấy một mục sư Tin-Lành tới Times Square, khu ăn chơi khét tiếng ở New-York với những cuộc vui suốt sáng và những ánh đèn đủ màu sắc mời gọi không biết mệt, mỗi tối thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật hàng tuần để giảng đạo giữa một rừng người đang lao đầu vào những hộp đêm, tiệm nhậu. Cuốn Thánh kinh trên tay, lá cờ Hoa kỳ bên cạnh, ông ta nói không biết mệt. Giữa làn sóng người vui chơi vào ba đêm cuối tuần, nhiều người đã dừng lại không phải để lắng tai nghe những lời ông ta nói mà để sẵn sàng dả kích ông ta. Tôi đã nhiều lần thấy những cuộc đấu khẩu nóng bỏng giữa ông ta và những người chỉ biết có những cuộc vui trước mặt. Họ là một số người, cả đàn ông lẫn đàn, già lẫn trẻ, hăng hái không kém gì vị mục sư trong lúc tranh luận về đức tin và Thượng Đế. Trong nhiều đêm la cà tại khu sáng nhất New-York này, tôi đã thấy 1 thanh niên bỏ hết thời giờ, đêm này qua đêm khác, cố đấu lý với vị mục-sư để chứng minh là Thượng-Đế chỉ là một hình ảnh bịa đặt. Anh này cùng vị mục sư chỉ tay vào tận mặt nhau, nắm vai áo nhau giữa một đám người hiếu kỳ vây quanh để thỉnh thoảng xui nguyên dục bị cho cuộc đấu khẩu thêm gay gắt.

Ngày chủ nhật 5 tháng 11, tôi lại được chứng kiến một lối bày tỏ lập trường khá thú vị khác! Trên một con đường tại làng nghệ sĩ Greenwich Village, một nhóm ủng hộ và một nhóm chống đối chiến tranh Việt-Nam đặt hai chiếc bàn bần sách, báo và những chiếc nút bày tỏ hai lập trường tương phản nhau. Điều ngộ nghĩnh là hai «lò lửa» này chỉ cách nhau chừng ba thước. Một bên trưng cờ Hoa-kỳ và Việt-Nam — lần đầu tiên trong hơn một tháng ở Hoa-kỳ tôi thấy lá cờ V-N thân yêu trên đất nước người — bên cạnh chiếc bàn bày đầy sách báo ủng hộ chính sách Mỹ tại V-N cùng một số sách báo Anh-ngữ trình bày thực chất cuộc chiến tranh do bộ Thông-Tin và Chiêu-Hồi V-N ấn hành. Một bên trưng một tấm bản lớn mang hai chữ «Dump Johnson» và một số sách bày tỏ lập trường trái ngược với bên kia. Và khi nhóm này thấy nhiều người tụ họp để nghe nhóm

kia diễn thuyết là họ bèn cử người sang tranh luận đề phá đám. Cứ như vậy họ cãi nhau suốt ngày giữa trời lạnh và những cơn gió rét buốt như xoáy vào người.

Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là lối âm thầm bày tỏ tư tưởng của một số người dân Nữu-Uớc bằng những chiếc nút họ mang trên ngực. Đó những chiếc nút lớn bằng miệng chén ăn cơm ở Việt Nam nhưng thường thường chỉ nhỏ bằng một chiếc cúc áo. Màu sắc của những chiếc nút này thay đổi từ màu xanh, đỏ tới màu vàng, trắng. Điều đặc biệt là bao giờ họ cũng dùng những màu nguyên chất để làm nổi bật những hàng chữ trên nút.

Gần như hầu hết thanh niên, thiếu nữ trại khu phía nam đảo Manhattan đều đeo những chiếc nút nhựa này trên ngực. Nhưng nhóm thanh niên dùng nút nhiều nhất là những «Hippies» tại Nữu Uớc. Hippies là một nhóm trẻ tuổi ăn mặc những bộ quần áo thật kỳ cục, bần thiêu, để râu tóc rậm rạp. Tôi đã thấy những hippies mặc loại quần áo cũ rích như những tên lính của đế quốc La Mã xưa hoặc những thứ quần áo may theo những kiểu chỉ thấy trong các viện bảo tàng. Và hippies không những chỉ đeo nút trên ngực mà còn đeo trên tay áo, trên mũ và cả trên quần nữa.

Những chiếc nút này bày tỏ đủ loại ý kiến về mọi vấn đề nhưng nhiều nhất là vấn đề tình dục. Điều này cũng dễ hiểu vì với cuộc sống của Nữu Uớc hiện nay, thanh niên thiếu nữ lúc nào cũng bận tâm với chuyện tình ái và dục tính. Hơn nữa nơi duy nhất là những chiếc nút là những cửa hiệu thật nhỏ nằm khiêm nhường bên những cửa hàng lớn lộng lẫy, đồ sộ tại khu ăn chơi Times Square. Những cửa hiệu không bao giờ được đặt tên và ngoài cửa chữ thông thường «Books and Magazines». Nếu bạn nhìn hai chữ này mà bước chân vào mong tìm những loại sách và tạp chí bạn vẫn thường đọc ở Việt-Nam thì bạn sẽ thất vọng. Vì sách và tạp chí ở đây chỉ gồm những loại mang tên và hình

ảnh có thể làm đỏ mặt những nhà đạo đức. Nếu muốn dùng một chữ quen thuộc để chỉ những sách, tạp-chí phim và hình trong những cửa hiệu này tôi sẽ không ngần ngại dùng chữ «*kiêu dâm*». Bạn có thể tìm thấy đủ mọi «*trình độ*» *kiêu dâm* nơi đây. Từ những chiếc máy chiếu phim tự động mà bạn chỉ cần bỏ 25 xu vào một chiếc lỗ là có thể thưởng thức một đoạn phim «*thoát y*» lâu chừng năm phút, những bộ phim trình bày những thân hình không cần che đậy với giá 20 dollars, tới những tạp chí in hình những thiếu nữ hở hang đại loại như tạp chí Playboy với giá khoảng 1 dollar, những tạp chí «*nóng bỏng*» hơn phổ biến đầy đủ hình ảnh giống đực và giống cái trên các đảo khóa thân với giá 3 dollar. Một điều đặc biệt là tất cả mọi người trên 21 tuổi có thể tự do vào những tiệm này mở sách báo coi chán chê rồi đi ra không cần mua bán gì cả. Đó là lý do khiến các cửa tiệm sách báo này lúc nào cũng tấp nập khách ra vào.

Những chiếc nút bày bán tại các cửa tiệm đặc biệt như vậy dĩ nhiên phải phản ánh những tư tưởng không kém phần bạo dạn và mập mờ. Tôi gọi những chiếc nút này là những chiếc nút nhiều lời nhưng nó có thực sự nhiều lời không là tùy trình độ tưởng tượng của các bạn. Một điều cần ghi nhớ là phải đặt vị trí những chiếc nút này trên ngực của các cô gái Nữ Ước.

Một trong những chiếc nút được các cô gái ưa chuộng nhất là chiếc nút chỉ mang vẻn vẹn một chữ «*unbutton*» có nghĩa là: cởi nút. Chiếc nút này thật ít lời nhưng nhiều nghĩa. Nếu bạn bối rối không biết chiếc nút được nhắc nhở đề cởi là nút nào thì là lỗi tại bạn chứ không phải lỗi của người mang nút. Một chiếc nút khác thuộc loại «*hà tiện*» này cũng ý nhị không kém. Đó là chiếc nút mang chữ «*Never*» (không bao giờ). Viết tới đây tôi chợt nhớ tới một tư tưởng của một nhà tâm lý học nào đó mà tôi quên tên: khi người đàn bà nói «*không*» nghĩa là «*có thể*» và khi nói «*thế*» nghĩa là «*bằng lòng*».

Chắc đã hơn một lần bạn thấy những chiếc thùng chứa những đồ mỏng mảnh yếu ớt bên ngoài được gắn hàng chữ «Để bề : cầm cẩn thận». Tôi đã thấy một số con gái đeo những chiếc nút mang hàng chữ đúng như vậy không thêm bớt một cái chữ. Cũng một loại nhại lại những hàng chữ có sẵn nhưng khác cho nó một ý nghĩa mới liên quan tới vấn đề tình dục là hai chiếc nút khá đặc biệt.

Tại Hoa kỳ người ta dùng máy để kiểm soát và tính các ngân phiếu, nên trên các tấm ngân phiếu bia cứng bao giờ cũng ghi hàng chữ : đừng gấp, dúi lỗ hoặc làm rách nát. Một chiếc nút nhắc lại câu trên và thêm vài chữ ở đầu câu đề mang một ý nghĩa mới như sau : «Tôi là một sinh vật : đừng gấp, dúi lỗ hoặc làm rách nát». Trên các bao thuốc là sản xuất tại Hoa kỳ, luật lệ bắt buộc phải đề hàng chữ : «Chú ý : hút thuốc có thể tổn hại cho sức khỏe của bạn». Tôi đã không thể không mỉm cười khi thấy một cô gái mang trên ngực chiếc nút với hàng chữ chỉ khác câu trên có một chữ : «Chú ý : thử có thể tổn hại cho sức khỏe của bạn».

Những chiếc nút mang những hàng chữ táo bạo, sỗ sàng hơn cũng được nuiêu thanh niên, thiếu nữ loại «bất cần đời» ưa chuộng : «Hãy yêu nhau» là một lời mời gọi không dấu điểm không kém lộ liễu là chiếc nút : «Tôi cảm thấy có dục tính bạn thấy thế nào?». Tiến hơn một bước nữa là lời rao trên ngực «Cần một bạn chung phòng». Một chiếc nút khác dành cho những người thanh thật đến trơ trẽn mang hàng chữ : «Tôi không muốn là một người bình thường».

Một loại nút khác chứng tỏ những kinh nghiệm của người mang — dĩ nhiên những kinh nghiệm không làm hài lòng các nhà đạo đức. Hai chiếc nút tiêu biểu thuộc loại này có thể là : «Tôi thích loại đàn bà lớn tuổi hơn» và «Đừng tin những người trên ba mươi tuổi». Một chiếc nút khác bày tỏ một kinh nghiệm chưa chát, cay đắng hơn với hàng chữ : «Tôi ghét tất cả mọi người».

Một số nút đề cập đến vấn đề mại dâm và ngừa thai không có gì đặc biệt vì thiếu cái tế nhị, nói ít hiểu nhiều. Chẳng hạn chiếc nút ghi câu: «Hãy đề cho gái điếm hành nghề». Nó là một khẩu hiệu hơn là một lối chơi chữ.

Những chiếc nút mang những hàng chữ liên quan tới chính trị dĩ nhiên cũng «hàng mực tàu» không kém. Mà vấn đề sôi bỏng nhất ở Hoa-kỳ hiện nay là vấn đề chiến tranh Việt Nam. Một chiếc nút nền trắng chữ đen đập vào mắt mọi người như một lần chớp găm vào vụn hai chữ «Bomb Hanoi». Cương quyết không kém là chiếc nút: «Chiến thắng ở Việt-Nam». Dịu dàng hơn một chút là chiếc nút có hình quốc kỳ Hoa kỳ mang câu: «Ủng hộ binh sĩ của chúng ta ở V-N». Phần lớn những người tham dự cuộc biểu tình ủng hộ chiến tranh V-N mà tôi đề cập đến ở trên đều mang những chiếc nút này. Và trên đường phố Нью-Йорк, số người gắn loại nút này trên ngực không phải ít. Họ là những thanh niên có vẻ am hiểu về cuộc chiến tranh tại Việt Nam hơn những người khác. Tôi đã có dịp nội chuyện với một thanh niên mang loại nút này trong khi đứng gần một bàn bán sách của phe chống chiến tranh. Anh ta cho biết là những người này không hiểu gì về những gì dân tộc anh phải làm và hành động của họ không mang lại một lợi ích nào cho tổ quốc họ.

Những người chống chiến tranh và chống chính phủ dĩ nhiên cũng có loại nút riêng. Và phải công nhận họ có nhiều khiếm khuyết hơn.

Chắc các bạn còn nhớ là trong dịp lễ Giáng Sinh năm ngoái, Đức Hồng Y Spellman, Tổng Tuyên Ủy Quân Lực Hoa Kỳ đã tới Việt Nam và có những lời tuyên bố rất cương quyết ủng hộ quân đội Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam. Tôi muốn nhắc thêm một chi tiết nhỏ là Hồng Y Spellman đã cao niên, đi đứng rất khó khăn và hiện đang cai quản giáo khu Нью-Йорк. Tất cả những chi tiết trên chỉ để giúp các bạn thấy rõ cái khôi hài khi đeo chiếc nút ghi câu: «Gọi Hồng Y Spellman đi quân dịch».

Cũng liên quan đến vấn đề quân dịch có một chiếc ít cũng khôi hài không kém. Đó là chiếc nút mang câu loại quân dịch la-ve chứ đừng gọi sinh viên».

Một chiếc nút chống chiến tranh đã khéo léo kết hợp ai ý tưởng khác biệt bằng câu: «Tạo tình yêu chứ đừng tạo chiến tranh».

Khi đã chống chiến tranh người ta không buông tha người đang nắm trong tay chính sách của Hoa kỳ hiện nay. Tổng thống Johnson thật khổn khổ với những câu khôi hài đại loại như «L.S.D not L.B.J». Các bạn chắc đã thấy rõ lối chơi chữ này khi biết L.S.D là tên tắt của một loại ma túy đã một thời hiểm nghèo cốt báo quan trọng nhất trên trang đầu tiên và «B.J. là ba chữ viết tắt ba chữ viết tắt tên Tổng thống Johnson

Không phải chiếc nút nào cũng nói lên một tư tưởng rõ rệt như vậy. Có những chiếc nút mà tôi xếp vào loại «tếu» chỉ có 1 mục đích duy nhất là khôi hài để khôi hài. Nó vô thường ở phạt nhưng chắc chắn tạo được cho người đọc được một nụ cười để chịu Tiêu biểu cho loại này là chiếc nút đề «John Wayne làm Bộ Trưởng Quốc Phòng», các bạn nghiên xi nê không thể không biết John Wayne là một tài tử đóng phim sao hề thuộc loại «sùng» của Hoa Kỳ. Một chiếc nút khác mang hàng chữ thật thơ mộng «Hãy cho cô một dịp may».

Cái thơ mộng này chỉ như một ngọn gió thoảng vì rong hàng trăm chiếc nút chỉ có thể tìm thấy một, hai cái thuộc loại này. Những chiếc nút được bày bán trong các tiệm bán sách báo khiêu dâm và phần lớn đề cập đến vấn đề tình dục nên tôi muốn kết thúc bài này bằng một chiếc nút nhằm nhí nhát mà tôi xin mạn phép ghi nguyên văn và xin các bạn tha cho việc dịch ra tiếng Việt: «Orgasms for sale, rent or trade».

Nữ Ước 13-11-1967

TẠ TRUNG SƠN

thư về thành phố

và các anh hãy thức dậy lúc 7, 8 giờ
hãy xuống phố
hãy cõ vồ
đả đảo, hoan hô
hãy và hãy thở không khí tự do
thành phố với áo xanh, áo đỏ
tha hồ nhìn, tha hồ ngó
thân chút gần nhau trong giảng đường
ghé tai mà to nhỏ...

- nhân danh tự do
- nhân danh tin ngưỡng
- nhân danh đoàn thể

Chúng tôi xin lắng nghe...
Hoan hô các anh, hoan hô các bạn
thưa vâng,
nhân danh tự do có chi mà ngăn
hãy mua bán đổi trao
tỏ thái độ, hội thảo
(— thành phố rất ngon lành
thành phố không có chiến tranh)

thành phố của chính trị
thành phố của tôn giáo
có các Cha chỉ đường
có các Thầy dẫn lối
có thân mến đồng bào
có các nhà cách mạng tối cao
có đêm vũ trường
có chiều xa lộ
cùng những dự mưu dưới phố



... Sương xuống vừa khơi buốt giá
xao xác lá rừng lay động bước chân ai
— mời các anh vui thêm
xuân hãy còn dài
cám ơn Thầy
cám ơn Cha
cám ơn quý vị
cám ơn những cuộc đấu tranh
đời sống cho tôi
— cám ơn nồng thép lạnh

PHÙNG KIM CHÚ

(tiếp theo trang 16)

có kẻ quên người thuộc chủ trương trái với điều vừa quan sát thấy cũng chẳng thể sự yêu, sự mến mà bảo rằng trắng là đen. Nếu có người tử tế nào mang lại và nói này tiền, này chức tước, này danh vọng cầm lấy và quên đi những điều vừa quan sát thấy, cắt đi cái chân lý vừa tìm được vì nó bất tiện quá cũng chẳng thể nhận được, cũng đành phụ lòng người tri kỷ.

Khách quan và kỹ lưỡng, chính vì những thái độ đối kháng với thành kiến: tự ái, quyền lợi, danh vọng, mua chuộc, bẻ phái cầu thả, đại khái chủ nghĩa mà khoa học đã làm ra mưa làm ra gió, đã mang lại bay bổng lẫn sâu, đi nhanh, nghe vụn vặt.

Chúng tôi cũng thế. Chúng tôi kỹ lưỡng và khách quan. Chúng tôi nhìn từng góc phố nhỏ, thăm viếng từng ngọn cỏ, uống nước của mỗi giòng suối, chèo lên những chỗ khuất vắng nhất cũng như đã đi qua những nơi đông đảo nhất của mỗi giòng, mỗi chữ của tác phẩm rồi mới phán đoán. Và khi phán đoán thì yêu sẽ bảo là yêu, ghét sẽ bảo là ghét.

Chúng tôi cất lên những lời trong sáng chẳng có đám mây nào của tự ái. Chẳng có hố sâu nào của thành kiến. Chẳng có guom, chẳng có đao, chẳng có những độc được tên là bẻ phái, quyền lợi hay danh vọng.

HU-TRÚC

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Trong Mặt Trời buồn

Thơ của CHU TRÀ NGUYỄN MINH

xuất bản VĂN HỌC



CON MẮT ĐÁ ĐEN

Truyện dài

của

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

ANH đã sống ở Hà nội bao giờ chưa ? Có nhưng rất ít, chỉ những thời gian ngắn, anh ở trên Lạng sơn ? Lạng sơn thì tôi chưa được biết, anh chỉ xuống được ít ngày lúc chưa kháng chiến, thời đó các anh ai cũng làm cách mạng, ai cũng muốn trở thành anh hùng cứu quốc hết, ai cũng lên đường theo Dũng của Nhất Linh, anh chưa sang Tàu, chắc là anh cũng mong được sang Tàu, được bôn ba hải ngoại, thời chúng tôi không còn những mộng tưởng đó, chúng tôi ở một cảnh huống khó khăn hơn, chúng tôi sinh ra để chấp nhận, không để lựa chọn lên đường. Chúng tôi tìm con đường trở lại, không phải tiến tới những con đường trước mặt. Trở về quê hương, trở về Hà nội, tôi cũng như những người cùng lứa khác trên con đường trở về của mình. Khổ tâm, anh thấy vậy không, chúng tôi đã tìm thấy gì, không thấy gì hết : những đồ vỡ, đau xót, một

góc cửa đời

*1. khi chuỗi hạt đời lần đã giáp
ta bắt đầu sống lại cuộc ta chẳng
muốn giáp mặt thần linh
con người luôn sợ chết*

*chết là truyền sự sống
vào lòng hư vô
tôi sống đời tôi trong xác lạ
người gọi tôi mà tôi không tôi*

*2. đó em thấy không người có hạt
trái đất ngày đêm xoay chuyển luôn tay
bình minh này sẽ hoàng hôn nọ
lạ gì anh em giữa vòng đực cái*

*tôi mượn xác thịt này
sống một đời lạ hoặc
như nhờ thân thể em
cho tình yêu bám rễ*

*đấu lưng lại mỗi người một hướng
cùng nhìn chi có thấy cùng đâu
nhận ánh mặt trời để được sáng
mượn em về để biết lưng tôi*

ta nào thấy mặt ta
nếu không nhờ kẻ khác
em nào phải là em
nếu tôi không có mặt

khi giáp mặt mình nơi kẻ khác
muốn thu tay dấm đá đũa vô lương

3. tôi trở về gõ cửa căn nhà
đã một thời khóa trái
trước mặt tôi cánh cửa hư vô
mở tung vùng ảo giác

vòng tay ôm thân mình không giáp
tôi cô đơn trong dáng thể con người

đập cánh cửa đời tôi đến đó
tay bắt mặt mừng từng hình nhân
khi chợt nhận ra bàn tay trái
khi chợt nhận ra mình trong gương

4. cánh cửa đời bật tung trí nhớ
hình nhân tôi giáp mặt lạnh lùng

THÀNH-TÔN

luân hoán cao thoại châu và tình khúc cuối ở KBC 4100

xin mỗi nụ cười phủ mỗi đời tôi
xin mỗi lời tôi phủ mỗi đời người
xin mỗi đời người cho tôi cư ngụ
cho tôi một mình nằm hết đời tôi

anh đứng nơi nào trong anh mìn bấy ?
con giảng tình nào trong mạng nhện con ?
tôi còn tôi đây
tôi còn cái đó...
ai bảo ai cần mua một trái tim ?

tôi đánh trống tôi từng hồi kêu gọi
tôi rung chuông tôi từng chuỗi báo nguy
chợt nhận ra mình cong cong lưng ngựa
nhào lộn nhiều vòng nghe mỗi tứ chi
anh sẽ treo cờ cho tôi giống đích ?
em sẽ chong đèn thay mắt tôi trông ?
cảm tạ ơn người tôi là viên đạn
có đặt nơi nào cũng một số không
nếu những giông trên có thành thi phẩm
tôi bán 1 đồng ai rộng tay mua ?
buổi sáng buổi chiều đứng đi ngồi chạy
tôi chẳng là người cũng biết yêu thương
vậy cứ giả vờ làm tên thi sĩ
ca ngợi đời mình thử một phen chơi
tôi là mặt trời
tôi là ngôn ngữ

tôi là đời người
tôi là trái tim
tôi là mộ bia
tôi là sỏi đá
tôi còn là gì hỡi Luân Hoán tôi ?
có phải tôi là giọng chim đầu gối
có phải tôi là nụ sương trên hoa
không tôi là tôi
tôi là Luân Hoán
tôi thuộc vào mặt mũi người ta
ngày tháng đứng trên hai bàn chân thịt
ăn uống khóc cười giống hết anh em
và chẳng khác chi trăm ngàn giọng nước ngọt
mang trăm nỗi buồn chảy suốt trăm năm
ôi ruộng ôi đồng ôi cây ôi lá
tôi trôi một mình vào Tổ quốc tôi

mẹ đứng đầu sông xin đừng nhắm mắt
lệ mận nồng vừa rót dịu lời xưa
em đứng giữa cầu xin đừng buộc tóc
trăm ngọn buồn rầu đan đủ lọng che
tôi xé thịt tôi chắc gì máu chảy
người chẳng giết người sao biết thương nhau
và ngọn cờ nào treo trên đỉnh núi
tôi muốn xin làm một chiếc khăn lau
có đủ mồ hôi lệ người và máu
thân tặng cuộc đời ở lại bình an
chỉ có vậy thôi hỡi mày Luân Hoán
khốn nạn tôi vừa khởi đánh trống tôi
xin bán 1 đồng bài thơ này đó
ai mua ? dân già ngoài ngã ba kia

không mong mỗi người đi qua sẽ đọc
không mong mỗi người sẽ đọc sẽ vui

ai chết ai chôn ai ghi vào sử ?
tôi tập tôi cười mà vẫn đứng đưng

buổi sáng đánh giày buổi chiều nhỏ cỏ
ngày một ngày dài lưng rộng vai cao
đạn sống vì người
người là viên đạn
tôi là con người tôi sống cho tôi
hãy nắm chặt giấy cương này Luân Hoán
ra khỏi nơi nào sẽ gặp nghĩa trang
ra khỏi nơi này ngọn hương sẽ sáng
tôi sẽ làm gì thay đổi lời tôi?
ôi con ngựa sầu nằm ôm núi biếc
thôi xin nhường lời cho Cao thoại Châu
hỡi Châu hỡi Châu giúp ta một bận
ta là mặt trời
ta là trái tim
sẽ cho gì Na sẽ cho gì Lý
trong buồng ngực người ta chép sử ta

hỡi Na những Na và Lý
bài thơ này quà tặng hai người
có chồng đi xa làm lính
được ký tên Luân Hoán và tôi
dòng nước mắt nhều trong sa mạc

hình như chúng ta có tự do
và có chung sự tình cờ
để đứng chung với nhau một mảnh đất

không lớn hơn một bài thơ
Hoán ơi Hoán ơi Hoán
trả lại cho ta những đau buồn sợ hãi
những bầu trời rung rung lệ ướt
những cặp mắt cô đơn
như mái tóc ở trên đầu thi sĩ

10 ngón tay em có đan thành lưới
cũng không ngăn nổi những buồn phiền
cứ gõ cửa linh hồn ta như con ngựa điên hất tung
thượng đế

thượng đế của sự mù lòa
vậy em hãy nguyện cầu
cho anh thấy ngai buổi lên đường
buổi chia tay bằng hữu
vì lúc này anh rất cô đơn
như mắt của em và của Lý

hãy nói với Lý anh và chồng hẳn
bọn anh cùng khiêng 1 cây súng
như đôi ngựa què kéo chiếc xe
mà dốc đời cao vút
chạy ngược vào tim
và phải tưởng tượng kẻ thù
để nhắm mắt và nổ súng
này Lý này Lý thân mến
bạn có biết viên đạn đó bay đi đâu không ?
nó rơi vào hồn chúng tôi và nổ
thành những nhục nhân mà bạn và Na
không bao giờ thấy được
cũng chẳng hề được nghe

vì các bạn mê chồng làm thơ
nên suốt đời phải nghe về kẻ khác

đôi khi anh cũng muốn dành cho em và bạn bè
một bài thơ gọi là lời tự thú
chẳng hạn như những ngày lang thang
anh đã hôn một bé gái 15 tuổi
và làm tình với một tên du đãng
với dáng điệu hiền lành với một tên thi sĩ
những ước mơ hết sức tầm thường
như một chiếc maillot, một đôi vớ mới
như bàn tay nhuộm cát đầy bụi
để hái một bông hồng
hình như anh thất bại
nên lui về làm thơ
nên bị đời nguyên rủa
hai đứa anh như đôi ngựa què
trên dốc đời cao vút
em còn nhận ra anh hay không?
mặt mũi đầy thương tích
và nụ cười hết sức bao dung
xin tạm gọi là bông hồng tình ái
hỡi Na những Lý và Luân Hoán
được nâng niu trên lòng tay dính bụi
được nâng niu suốt đời ta...

LUÂN-HOÁN
CAO-THOẠI-CHÂU

GIỚI THIỆU NHỮNG TÁC PHẨM THỜI ĐẠI



SÔNG THAI

đọc

Mạch nước ngầm

của NGUYỄN-NGỌC

Cơ sở xuất bản VĂN HỌC

Hà nội 1960

Có những sự thật được khẳng định tới muôn nghìn lần vẫn thấy là cần thiết và bổ ích. Sự thật là dưới chế độ Cộng sản, tất cả những giá trị tinh thần phổ biến đều bị Đảng phủ nhận. Chẳng hạn việc bố thí tiền của cho người nghèo, đối với người Cộng sản, là một hình thức bóc lột tình vi của tư bản; hoặc giả tình thương yêu giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái chỉ là sản phẩm của hệ thống giáo dục phong kiến. Xuất phát từ cơ sở nhận thức này, ta có thể quả quyết rằng về mặt văn học nghệ thuật, dưới mắt người Cộng sản, những tác phẩm có ít nhiều chân giá trị đều bị phe phái là thoát hóa, phản động, là quan điểm thối nát mỹ tư sản, cần phải dả phá, thủ tiêu, hoặc nói như Lạc Định Nhất: «Cần phải cho tác giả nó một chùy vỡ sọ chết tươi». Ngược lại, đối với những người làm văn học nghệ thuật chân chính cũng như đối với quần chúng thưởng thức văn nghệ, những tác phẩm ấy đều được đón nhận một cách trân trọng, nâng niu, và cần được khuyến khích; phát uy tư điểm của tác giả và tác phẩm. Với nhận định này, chúng ta thử tìm hiểu MẠCH NƯỚC NGẦM, cuốn truyện đã xuất hiện tại miền Bắc

Mạch nước ngầm là tên truyện của Nguyễn Ngọc (1) do nhà Văn Học xuất bản. Điều đáng chú ý là hơn 10 năm qua, *Mạch nước ngầm* và *Vào đời* của Hà Minh Tuấn (2) là hai tác phẩm văn học, đã lôi cuốn được sự tán thưởng nhiệt liệt của giới độc giả và đồng thời cũng đã gặp phản ứng dữ dội nhất của giới lãnh đạo chính trị Hà nội.

Cũng nên biết thêm rằng hơn mười năm trước đây, trong kháng chiến, Nguyễn Ngọc đã khai sinh được một tác phẩm tiêu biểu: *Đất nước đứng lên*. Ở đây, hình ảnh Đảng còn rất mờ nhạt mà chỉ thấy nổi bật tinh thần chiến đấu tuyệt vời dũng cảm của đồng bào miền núi Tây Nguyên. Trong những điều kiện vô cùng gian khổ như thiếu gạo, thiếu muối, thiếu cả dụng cụ sản xuất, lam rầy, nhưng với ý chí bất khuất, nhân dân Tây Nguyên đã chiến thắng giặc Pháp. Và theo dư luận giới văn nghệ đương thời thì *Đất nước đứng lên* là một trong những tác phẩm giá trị vào bậc nhất của nền văn học mới vì đã xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sắc sảo, phản ánh được từng bước trưởng thành của anh hùng Núp, con chim đầu đàn của láy Nguyên anh dũng. Rồi tiếng súng kháng chiến gầm gào. Tư tưởng và tinh cảm của toàn dân nói chung và giới văn nghệ nói riêng bắt đầu có những chuyển biến lớn lao.

Từ giữa năm 1958, dưới sự chỉ huy, kiểm soát nghiêm khắc của đảng Lao động, hầu hết các nhà văn thơ đều bị buộc phải sáng tác theo những chủ đề mới trong khuôn khổ chương trình « Lao động cải tạo xã hội chủ nghĩa ».

Sau hơn một năm hòa mình cùng với quần chúng lao động qua cái gọi là « Đi vào thực tế », Nguyễn Ngọc đã vượt qua khối

(1) Tên truyện của Nguyễn Ngọc và cũng là tên chung của cuốn sách gồm *Mạch nước ngầm* của Nguyễn Ngọc và *Ngõ ngang xóm thị* của Võ huy Tâm do Văn học xuất bản 1960 tại Hà nội.

(2) *Vào đời* của Hà Minh Tuấn, Văn nghệ xuất bản 1963. Xem bài nhận định đăng ở tạp chí Văn học (Saigon) số 55 tháng 3-66

cái thế giới quen thuộc của ông — cái thế giới của suối núi rừng, hoa và những con người chất phác, giản đơn — và cố gắng mở rộng thế giới ấy bằng đề tài, khung cảnh và nhân vật mới. Nguyễn Ngọc đã mạnh dạn đi vào thế hiện cuộc sống mới, cuộc sống dạt dào nước mắt, và những con người mới, con người quên mình trong lao động vì một tương lai mờ mịt không tưởng, bởi chủ trương cường bách nghiệt ngã của Đảng.

Người ta cũng có thể nghĩ rằng viết *Mạch nước ngầm* dụng ý của Nguyễn Ngọc là hướng ứng đường lối, chủ trương của đảng, đặt ra một vấn đề có ý nghĩa giáo dục cấp thiết: vấn đề giáo dục nhân dân h. sinh mọi cá tính, mọi quyền riêng tư để xã. dựng chế độ bằng cách đòi hỏi nhân dân phải nỗ lực phấn đấu gian khổ và luôn đề cao cảnh giác với những tư tưởng lạc hậu, với những ý thức tụt lùi, hưởng thụ với tinh thần vô trách nhiệm và những biểu hiện mệt mỏi tiêu cực khác của chủ nghĩa cá nhân đang từng lúc vẫn còn khả năng tấn công lại con người. Tuy nhiên, kết quả là Nguyễn Ngọc đã biểu hiện vấn đề như thế nào. Ta thử theo dõi và phân tích xem.

*

Mạch nước ngầm là câu chuyện một đơn vị bộ đội miền Nam tập kết, chuyển sang sản xuất, phụ trách đào hàng mấy ngàn thước khối đất để xây dựng trạm bơm trong một khu công nghiệp. Họ phải đào đi đào lại năm bảy lượt trên một địa thế vô cùng chênh vênh hiểm nghèo. Họ phải phấn đấu với cát bồi, với nước ngầm cuộn lên đầy áp cả công trường. Nhiều mới bị quan chấn nắn hoặc những tư tưởng suy bì, tính toán cá nhân dồn dập phát sinh trong hàng ngũ lao động, gây nên một qua trình đấu tranh tư tưởng quyết liệt, sôi nổi, và gay go giữa từng cá nhân và tập thể, giữa thợ thuyền và ban chỉ huy công trường.

Nhân vật chính của *Mạch nước ngầm* là Quả. Trước kia, anh là một nông dân nghèo khổ, đã từng đi chăn bò, chăn vịt, làm thợ lặn biển. Sau này, anh gia nhập bộ đội, hăng hái đánh Tây cứu nước. Hiện nay, Quả là chính viên đại đội, là linh hồn của công trường. Như vậy, nếu chủ nghĩa Cộng sản là một lý

tưởng thì hẳn Quả đã hành động như một cá nhân gương mẫu, có sức cổ vũ, hấp dẫn, gây tác động mạnh mẽ đến mọi người chung quanh. Đáng này, trong thực tế, dù đôi lúc tác giả vốn có dụng tâm xây dựng Quả như một nhân vật tích cực nhưng trước sau, người đọc vẫn thấy Quả thường xuyên tỏ ra bối rối trước những tình thế khó khăn, trong lời nói, trong ý nghĩ thậm chí có nhiều lúc mất hết cả niềm tin và hoàn toàn thiếu vắng cái tinh thần chiến đấu lạc quan, chủ động trước đời sống. Đối diện với cái thực tế đột ngột, phũ phàng, Quả bỗng nhớ về những kỷ niệm đậm đẹp, những vang bóng quá khứ tươi mát của «những đêm hành quân tìm địch» nhiều gian khổ nhưng cũng tràn đầy hương thú khiến đầu óc Quả xáo trộn những ý nghĩa dang cay và tâm hồn xao xuyến một cảm giác buốt nhói tuyệt vọng «đời mình thế là vứt mẹ nó đi rồi!». Quá khứ tươi sáng càng thức dậy càng tỏ đậm cái hiện tại đen tối trước mắt là cả một hiện thực đời sống khôn khổ, cùng quẫn hầu như mất hết phương hướng. Hiện thực bí đát thường xuyên trở thành một ám ảnh bám sát Quả như một bóng ma không lúc nào buông tha: *Càng ngày càng thấy phức tạp thêm ra — Con người rắc rối thêm đã đánh, công việc càng gay go gấp mấy lần ngày xưa.* Người ta đã lợi dụng những danh từ to tát «tất cả vì xã hội chủ nghĩa» với mục đích khai thác tận cùng khả năng lao động của anh, để xây dựng một «cuộc sống mới chen chúc trong đó cái phần riêng của từng người rất ít mà cái phần chung lại rất nhiều» và «Cái phần riêng ít ỏi, nhẹ nhõm đó là gồm toàn những đau khổ, phải căng dôi vai ra mà gánh» khiến nhiều lúc anh ngậm ngùi, chua xót trong cái mặc cảm bị đánh lừa một cách trắng trợn. Quả cũng đã vui đầu học văn hóa, nhưng nào có học với một sự thoải mái trong lòng gì đâu. Anh học là chỉ để đối phó với cuộc sống lâm hiện tại bao gồm những nỗi khổ dai dẳng triền miên và những ư tiện, bất trắc thường trực, học để tranh thủ bớt công tác vất vả, vì «hòa bình rồi mà càng gian khổ gấp mấy ngày trước, lại chẳng đem đến một chút lạc quan gì.»

Trong Quả đôi khi cũng có vài cổ sẳng vượt qua những khó khăn bên trong sự cố gắng vẫn lộ ra cái gì như là thụ động, chịu đựng bất đắc dĩ, theo kiểu *«cứng đờ vai ra mà gánh cái gánh nặng công tác trách nhiệm thường là quá sức mình»*. Hoặc giả, trong cái kiểu anh hùng ấy thường toát ra một cái gì quá ư khổ sở — một cái gì ngỡ như nản chí làm liều — như khi Quả buộc hai hòn đá lớn vào chân, lặn xuống dòng nước xoáy để tìm mạch nước ngầm. Lúc đó đã tìm ra thì cả người anh bị kẹt vào hai hàm ếch khiến cho bảy, tám người khác phải cố hết sức kéo dây an toàn ra cho anh mà vẫn không lay chuyển. Nếu chỉ có thể thôi thì kể ra Quả đã có thái độ khá anh dũng, nhưng chỉ trước đó mấy phút, Quả đã phải chống đỡ rất nhiều với tình hình gay go trong hàng ngũ lao động. Một cuộc tranh chấp bất ngờ giữa Thuyết — người bạn thân của anh — và Quả đã làm cho *«đôi mắt Quả đỏ lên như một con bò mộng lên cơn»*. Quả đã phải *«ức giận»* rồi *«xấu hổ»* và *«một nỗi chua chát tràn đến đầy đặc trong lòng»*. Cuối cùng, nỗi bức dọc và quá khích cùng một sự lo sợ ngấm ngấm đã thúc đẩy anh phải dồn hết gân sức ra để đối phó với không khí nặng nề đang chực kéo chửu anh xuống. Lúc sắp bắt tay vào nhiệm vụ, Quả đã phải *«cắn răng, mở trừng mắt»* và *«bước lên trên cái cầu gỗ vừa bắc tạm ra gần chỗ nước sôi sùng sục»*. Cũng đã có lúc, *«trên khuôn mặt dạn dày ấy hiện lên một nét hoảng hốt»* để rồi liền liếc nhăm mắt *«bước tới một bước rất ngắn và rơi úm xuống đúng ngay cái chỗ xoáy nước đang sôi lên dữ tợn nhất»*. Có lúc, Quả đã phải thốt lên cái ý nghĩ vô cùng bi quan, tuyệt vọng : *«Chúng ta vẫn chưa đủ sức dò cho hết những mạch nước ngầm trong lòng đất và trong lòng người»*.

Tất cả những hành động mang tính chất âm thầm, đơn độc, phản ánh cái tâm lý hoài nghi, thụ động trước cuộc sống của nhân vật chánh đã trở thành một nét quán xuyến trong tư tưởng chữ đạo của tác phẩm, và chi phối cả quá trình tiến triển của tính cách các nhân vật trong tập truyện.

Nhân vật quan trọng thứ yếu, là Thuyết. Anh là một quân nhân đã sống nhiều trong chiến đấu và cũng đã có những hành vi tử oa ra đời âm nhạc thương. Ai không xác định trước việc Thuyết biểu mình ôm xác Quả rút lui trong một trận chốt gài ở ven sông lau lách ngày xưa! Thật đẹp biết bao cái tình bạn keo sơn giữa Thuyết và Quả đã gài bó voi « mùi đất ven sông lau lách chen lẫn mùi ngai ngái của lá dâu, mùi nước dãi trên các cành hẻm gỗ ghềnh và cả mùi hoa dẻ thơm ở dâu đỏ, buổi chiều ». Cái tình bạn được gài bó trên cơ sở của tình đồng chí, đồng đội trong tình que hương và càng đậm đà hơn trong những lần vào sinh ra tử, tưởng không bao giờ phai nhạt. Ấy thế mà sau hòa bình, gặp nhau lại hoàn cảnh đã làm thay đổi bản Thuyết vẫn lầm lì, nóng nảy nhưng đức tính tích cực trước kia thì không còn nữa. Anh đá mìn với cấp trên và chạm với đồng đội. Ngờ vực đối với mọi người, kể cả bạn hữu đã từng chia ngọt xẻ bùi với anh trước đây. Thật chi, trước cái phút nguy hiểm của Quả, Thuyết vẫn phớt lờ: *Cái thằng ấy đem bỏ nhiều tai họa đến cho đơn vị, bây giờ nó chết dưới này trách nhiệm sẽ đổ lên đầu ai?* Cái tình bạn ở đây đã đi đến chỗ tình toán nhỏ nhen. Ít kỷ, thậm hạp như thế, nói chỉ đến tình anh em, tình đồng bào! Cái gì đã làm biến đổi bản chất tốt đẹp của Thuyết? Nguyên nhân nào đã xô đẩy Thuyết rơi vào tình trạng sa đọa một cách thê thảm như vậy nếu không phải là hoàn cảnh của một xã hội xây dựng trên chủ nghĩa cá nhân, đố kỵ, phản phúc và bạo tàn?

Về mặt lao động. Nguyên Ngọc đã làm cho người đọc phải đặc biệt chú ý và thương cảm. Làm việc bao ngày đã dành, cảnh lao động ở công trường « vẫn lục đục làm việc suốt đêm, tiếng búa gõ vào cốt pha nghe âm vang như mõ. Một dịp đỡ bê tông đêm, những đôi boots cao su nứt nhọc, nặng trĩu ughien sỏi dỏi dỏi lạo xạo » nghe rõ rỏi và chón chương làm sao! Những Quả Thuyết, Mạ, Mỹ cho đến cả cái đám quần chúng rộng rãi trong mạch nước ngầm đều là những công dân bé bỏng tội nghiệp, đáng thương. Những khẩu hiệu « ngày là thêm giờ, tháng là thêm ngày », « bắt đêm làm ngày », « đốt

được thay trắng » hoặc « phần đầu để trở thành tổ tiên tiên, đơn vị tiên tiến, cá nhân tiên tiến » - làm cho khối quần chúng không tên tuổi trên công trường trở nên kiệt quệ, héo mòn thân thể và khô cạn tim óc. Đôi lúc những người công nhân vô danh kia cũng ngịch ngợm, đùa bỡn với nhau nhưng chuông qui ở họ vẫn như không dứt ki ỏi một sức ám ảnh về cuộc sống đang đè nặng lên mình. Những con người như thế, thấy ma tội nghiệp quá ! Đọc họ, người ta lấy thêm nỗi buồn mênh mang, ray rứt của họ. Những đau khổ của họ vẫn sâu nặng quá, tưởng như lam rợn cả gay óc trong tình cảm độc giả.

Rõ ràng là cuộc sống của người dân Bắc Việt — đầy rẫy những khó khăn khốn khổ, thậm chí những khó khăn *« không biết đến bao giờ mới giải quyết được »*. Bởi vậy, câu chuyện Mịch NƯỚC NGẦM là một ám ảnh, một sức nặng vô hình tưởng chừng như dồn ép con người xuống, biến họ ở thành một vật thụ động, một công cụ sản xuất im lìm.

Trong toàn chuyện, cuối mỗi đoạn, người đọc lại thấy hình ảnh của Quả Ôm đầu suy nghĩ trước những gian khổ và bế tắc của cái nhiệm vụ thường là *« quá ư nặng nề »*. Ở phần kết truyện, tâm trạng băn khoăn đau xót của tác giả cũng lược bỏ một nét khi ông cho Quả khái quát một triết lý yếm thế về nhân sinh quan : *« Trong cuộc chiến đấu hiện nay, mỗi người ngoài cái sức nặng công tác thường là quá sức mình, còn phải căng đôi vai lên mà gánh những đau khổ riêng tư cũng nặng nề biết bao »*. Tiếp theo đó, một câu nói khác úp xoáy đi xoáy lại trong lòng Quả như một mũi đinh ốc : *« Bao giờ mới giải quyết hết những điều đó ? Dưới lớp đất mầu mỡ này đây, còn có bao nhiêu mạch nước ngầm nữa... Cái thể của những con người đang tìm lớp cho hết những mạch nước ngầm trong đời sống hiện nay để xây dựng một cuộc sống mới chắc chắn là mờ mịt »*. Những câu triết lý ấy cũng chỉ là ý nghĩa điển hình về tâm trạng u uất, dao động, tủi nhục của giai cấp lao động và văn nghệ sĩ miền Bắc Việt hiện nay mà Nguyễn Ngọc đã từng cảm thông sâu sắc và tuề nghiệm

trung thành. Do đó, ông đã khắc họa được diện mạo của một số nhân vật với những tâm tính xao xuyến vẽ lên được một cuộc sống phạm vi góc cạnh đen tối giống hệt những mẫu đời thực và điều chủ yếu của người đọc tìm thấy thấy rằng trong tất cả mọi lớp người ở miền Bắc hiện nay ai cũng mang một cách nhìn, một điều suy nghĩ có nhiều theo thực, bản khoả như những con người luôn luôn trầm tư, héo hắt trong truyện.

Phê bình truyện Mịch nước ngầm của Nguyễn Ngọc, tạp chí Văn nghệ Hà nội (1) đã viết: « Phải nói rằng khi đọc xong truyện Mịch nước ngầm, người ta thấy cái gì không thoải mái. Qua nội dung câu truyện, một cuộc sống trầm lặng như đang nén kín bao nhiêu bức bối ngấm ngấm và cả một không khí nặng nề một mối cứ thăm thẳm vào cảm giác chung ta. Có thể nói cái hình ảnh một mịch nước ngầm như đã ngự trị lên mọi cuộc đời của truyện, thường xuyên đè nặng lên tinh cảm những con người trong truyện đồng thời cũng ám ảnh từ đầu chí cuối những người đọc truyện. Không khí câu chuyện dù đôi khi có gượng lên chút ít vẫn không làm tan loãng được bầu khí nặng nề nói chung. Cái nhịp đời trong truyện cứ diễn theo một điệu trầm buồn, khó khăn lắm mới cất lên được một lúc, nhưng sau cái lúc sôi nổi nhất thời ấy cuộc sống lại trở lại chìm vào những bản khoả thắc mắc, dẫu vật hàng ngày. Những bản khoả thắc mắc, đã trở thành cái nếp của cuộc đời các nhân vật và giống như những đám mây mù trùm lên câu chuyện mịch nước ngầm. Những con người trong truyện tưởng như đã phải vật lộn với bao nhiêu khó khăn, phấn đấu hết sức mình cho đến lúc mệt mỏi qua lắm rồi mà nào đã thấy nhích lên được chút gì giữa cuộc sống mây mù ấy? Trong một bài đã kích khác, Vũ-tú-Nam, cây bút phê bình chuyên nghiệp của tuần báo Văn học, cơ quan của Hội nhà văn Hà nội đã viết: « Nguyễn Ngọc chưa nhận rõ hướng tiến quân nên đã do dự, bất

(1) Số tháng 7-1960

lực trong trận đánh. Anh chưa hiểu sâu sắc đời sống và con người với tất cả những chuyển biến hiện thực phức tạp của nó, nhất là cuộc sống rất mới, tác giả thâm nhập chưa thật là bao. Nguyên Ngọc đã muốn viết sâu sắc nhưng đã rơi vào sự suy nghĩ nông cạn, anh muốn ngòi bút mình hiện thực hơn mà lại mắc vào cái vòng suy diễn chủ quan... »

Lẽ tất nhiên, những người phụ trách văn nghệ, cơ quan lãnh đạo giới văn học nghệ thuật miền Bắc, thừa hiểu hơn ai hết cái thực trạng bí đát trước mắt đã tác động mạnh mẽ đến tình cảm của các nhà văn. Mặt khác, tác phẩm của Nguyên Ngọc đã không làm vừa ý tập đoàn lãnh đạo chỉ vì tác giả của nó trong lúc sáng tác, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của đường lối nệnh danh là « phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa », nghĩa là phải biết che giấu những cái xấu, bưng bít những điều bất lợi cho chế độ để chỉ biết luôn luôn tô hồng xã hội, thêu dệt cuộc sống cho thật nhiều màu sắc quyến rũ.

Thật ra, những điều mà Nguyên Ngọc đã viết chính là kết quả của sự quan sát tỉ mỉ, suy nghĩ chín chắn về những hiện tượng trong đời sống, thông qua một quá trình sáng tác có ý thức. Nếu bảo rằng tác giả Mạch nước ngầm thiếu vốn sống hoặc suy nghĩ nông cạn thì cũng chỉ là cái luận điệu mơ hồ hoặc có tính cách võ đoán quen thuộc. Sự thật, vốn sống của Nguyên Ngọc đã được tích lũy dày đặc qua gần 10 năm kháng chiến cộng với 6 năm hòa bình. Là một cây bút vào loại xuất sắc, dĩ nhiên Nguyên Ngọc chẳng những không suy nghĩ hời hợt mà lại có nhiều khả năng cảm nghĩ bén nhạy, sâu sắc. Sau một thời gian đắm đuối trong cái lợi là « đi vào thực tế », Nguyên Ngọc đã nắm vững được thẩm thấu từng góc cạnh tư tưởng tình cảm của giai cấp cần lao, mang được cái hơi thở nóng hổi, cái máu thịt run rẩy của thời đại vào tác phẩm của mình. Với ý hướng tôn trọng sự thật Nguyên Ngọc đã kế thừa và phát huy truyền thống sáng tác của nhóm Nhân văn Giai phẩm trước đây. Để tìm hiểu thêm

tâm sự của tác giả, người ta không thể bỏ quên cái nhân tố chủ yếu tức là bối cảnh xã hội đương thời. Bối cảnh xã hội đó chính là những xiềng xích trói buộc, những chà đạp nhân phẩm, những đè ép bất công, những chính sách áp bức, bóc lột cực kỳ tàn nhẫn. Tất cả các hiện tượng u ám đó là những điều kiện tinh thần ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng và tình cảm của nhà văn. Viết *Mạch nước ngầm*, chắc chắn Nguyễn Ngọc muốn biểu thị một thái độ tích cực của mình đối với đời sống bằng cách gióng lên một tiếng chuông kêu cứu thảm thiết về việc cải tạo xã hội trach nhiệm của những người cầm đầu chỉ đạo hàng hạ sa số tàn trạng đang uất nghẹn tới hơn và hừng hực căm giận.

Nếu nội dung của văn học là hiện thực khách quan được phản vào tác phẩm qua cửa ngõ nhận thức và đánh giá của nhà văn, và là hình tượng chủ quan của hiện thực khách quan thể hiện cái bản chất, cá tính trong những hiện tượng cụ thể những nhân vật cái biệt thì *Mạch nước ngầm* quả là một bức tranh sống động ở g hợp đời sống của người dân và phản hiện được những mâu thuẫn gay gắt giữa tầng lớp bị trị và lãnh đạo.

Trong quá trình quan sát nghiên cứu đời sống, và để chọn lựa, phân tích tổng hợp, và khái quát hiện thực của xã hội trước mắt nhằm hoàn thành sáng tác của mình, dĩ nhiên là Nguyễn Ngọc cũng đã bày tỏ sự đánh giá của ông đối với hiện thực mà ông đã hứng kiến. Việc đánh giá hiện thực phụ thuộc vào thế giới quan của nhà văn, vấn đề thái độ của tác giả đối với cuộc sống (Hiển như vậy, thông qua *Mạch nước ngầm*, người đọc thấy Nguyễn Ngọc đã miêu tả được những hiện tượng u ám tiêu biểu, phản ánh được bản chất sa lầy của cuộc sống, biểu hiện được những vấn đề cơ bản xã hội đầy rẫy bất công, ngột thở do đó ông đã cung cấp cho người đọc những tài liệu sống động' xác thực, để từ đó rút ra những kết luận nhất định về cuộc sống của người dân và tâm tình của người dưới chế độ chính trị miền Bắc.

SÔNG THAI đọc

Chia thích của người viết :

Những chữ, câu in nghiêng trong bài là trích nguyên văn của truyện *Mạch nước ngầm*.

buổi sáng của mọi ngày

buổi sáng anh thức dậy đánh dấu thêm một ngày
một ngày bao nhiêu người ngã gục bao nhiêu trẻ ra đời
như đứa con ra đời nằm trong nôi cha nó chết ngoài mặt trời
thức dậy sau một đêm dài ác mộng
hoặc sau một đêm trằn trọc nằm nghe mưa đạn bay trong
thành phố

lặng nghe sự hí hửng bên kia vùng không an ninh và bóng tối
thức dậy để còn nhìn thấy mặt trời dù mặt trời mây phủ
còn thở không k í dù không khí bụi bặm hơi cay khói súng
ôi ước chỉ được giấc ngủ êm đềm thanh bình như khuôn mặt
trẻ thơ

trong nỗi đêm ngày vô tư bất kể
anh một mình vươn vai bề ườn ngón tay rưng rức
hạnh phúc là ly cà phê và điều thuốc
anh tính tuổi anh từng ngày như tính từng ngày cho đứa con
gần đây tháng
đầy tháng đầy năm rồi khôn lớn
ôi rất may nó là con gái

chỉ khổ người thân đã chết người tình đã ra đi
hạnh phúc là không bao giờ cảm thấy
anh nhìn con trong nôi rồi ra bao lơn nhìn xuống đường

chợ đã họp đông từ bao giờ ồn ào như kên kên quanh
xác chết

sinh hoạt vẫn tiếp diễn tuần hoàn tiêu hóa bài tiết

đầu người lơ nhõ như mái tôn quán chợ như mái nhà rêu phủ
thành phố thanh bình những đồng rác gia súc tự do ngoài đường
anh nhìn đàn bà con gái đi điếm qua lại

nhìn ngực nhìn mông nhìn đùi những vũng nước mưa lầy lội
người lính chiêu hồi đứng gác, người phu khuân vác phân bón
anh phụ xe lôi cong lưng đạp nhìn vắn vợ tất cả

nhìn bãi chiến trường mờ hôi nước mắt

nhìn chán ngáp dài rồi trở vô

nhìn đứa con an giấc trong nôi

không biết anh có mong cho nó chóng lớn hay không

bất hạnh và suy tư không ngớt.

LÊ VINH-THỌ

quê hương

LÊ THỊ HÀN

Tiếng cười ở đằng sau lưng. Tiếng cười đưa tôi, vào một thế giới xa lạ, ngỡ ngàng. Tiếng cười, càng lúc càng lớn, càng vang. Tôi thẳng thốt tìm chàng. Tôi có thể hiểu mọi người qua chàng.

Chàng đang gặp mình xuống nệm xe và cười đến không thành tiếng. Những đôi mắt người khác sáng lên và nhỏ lại. Tôi gọi tên chàng thật nhỏ. Mỗi một lúc sau chàng mới ngẩng mặt lên nhìn cho tôi yên tâm rồi bảo — không có gì hết. Hai má tôi bỗng nóng ran lên và toàn thân tôi như bị kim châm.

Quê hương tôi trong hình ảnh trước mắt, chồm nổi tuyết trắng vẽ hình trên trời xanh. Tôi nghe tiếng chàng nói từ đằng sau : — Em nhìn xem, đũa nào đang nướng khoai trên kia để khỏi ra um tùm. Tôi bật cười. Quê hương tôi người ta nướng khoai không ra khói. Nhưng tôi đã không dám nói với chàng điều đó. Chung quanh đây tôi có một mình. Tôi không muốn thăm nụ cười của chàng ; tôi muốn lên tiếng với mọi người. Nhưng tôi ngượng ngập quá và những mũi kim như càng lúc càng sâu vào da thịt. Tôi cựa mình khe khẽ, và những điều không nói được gây thành một tiếng thở dài. Cô bạn bên tôi hỏi tôi :

— Sachico, chị làm sao thế.

— Không có gì, hơi mỗi một chút thôi.

Tôi cầm lấy tay nàng và trở mình về phía ấy. Bàn tay nàng cũng nhỏ và thon như con người nàng. Tôi đưa tay vuốt sợi tóc dài sẫm màu má nàng và níu lấy nó như một sợi dây kéo tôi ra khỏi vòng cô đơn.

— Tóc chị dài ghê nhỉ.

Không. Tôi không nên gọi nàng bằng chị. Nàng bao nhiêu tuổi tôi không biết nhưng tôi trông nàng như em tôi. Tôi cũng không thể gọi nàng bằng em nữa liệu nàng có nhận những thương mến đó? Tôi muốn gọi nàng bằng tên. Nhưng cuối tôi không gọi bằng gì hết :

— Có phải phần đông con gái Việt nam đều để tóc thế này không?

— Tùy nơi và tùy tuổi Sachiko à. Có lẽ sang năm tôi cất đũa. Lan nói tiếng Nhật phảng phất giọng Việt nam, tự nhiên nghe dễ thương và nhẹ như tiếng chim.

— Chị định bỏ nước đấy sao?

Tôi quay lại ghế sau Trừ chàng ra tôi mới gặp lần đầu. Ngay cả Lan cũng vậy. Nhưng tự nhiên tôi thấy như đã thân thuộc với nàng.

Đề như vậy trông kín đáo và như mang cả quê hương trong mình.

Tôi nghe tiếng vài người thì thầm sau câu nói của tôi. Anh bạn lái xe ngồi bên cạnh bảo :

— Câu chuyện cổ tích Việt nam kể rằng ngày xưa có một bà xa chồng, bà ta thực nghèo. Tài sản của bà ta không có gì hơn là một mái tóc dài, thực dài. Lòng thì khổ, muốn tìm chồng không biết đi nơi đâu được ; bà ta đã nối dài những sợi tóc để làm đường lên hỏi ông trời — tôi nghe có tiếng cười nói tiếp :

— Tôi mong ở đây có thực nhiều mái tóc thực dài như cô Lan để rửa ráy có chuyện các cô buộc tóc lại cho chúng tôi có đường về nước. Dầu sao cũng vẫn gần hơn lối lên trời.

Tôi chưa kịp nói gì, mọi người đã lật câu chuyện sang một trang khác. Tôi cảm được những câu nói hương về chàng. Từ lúc đó thì tôi muốn hiểu cũng không hiểu được gì hết.

Trong cuộc chơi của mọi người, tôi như một chậu hoa mà xếp được vào khu vườn đã rào sẵn ấy ở trong tay của người khác. Tôi không thể tự mình bước đến được. Dù cho trong đó có chàng; và dù tôi biết rằng chàng luôn luôn muốn đem tôi đi cùng.

Tôi đã từ chối bao nhiêu lần, không tham dự vào cuộc vui của bạn bè chàng. Trong cuộc chơi, tôi luôn luôn muốn được vui như mọi người, tôi sợ phải một mình, tôi sợ sự im lặng làm thành cái hàng rào ngăn mình với người khác. Tôi có thể ngồi yên suy ngẫm hàng giờ một mình, hay làm như thế với chàng. Nhưng giữa mọi người, tôi không chịu được một sự cách biệt. Thế mà nhiều lúc người ta vẫn để tôi đứng một mình.

Nắng thực trong, xa lộ trải dài, thẳng tắp. Ngọn Phú Sĩ mỗi lúc một hiện rõ; ánh sáng đập trên tấm kính xe làm tôi thấy hình ảnh quê hương mình chói lóa hơn. Tôi không có một tình yêu quê hương đặc biệt. Tôi đã sống dễ dàng ở đây nên tôi chưa hề nghĩ đến xứ sở mình bằng một tình cảm trang trọng. Nhưng giờ phút này, quê hương đang giải thích sự cách xa của tôi, quê hương đang đỡ đánh tôi. Tôi cảm được một niềm kiên nhẫn như là điểm sáng nằm trên chóp núi đó chiếu thẳng đến vùng tăm tối của tôi, nhưng không hòa cùng tôi nổi cô đơn này được.

Xe đi dần xa thành phố. Các bạn chàng vẫn tiếp tục đùa phá. Tiếng Lan nhỏ bên vai tôi :

— Hôm nào em đến nhà chị chơi.

— Thực nhé.

Lan vui vẻ trả lời.

— Em thực muốn có một người bạn Nhật, nhưng các cô bạn của em, em có cảm tưởng họ không thực. Mà em, em lại không thích cái lối chơi xã giao; lâu lâu thăm hơi một cách khách sáo như thế...

Lan còn muốn nói nhiều nhưng Lan sợ tịch tịch tôi. Có thể thế, tôi hiểu Lan như tôi hiểu tôi.

Lần đầu tiên tôi gặp chàng trong một hiệu sách. Quyền tôi muốn lấy xa hơn tầm tay, chàng đứng gần và rút hộ, tôi bấp cấn ơn nhưng không nghe chàng nói gì. Tôi giữ nụ cười của chàng.... Và tháng sau tình cờ trong một buổi họp mặt sinh viên trường tôi tổ chức, tôi gặp chàng trong đám khách ngoại quốc. Tôi nhìn được chàng qua nụ cười thực hiền. Chàng tách rời đám đông, tiến đến tôi hỏi chuyện, Tôi rút rời đêm về nhớ làm sau : giọng nói đó và nụ cười đó. Ban đầu chúng tôi chỉ gặp nhau trong những buổi họp trao đổi. Về sau mỗi tuần chúng tôi gặp nhau một lần. Tôi đi quanh mình một hàng rào thực dày và giữ trọn ý nghĩa của những buổi tranh luận. Nhưng với bàn tay không vững của chàng, những song sắt quanh người tôi hạ xuống lúc không hay. Cho đến khi tôi thấy chàng thực gần mình. Cho đến lúc tôi nhận sự cần thiết nhau hơn, thì cũng một lúc tôi thấy giữa chúng tôi có một bức thành cao quá. Muốn đứng bên nhau cả hai đều phải nâng nhau để bước qua vũng vằng. Cho đến khi tôi cũng thường nói với nhau điều đó. Và chàng luôn nhích lùi trước chỗ đứng của mình nên tôi không còn thấy bối rối. Lần đầu tiên tôi đưa chàng vào đám bạn tôi. Hôm ấy là lễ tốt nghiệp của MICHIKO, cô bạn thân nhất của tôi — lễ ra thì tôi không nên đưa chàng đến một nơi như thế. Nhưng ở đâu tôi cũng muốn chàng phải biết. Tôi không bỏ lỡ dịp nào để chàng quen với thế giới của tôi. Tôi đề hàng quen với những lễ nghi phiền toái của xứ tôi ; chàng đã phải ngồi thực yên ; đã phải nghe thiên hạ đọc diễn thuyết hàng giờ, đã phải bị lũ bạn không khứng của tôi xô lại điều cợt..

Nhưng có một điều là chàng đi vào thế giới của tôi mau lắm, tôi lại chỉ có thể bước thật chậm vào cuộc sống của chàng.

Như g tôi đã thành thực cố gắng. Tôi theo chàng từng bước để có dịp tìm hiểu chàng rõ hơn....

Tôi quay nhìn Lan. Niềm vui ngời trên mắt mình. Tôi muốn kéo tay nàng ra khỏi xe, dắt Lan chạy dài trên bãi trước mặt biển mùa đông chắt lạnh, như xuống đó. Tôi có các và biển và mây trời. Chỉ có thiên nhiên, không có phươ

lên tới hay Lan thấy bờ vờ. Nỗi tiếng nói của chúng tôi có
hòa nhau thì âm thanh của sóng sẽ đem nó vào nhịp. Tôi
với anh bạn lái xe :

— Xin anh cho xuống đây chơi một chút.

Chiếc xe chạy một quãng dừng rồi lại bên rặng thông. Chúng
choàng áo vào rồi bước xuống. Bên ngoài gió thật nhiều và
biển lạnh. Tôi kéo tay Lan chạy dài theo bờ cát. Biển loang
ng, tóc và áo cứ chạy lùi về đằng sau trong lúc chúng tôi cố
rời tới trước. Gió thổi mạnh quá, Lan có vẻ không chạy
lên nữa. Tôi dừng lại nhìn tóc bay và nói theo tiếng gió.

— Lan đến chơi chắc mẹ tôi mừng lắm.

Chúng tôi đi ngược để quay về phía xe đậu. Gió trả áo và
về lối cũ. Hơi biển thổi cho tất cả mềm đi và ngái mặt.
Tôi nhìn nghiêng khuôn mặt Lan và nhớ mẹ. Chắc gặp Lan mẹ
cứng như cứng chàng.

*

— Mẹ ơi con đã về.

Tôi cởi giày bỏ vào ngăn tủ và mang dép vào nhà. Trời mùa
nổi suốt ngày ở sở, dù có may điều hòa không khí vẫn như
ấy thiếu hơi.

Tôi chưa quen với công việc, nên chiều nào đi làm về cũng
lặng mịch. Tôi chọn một cái yugata mỏng, thay ra và lên giường
m. Mẹ tôi mang lên một ly nước trái cây và bảo :

— Nằm một chốc cho khỏe mà đi ăn. Khi chiều có điện
gọi của Lan...

Tôi nghe tiếng thầy tôi tăng hăng ở gian nhà trong, và giọng
gọi gần chỗ hai mẹ con tôi :

— Một tuần chỉ đi làm có hai ngày, ngồi trong ngân hàng.
Ông đến thế mà chiều nào về cũng nằm thườn thượt... Mẹ
lấy cầm chiếc ly xuống cửa nhà bếp đáng bà vừa khoan thai,
nhấn nạy, tôi nhìn theo mà ước ao cái bình thân đó. Thầy
vẫn tiếp, giọng to hơn muốn gọi mẹ lại :

— Cả bà nữa, bà cứ nướng nó cho quen đi. Ngày sau rờ ra cái gì. Nhất là...

Tiếng thầy tôi đang to bỗng tắt nghẽn ở đó. Mẹ tôi đứng im trước khung cửa vào bếp. Và tôi nữa. Tôi không dám nói gì hơn. Tôi biết thầy tôi muốn nói điều gì rồi.

Đồng hồ trong nhà đánh bảy tiếng. Ông quay ra chiếc máy vô tuyến truyền hình và mở nút, tiếng tắc kêu cùng với động tác mở cửa của mẹ. Tôi vẫn nằm yên nghe giọng xướng ngôn viên về tin tức thế giới. Hình ảnh quê hương chàng. Tôi không còn muốn nhìn và muốn nghe gì nữa cả. Đầu óc tôi choáng váng. Cái gì mở đầu bằng hai chữ-nhất là. Cái gì đem ngặt ngừng vào động tác của mẹ. Từ mấy tháng nay đột nhiên Việt Nam trở thành một đề tài chiến tranh cho toàn thế giới tôi trở thành một người đáng thương đối với những người thân yêu tôi đã biết chàng. Thầy tôi chú ý đến tin tức thế giới nhiều hơn những trận dã cầu quốc nội. Bao hằng ngày trong nhà tôi lại có thêm một đọc giả sốt sắng. Buổi sáng, còn nằm trong chăn, tôi đã nghe tiếng mẹ mở tờ báo rộng ra và xé lại trước khi để vào bàn ăn điểm tâm. Không khí gia đình tôi cũng thẳng theo tình hình của xứ chàng, và các bạn của tôi chúng xúm xum xoe hỏi: «Mấy có định về bên đó không? Gia đình chàng thế nào...» Tôi có biết trả lời làm sao đâu. Tôi không biết gì hơn mọi người ngoài tin tức. Tôi quyết định thì không hoàn toàn phải bằng vào đó. Thầy tôi và các anh chị tôi thì không nói gì cả. Các người chỉ bàn tán sau lưng tôi và khi có mặt tôi thường hướng sang chuyện khác. Tôi cũng sợ mình không chịu được khi người thân đụng chạm đến quê hương chàng, nên vẫn cảm ơn thầy mẹ.

Tôi không biết rồi tình thế sẽ đi đến đâu, nhưng dù sao thì chàng cũng đã định là cuối năm nay về. Một lần chàng hỏi tôi «Em muốn làm một cô dâu Việt-Nam hay một cô dâu Nhật?» Lúc đó đã lâu lắm rồi, từ khi chàng mới tốt nghiệp cử nhân. Và tôi trả lời: «Em muốn làm cô dâu Nhật với chàng về Việt-Nam.» Tôi

không thấy một khó khăn nào giữa một cô dâu theo lối quê hương chàng hay một cô dâu theo lối quê hương tôi. Dù sao, nó cũng chỉ là một hình thức và dù cái hình thức đó không quan trọng đối với tôi hay đối với chàng, cũng sẽ là một niềm vui cho thầy mẹ và anh chị tôi. Tôi sẽ để lại đoạn đời tuổi nhỏ cho các người thân và về với chàng trong một đoạn đời dài hơn. Tôi ước ao được nhìn tận mặt nỗi an tâm của bậc sinh thành...

Khoảng thời gian còn lại của chàng ngày càng ngắn mau. Việc làm một cô dâu theo lối nào không còn đặt về vấn đề nữa. Và tôi chắc đến cả trăm phần tôi sẽ được làm một cô dâu Nhật.

Điều đó đạo sau này cũng không còn làm chàng bận tâm nữa. Không nằm được trong những bận tâm lơ lạo của chàng, tôi chỉ biết im lặng để chia nỗi lo.

Cho đến hôm qua. Sau buổi tiệc sinh nhật Lan, chàng đưa tôi về nhà. Lần đầu tiên từ mấy tháng nay chàng đi vào chuyện hai đứa — Sachiko, em có nghĩ là em đủ can đảm bước chân vào một mảnh đất đang sửa soạn pha nhiều máu hơn không?

Trong đêm tối, đôi mắt chàng sáng lên dữ tợn. Tôi chỉ nắm chặt bàn tay chàng mà không nói được gì hết. Nếu tinh thần có thể di chuyển được, thì lúc đó chúng tôi đã trao hết niềm tin cho chàng. Chiếc xe đỗ trước nhà chàng tựa tôi vào tôi công khi chiếc khoá cửa bấm như một lời hứa chắc, chàng lên xe trở về nhà.

Những ngày trong tuổi thơ còn lại rất ngắn. Niềm âu lo của thầy mẹ rồi đến lúc sẽ càng mạnh ra và dứt. Tôi sẽ đi một mình vào với cuộc sống trên miền đất có nhiều lúa xanh, nhưng bây giờ đang loang mau...

Tokyo 1967

LÊ-THỊ-HÀN

loi tinh cho mua xuân yeu đau

1.

Khi nhận ra những sợi máu hồng từ mười ngón
thấp lên đời người sáng lạng em đã thấy mùa xuân h
hoàng chẻ trăm sợi tóc thanh xuân.

Cùng nỗi hận hoan hòa với giọt cười trái tim treo b
ngư chào mừng cỏ cây - một lần thơ ấu trở hoa.

Đó là thời kỳ tự do loài mây đam mê đuổi gió anh
học làm thơ nói về nỗi sầu sông biển.

2.

Khi nhận ra giòng hắt hiu từ mười ngón suốt tất c
nguồn sinh lực âm thầm em đã thấy mùa xuân lòng l
như giọt nước mắt trôi nổi đời mình.

cùng lời phiến muộn rút xuống tận cùng cuộc sống
tim vo tròn trong đôi tay khô nứt kéo gần nỗi chết
trời mở toang cửa sổ em đập vỡ chiếc kính thủy t
và bỏ đi biển biệt.

đó là thời kỳ nỗ lực lao bọ hung cúi đầu vâng lời thươ
để anh bỏ làm thơ theo học sách xử dụng vũ khí tối t

3.

Khi nhận ra những bài thơ thời lãng mạng anh kh
viết cho tình yêu cho mùa xuân em đã thấy đời anh
đơn và bao dung quá đổi.

Khi nhận ra hai tay anh mọc hai loài dã thú sẵn sàng
nhân em đã thấy đời anh cũng vô cùng độc ác.

và bây giờ khi nhận ra chúng ta đang đi giữa giòng
tập sãng sãng dập tắt mười ngọn nến soi rõ mặt người
xin chút mặt trời thấp lên sự sống cho một loài bèo

PHAN NHƯ THỨC (MÊK)

nhân mặt
mùa xuân tôi

giăng kềm gai hạnh ngộ trong khu trí nhớ
treo biểu ngữ thiết tha và hô hào
nước mắt chiến tranh giữa hốc đá mùa xuân
ngồi dằng lẹ hai tay ghi tình thật
khoác thân thể những vòng hoa bọc dọc
tò làn môi tháng giêng hồng thắm buồn đau
xin mừng nhau
thân ái những muôn sau

xời bạo dạn trong luống cày năm mới
lộc ý thức những chồi nhung mượt
trao tặng người biểu lộ nhân nhượng
không tắt tả như mây chiều tập dăng
một nơi xa nào biết đến
của luôn luôn có mặt hải lòng
đau được cho quạnh vắng

mong ngóng chừng yên vui lắm lúc
hảo hức dài đêm rượi thân yêu
không tắt tả nào đâu tỏ ấm
xin hồng tươi nét mặt
xin tim về đập diu
xin mừng nhau
những thân ái những muôn sau.

TÔ ĐÌNH-SỰ

tho anh bay gio

bởi đôi mắt em ngoài tầm thân mến
khi quê hương chim hót chẳng nên lời
tâm hồn anh thêm một lần mắc cạn
trên dòng sóng vàng lạnh cuối sương mù

và nổi diu hiu trong lòng của mẹ
lớn vô cùng theo cuộc chiến vô duyên
mỗi chúng ta trả dần cho thượng đế
kiếp làm người giới hạn một trăm năm

anh nhớ xót xa những ngày mới lớn
biết gì đâu ngoài mộng nhỏ thiên thần
khi bắt gặp trên môi loài ảo vọng
mới hiểu đời mình thiếu mất mùa xuân

chính lúc ấy tình cờ em đến
niềm vuốt ve nào xuống ngủ trong anh
lời ngỏ ý lẫn lời bom tiếng đạn
nỗi thiết tha như bọt nước lưng dòng

thành phố chúng ta thêm người xứ lạ
khi làng quê là những dãy chông mìn
thành phố chúng ta thêm nhiều tử tội
cuộc sống bây giờ thất lạc niềm tin

anh đã thấy những con đường đứt quãng
những chiếc cầu hư ngược mặt nhìn trời
những bạn bè anh cúi đầu chấp nhận
rất vô tình như chẳng biết nguồn vui

còn ở đó quê hương và nước mắt
nước mắt của anh và của việt nam
mãi nhỏ xuống cho già thêm trái đất
ôi bao giờ nhân loại biết ăn năn

HOÀNG LỘC

phan dau

*Lần mẹ mang thai con
Ngoại hồi ấy vẫn còn
Bảo mẹ cười ngửa trắng
Và cầm tên, bắn cung*

Hỏi ra mẹ biết rằng
Ngoại mong thăm trông bụng
Sinh đứa cháu đầu lòng
Là con trai ngang dọc

Rồi binh biến mùa thu
Ai cũng chạy tản cư
Ngoại nhất định ở lại
Giữ con ngựa, chiếc cung

Nhưng con ngựa đã chết
Trong một lần dội bom,
Chiếc cung cũng đã cháy
Thân ngoại cũng tro tàn

Bây giờ con phần đấu
Trong trận giặc cuối cùng
Liệu làm sao ngang dọc
Như lòng ngoại đã mong

HUY-GIANG

ngựa xưa

Đầy tiếng đá vỡ ào chân núi lở
Chiều xuân xưa dề dốc ngã theo thành
Gươm thiên triều lên chưa vừa ngọn cỏ
Ngựa trường chinh bụi đã lấm thân danh

Sách của trời : nẻo nào thân phận ấy,
Rượu mừng xuân : Nam quốc nam đế cư.
Xin trở về kẻ đêm nào lửa dậy,
Xuân của ta, người lạc xứ bơ phờ...

Biển của cha và non ngàn của mẹ
Dù nguyên sơ chia biệt, vẫn mặn mà.
Trường sơn cao mây trời qua đỉnh gió
Công danh nào khiến lia mẹ hờn cha ?

Nắng chiều sau, bia đá dấu nhạt nhòa...
Xin chút lửa về nhen chiều bấp ngúi,
Đêm nay buồn bề bạn vẫn phương nào ?
Ngựa đeo xa tiếng chân về rất vội
Tin xuân xưa ; rượu đã chổ vào thành,
Giặc trường chinh máu đỏ bến sông xanh...

NGUYỄN KIM-PHƯỢNG

1967

trình khúc

*Bình minh giữa hoàng hôn
Hồn em giữa hồn anh
Tình yêu là cõi mới
Bốn hạt mắt sao cười.*

TRẦN_DZA_LƯU